

Chương Trình OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan)

Danh Sách Thuốc Được Đãi Thò năm 2020 (Danh Sách Thuốc)

XIN ĐỌC KỸ: TÀI LIỆU NÀY CÓ THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI ĐÃ THỎ
TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY

Danh sách thuốc này được cập nhật vào 11/24/2020. Để biết thêm thông tin mới hoặc có các thắc mắc khác, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. Để biết thêm thông tin, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

H8016_20PD018TV

Formulary ID: 20558, Version: 32

Chương Trình OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) | Danh Sách Thuốc Được Đãi Thò năm 2020 (Danh Sách Thuốc)

Giới Thiệu

Tài liệu này còn được gọi là *Danh Sách Thuốc Được Đãi Thò* (còn được biết đến là Danh Sách Thuốc). Danh sách cho quý vị biết những thuốc được kê toa và thuốc và vật dụng không cần toa nào được Chương Trình OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) đãi thò. Danh Sách Thuốc cũng cho quý vị biết nếu có bất kỳ quy định hoặc giới hạn đặc biệt cho bất kỳ loại thuốc nào được OneCare Connect đãi thò. Những thuật ngữ quan trọng và định nghĩa của chúng có ở chương cuối của Cẩm Nang Thành Viên.

Mục Lục

A. Minh Định	4
B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)	6
B1. Những thuốc theo toa nào nằm trong Danh Sách Thuốc được Đãi Thò? (Chúng tôi gọi tắt Danh Sách Thuốc được Đãi Thò là “Danh Sách Thuốc”).	6
B2. Danh Sách Thuốc có bao giờ thay đổi không?	6
B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi đối với Danh Sách Thuốc?	7
B4. Làm thế nào để biết là loại thuốc quý vị muốn dùng có những hạn chế hoặc giới hạn về sự đãi thò hoặc đòi hỏi quý vị phải làm một số việc để nhận được thuốc?	9
B5. Làm thế nào để quý vị biết liệu loại thuốc quý vị muốn có bị giới hạn hoặc liệu quý vị cần thực hiện những việc gì để nhận được thuốc?	10
B6. Điều gì sẽ xảy ra khi chúng tôi thay đổi quy định cho một số thuốc (thí dụ, cần sự cho phép trước (chấp thuận), hạn chế về số lượng, và/hoặc giới hạn về việc trị liệu từng bước)?	10
B7. Làm thế nào để quý vị tìm một loại thuốc trong Danh Sách Thuốc?	10
B8. Nếu loại thuốc quý vị muốn sử dụng không có trong Danh Sách Thuốc?	11

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



B9. Nếu quý vị là một thành viên mới của OneCare Connect và không thể tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc hoặc có khó khăn trong việc nhận thuốc của quý vị?.....	11
B10. Quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị không?.....	12
B11. Làm thế nào để yêu cầu một sự ngoại lệ?.....	13
B12. Phải mất bao lâu mới có được sự ngoại lệ?.....	13
B13. Thuốc tương đương là gì?	13
B14. Thuốc không cần toa (OTC) là gì?	13
B15. OneCare Connect có đài thọ các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa không?.....	14
B16. Tiền phụ phí của quý vị là bao nhiêu?	14
C. Danh Sách Các Thuốc Được Đài Thọ	15
D. Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Y Tế	16
Mục Lục Các Thuốc Được Đài Thọ.....	I-1

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



A. Minh Định

Đây là danh sách những loại thuốc mà các thành viên có thể nhận được trong chương trình OneCare Connect.

- ❖ OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) là một chương trình y tế có hợp đồng với cả Medicare và Medi-Cal để cung cấp các phúc lợi của cả hai chương trình cho các tham dự viên.
- ❖ Quý vị luôn có thể kiểm tra Danh Sách Thuốc được Đài Thọ cập nhật nhất của OneCare Connect trên trang mạng tại www.caloptima.org/onecareconnect hoặc bằng cách gọi số **1-855-705-8823**.
- ❖ OneCare Connect tuân thủ luật dân quyền hiện hành của Liên bang và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, độ tuổi, khuyết tật, hoặc giới tính.
- ❖ Quý vị có thể nhận tài liệu này miễn phí bằng những hình thức khác, như chữ in khổ lớn, chữ nổi braille, hoặc đĩa thu thanh. Xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí.
- ❖ Quý vị cũng có thể thực hiện yêu cầu sẵn để luôn được nhận các tài liệu bằng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Đông, tiếng Ả Rập hoặc tiếng Trung Quốc. Xin gọi số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi đường dây miễn phí ở số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí.
- ❖ ATTENTION: If you speak a language other than English, language assistance services, free of charge, are available to you. Call OneCare Connect Customer Service at **1-855-705-8823**, 24 hours a day, 7 days a week. TDD/TTY users can call **1-800-735-2929**. The call is free.
- ❖ ATENCIÓN: Si habla un idioma distinto al inglés, tiene a su disposición servicios gratuitos de asistencia lingüística. Llame al Departamento de Servicios para Miembros de OneCare Connect al **1-855-705-8823**, las 24 horas al día, los 7 días de la semana. Usuarios de la línea TDD/TTY pueden llamar al **1-800-735-2929**. La llamada es gratuita.
- ❖ CHÚ Ý: Nếu quý vị không nói được tiếng Anh, có các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ miễn phí dành cho quý vị. Xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



❖ شما می توانید این کتابچه راهنما را به صورت رایگان، به زبانهای دیگر دریافت کنید. با دفتر خدمات مشتریان OneCare Connect از طریق شماره تلفن **1-855-705-8823** ، طی 24 ساعت شبانه روز در 7 روز هفته تماس بگیرید. کاربران خط TDD/TTY می توانند با شماره **1-800-735-2929** تماس بگیرند. این تماس رایگان است .

❖ 참고: 만약 영어가 아닌 다른 언어를 사용하신다면, 무료로 언어 도움 서비스를 받을 수 있습니다. OneCare Connect 고객 서비스 번호 **1-855-705-8823** 으로 주7일 24시간 전화하십시오. TDD/TTY 사용자는 번호 **1-800-735-2929** 로 전화하십시오. 통화는 무료입니다.

❖ ملاحظة: إذا كنت تتحدث لغة غير الإنجليزية، فإن خدمات المساعدة اللغوية المجانية متوفرة لك. اتصل مع قسم خدمة عملاء OneCare Connect على **1-855-705-8823**، 24 ساعة في اليوم و 7 أيام في الأسبوع. يمكن لمستخدمي TDD/TTY الاتصال على **1-800-735-2929**. المكالمات مجانية.

❖ 注意: 如果您講除英語以外的其它語言，您可以免費或的語言協助服務。請致電 OneCare Connect計劃客戶服務部門專線**1-855-705-8823**，服務時間為每週7天，每天 24小時，TDD/TTY 用戶可以致電**1-800-735-2929**。此電話為免費。

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)

Xin tìm câu trả lời tại đây cho những câu hỏi quý vị có về Danh Sách Thuốc được Đài Thọ này. Quý vị có thể đọc tất cả Những Câu Hỏi Thường Gặp để tìm hiểu thêm, hoặc tìm kiếm một câu hỏi và câu trả lời.

B1. Những thuốc theo toa nào nằm trong Danh Sách Thuốc được Đài Thọ? (Chúng tôi gọi tắt Danh Sách Thuốc được Đài Thọ là “Danh Sách Thuốc”.)

Những loại thuốc trong Danh Sách Thuốc là những thuốc được OneCare Connect đài thọ. Những thuốc này có sẵn tại các nhà thuốc trong hệ thống của chúng tôi. Một nhà thuốc nằm trong hệ thống khi họ có hợp đồng làm việc với chúng tôi và cung cấp dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là “nhà thuốc trong hệ thống.”

- OneCare Connect sẽ đài thọ tất cả thuốc cần thiết về mặt y khoa trong Danh Sách Thuốc nếu:
 - o Bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị cho biết là quý vị cần thuốc để chữa khỏi bệnh hoặc để duy trì sức khỏe, và
 - o Quý vị mua thuốc theo toa tại một nhà thuốc trong hệ thống của OneCare Connect.
- Trong một vài trường hợp, quý vị sẽ phải làm một số việc trước khi nhận được thuốc (xem câu hỏi B4 dưới đây).

Quý vị cũng có thể xem danh sách thuốc mới nhất chúng tôi đài thọ trên trang mạng của chúng tôi tại www.caloptima.org/onecareconnect hoặc gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823**.

B2. Danh Sách Thuốc có bao giờ thay đổi không?

Có, và OneCare Connect phải tuân theo các quy định của Medicare và Medicaid khi thực hiện các thay đổi. Chúng tôi có thể thêm vào hoặc lấy ra các loại thuốc trong Danh Sách Thuốc trong suốt năm.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi các quy định của chúng tôi về thuốc. Thí dụ, chúng tôi có thể:

- Quyết định sẽ yêu cầu hoặc không yêu cầu một sự chấp thuận trước cho một loại thuốc. (Sự chấp thuận trước là một sự cho phép từ OneCare Connect trước khi quý vị có thể lấy thuốc.)

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



- Thêm vào hoặc thay đổi số lượng thuốc quý vị có thể lấy (được gọi là giới hạn số lượng).
- Thêm vào hoặc thay đổi các hạn chế về trị liệu từng bước cho một loại thuốc. (Trị liệu từng bước nghĩa là quý vị phải thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác.)

Để biết thêm chi tiết về những quy định về thuốc này, xin xem câu hỏi B4.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc được đài thọ bắt đầu từ **đầu năm**, chúng tôi thường sẽ không lấy ra hoặc thay đổi sự đài thọ của loại thuốc đó **trong suốt thời gian còn lại của năm** trừ khi:

- Một loại thuốc mới, rẻ hơn có mặt trên thị trường mà cũng có hiệu quả như loại thuốc hiện có trong Danh Sách Thuốc, **hoặc**
- Chúng tôi biết được rằng một loại thuốc không an toàn, **hoặc**
- Một loại thuốc đã bị lấy ra khỏi thị trường.

Câu hỏi B3 và B6 dưới đây có thêm thông tin về điều gì sẽ xảy ra khi Danh Sách Thuốc thay đổi.

- Quý vị luôn có thể kiểm tra Danh Sách Thuốc mới nhất của OneCare Connect trên trang mạng tại **www.caloptima.org/onecareconnect**.
- Quý vị cũng có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** để kiểm tra Danh Sách Thuốc hiện nay.

B3. Điều gì xảy ra khi có sự thay đổi đối với Danh Sách Thuốc?

Một số thay đổi đối với Danh Sách Thuốc sẽ xảy ra **ngay lập tức**. Thí dụ:

- **Có một loại thuốc tương đương mới.** Đôi khi, một loại thuốc tương đương mới có mặt trên thị trường cũng có hiệu quả như thuốc chính hiệu hiện có trong Danh Sách Thuốc. Khi điều này xảy ra, chúng tôi có thể loại bỏ thuốc chính hiệu và thêm thuốc tương đương mới vào danh sách, nhưng phí tổn của quý vị cho loại thuốc mới sẽ vẫn như cũ hoặc sẽ thấp hơn. Khi chúng tôi thêm vào một loại thuốc tương đương mới, chúng tôi cũng có thể quyết định giữ lại loại thuốc chính hiệu trong danh sách nhưng thay đổi quy định hoặc hạn chế về việc đài thọ loại thuốc đó.
 - o Chúng tôi có thể không cho quý vị biết trước khi chúng tôi thực hiện sự thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông tin về sự thay đổi cụ thể khi thay đổi xảy ra.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



- o Quý vị hoặc nhà cung cấp dịch vụ của quý vị có thể yêu cầu một ngoại lệ cho những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một thông báo với những bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu một sự ngoại lệ. Xin vui lòng xem câu hỏi B10 để biết thêm thông tin về những ngoại lệ.
- **Một loại thuốc bị lấy ra khỏi thị trường.** Nếu Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration- FDA) cho biết rằng loại thuốc quý vị đang dùng không an toàn hoặc nhà sản xuất thuốc lấy loại thuốc đó ra khỏi thị trường, chúng tôi sẽ lấy thuốc đó ra khỏi Danh Sách Thuốc. Nếu quý vị đang dùng loại thuốc này, chúng tôi sẽ cho quý vị biết. Chúng tôi cũng sẽ cho bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị biết về sự thay đổi này.
 - o Quý vị có thể làm việc với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị để tìm loại thuốc khác có hiệu quả cho tình trạng của quý vị. Xin vui lòng liên lạc với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị nếu quý vị cần giúp đỡ tìm một loại thuốc khác.
 - o Quý vị cũng có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** để được giúp đỡ.

Chúng tôi có thể thực hiện những thay đổi khác có thể ảnh hưởng đến thuốc quý vị đang dùng. Chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước về những sự thay đổi khác trong Danh Sách Thuốc. Những thay đổi này có thể xảy ra nếu:

- Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) cung cấp hướng dẫn mới hoặc có những hướng dẫn y khoa mới về một loại thuốc.
- Chúng tôi thêm vào một loại thuốc tương đương không phải mới có trên thị trường **và**
 - o Thay thế một loại thuốc chính hiệu hiện có trong Danh Sách Thuốc **hoặc**
 - o Thay đổi các quy định hoặc giới hạn đãi thọ cho một loại thuốc chính hiệu.

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ:

- Cho quý vị biết ít nhất là 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi trong Danh Sách Thuốc **hoặc**
- Cho quý vị biết và cung cấp cho quý vị số lượng thuốc trong 30 ngày sau khi quý vị yêu cầu lấy thêm thuốc.

Việc này sẽ cho quý vị thêm thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị có thể giúp quý vị quyết định:

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



- Nếu có một loại thuốc tương tự trong Danh Sách Thuốc mà quý vị có thể sử dụng để thay thế **hoặc**
- Có nên yêu cầu một ngoại lệ cho những thay đổi này hay không. Xin vui lòng xem câu hỏi B10 để biết thêm chi tiết về những ngoại lệ.

B4. Làm thế nào để biết loại thuốc quý vị muốn dùng có những hạn chế hoặc giới hạn về sự đòi thọ hoặc đòi hỏi quý vị phải làm một số việc để nhận được thuốc?

Có, một số thuốc có những quy định về đòi thọ hoặc có giới hạn về số lượng quý vị có thể nhận được. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ, hoặc người kê toa khác của quý vị phải làm một số việc trước khi quý vị có thể nhận được thuốc. Thí dụ:

- **Chấp thuận trước (hoặc cho phép trước):** Đối với một số thuốc, quý vị hoặc bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị phải có được sự chấp thuận của OneCare Connect trước khi quý vị lấy thuốc. Nếu quý vị không được chấp thuận, OneCare Connect có thể sẽ không đòi thọ thuốc này.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi, OneCare Connect giới hạn số lượng thuốc quý vị được nhận.
- **Trị liệu từng bước:** Đôi khi, OneCare Connect yêu cầu quý vị phải trị liệu từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị phải dùng thử các thuốc theo một thứ tự nào đó cho bệnh trạng của quý vị. Quý vị có thể phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đòi thọ một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ của quý vị nghĩ rằng loại thuốc đầu tiên không có tác dụng cho quý vị, lúc đó chúng tôi sẽ đòi thọ loại thuốc thứ hai.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của quý vị có bất cứ đòi hỏi nào thêm hoặc bất cứ hạn chế nào bằng cách xem những bảng tra cứu bắt đầu từ trang 16. Quý vị cũng có thể lấy thêm thông tin bằng cách vào trang mạng của chúng tôi tại **www.caloptima.org/onecareconnect**. Chúng tôi có đăng trên mạng các tài liệu để giải thích về các giới hạn về việc xin phép trước và trị liệu từng bước của chúng tôi. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho quý vị một bản sao của tài liệu này.

Quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ đối với những hạn chế này. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian thảo luận với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong Danh Sách Thuốc quý vị có thể dùng để thay thế hoặc có nên yêu cầu một sự ngoại lệ hay không. Xin xem câu hỏi từ B10 đến B12 để biết thêm thông tin về các ngoại lệ.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



B5. Làm thế nào để quý vị biết liệu loại thuốc quý vị muốn có bị giới hạn hoặc liệu quý vị cần thực hiện những việc gì để nhận được thuốc?

Danh Sách Thuốc được Đài Thọ ở trang 15 có một cột gọi là “Hành động cần thiết, các hạn chế, hoặc giới hạn sử dụng.”

B6. Điều gì sẽ xảy ra khi chúng tôi thay đổi quy định cho một số loại thuốc (thí dụ, cần sự cho phép trước (chấp thuận), hạn chế về số lượng, và/hoặc giới hạn về việc trị liệu từng bước)?

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ cho quý vị biết trước nếu chúng tôi thêm vào hoặc thay đổi sự cho phép trước, giới hạn về số lượng, và/hoặc hạn chế về việc trị liệu từng bước cho một loại thuốc. Xin xem câu hỏi B3 để biết thêm thông tin về các thông báo trước này và các trường hợp chúng tôi không thể thông báo trước cho quý vị khi các quy định của chúng tôi về các loại thuốc trong Danh Sách Thuốc thay đổi.

B7. Làm thế nào để quý vị tìm một loại thuốc trong Danh Sách Thuốc?

Có hai cách để tìm một loại thuốc:

- Quý vị có thể tìm theo thứ tự chữ cái (nếu quý vị đánh vần được tên thuốc), **hoặc**
- Quý vị có thể tìm theo bệnh trạng.

Để tìm **theo thứ tự chữ cái**, xin xem phần Mục Lục Các Thuốc Được Đài Thọ. Quý vị có thể tìm thấy phần này bắt đầu từ trang I-1. Phần Mục Lục cung cấp một danh sách theo thứ tự chữ cái tất cả những loại thuốc được bao gồm trong tài liệu này. Cả hai loại thuốc chính hiệu (brand name) và thuốc tương đương (generic name) đều được liệt kê trong phần Mục Lục. Xin xem phần Mục Lục và tìm thuốc của quý vị. Bên cạnh thuốc của quý vị, quý vị sẽ thấy số trang, nơi quý vị có thể tìm thấy thông tin đài thọ. Xin mở trang được liệt kê trong phần Mục Lục và tìm tên thuốc của quý vị trong cột đầu tiên của danh sách.

Để tìm **theo bệnh trạng**, xin tìm phần có tựa đề “Danh sách thuốc theo bệnh trạng” ở trang 16. Các thuốc trong phần này được nhóm theo thể loại dựa vào loại tình trạng y tế mà thuốc được dùng để chữa trị. Thí dụ, nếu quý vị bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong thể loại Thuốc Dành Cho Bệnh Tim (Cardiovascular Agents). Đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



B8. Nếu loại thuốc quý vị muốn sử dụng không có trong Danh Sách Thuốc?

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** và hỏi về việc này. Nếu quý vị biết được rằng OneCare Connect sẽ không đài thọ thuốc đó, quý vị có thể thực hiện một trong những điều sau:

- Yêu cầu Văn Phòng Dịch vụ cung cấp cho quý vị một danh sách các loại thuốc tương tự như thuốc quý vị muốn dùng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Họ có thể kê toa loại thuốc có trong Danh Sách Thuốc tương tự như thuốc quý vị muốn dùng. **Hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu chương trình y tế cho một sự ngoại lệ để đài thọ loại thuốc của quý vị. Xin xem câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các ngoại lệ.

B9. Nếu quý vị là một thành viên mới của OneCare Connect và không thể tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc hoặc gặp khó khăn trong việc nhận thuốc của quý vị?

Chúng tôi có thể giúp. Chúng tôi có thể đài thọ một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày trong thời gian 90 ngày đầu tiên kể từ khi quý vị là thành viên của OneCare Connect. Việc này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong Danh Sách Thuốc quý vị có thể dùng để thay thế hoặc yêu cầu một sự ngoại lệ.

Nếu toa thuốc của quý vị được viết cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép lấy thuốc nhiều lần để cung cấp tối đa số lượng thuốc cho 30 ngày.

Chúng tôi sẽ đài thọ một số lượng thuốc cho 30 ngày nếu:

- Quý vị đang sử dụng một loại thuốc không nằm trong Danh Sách Thuốc của chúng tôi, **hoặc**
- Các quy định của chương trình y tế không cho quý vị nhận số lượng thuốc mà người kê toa của quý vị yêu cầu, **hoặc**
- Thuốc đòi hỏi phải có sự chấp thuận trước của OneCare Connect, **hoặc**
- Quý vị đang sử dụng một loại thuốc là một phần của giới hạn trị liệu từng bước.

Nếu quý vị đang sống trong viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn khác và cần một loại thuốc không có trong Danh Sách Thuốc, hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng lấy loại thuốc quý vị

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



cần, chúng tôi có thể giúp đỡ. Nếu quý vị đã ở trong chương trình hơn 90 ngày, sống tại một cơ sở chăm sóc dài hạn, và cần thuốc ngay lập tức:

- Chúng tôi sẽ đài thọ một lần số lượng thuốc cho 31 ngày cho loại thuốc quý vị cần (trừ khi quý vị có toa thuốc cho ít ngày hơn), cho dù quý vị có phải là thành viên mới của OneCare Connect hay không.
- Đây là nguồn bổ sung cho số lượng thuốc tạm thời trong thời gian 90 ngày đầu tiên khi quý vị là thành viên của OneCare Connect.

Nếu quý vị là một thành viên hiện tại đang chuyển từ một hình thức điều trị này sang một hình thức điều trị khác, việc này được gọi là Thay Đổi Về Mức Độ Chăm Sóc. Thí dụ như:

- Khi chuyển từ một bệnh viện chăm sóc cấp tính sang một cơ sở chăm sóc dài hạn
- Xuất viện về nhà
- Kết thúc việc nằm tại viện điều dưỡng chuyên môn theo Phần A để trở lại với đài thọ Phần D
- Từ bỏ tình trạng chăm sóc cho người bệnh ở giai đoạn cuối để trở lại với các phúc lợi Phần A và Phần B căn bản
- Kết thúc việc ở tại một cơ sở chăm sóc dài hạn và trở về với cộng đồng
- Xuất viện từ một bệnh viện tâm thần.

Nếu quý vị có sự Thay Đổi về Mức Độ Chăm Sóc, với mỗi loại thuốc không nằm trong danh sách của chúng tôi, hoặc nếu khả năng nhận các loại thuốc của quý vị có giới hạn, chúng tôi sẽ đài thọ một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày khi quý vị sử dụng một nhà thuốc trong hệ thống. Sau khi đã cung cấp lượng thuốc cho 30 ngày đầu tiên, chúng tôi sẽ không chi trả cho các loại thuốc này nữa. Trong trường hợp này, quý vị có hai chọn lựa:

- Yêu cầu Văn Phòng Dịch Vụ cung cấp một danh sách các loại thuốc như loại quý vị muốn. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc người kê toa khác của quý vị. Họ có thể kê toa một loại thuốc trong Danh Sách Thuốc như loại quý vị muốn, **hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu chương trình y tế cho một sự ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị. Xin xem câu hỏi B10 để biết thêm thông tin cho sự ngoại lệ này.

B10. Quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị không?

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



Có. Quý vị có thể yêu cầu OneCare Connect cho một sự ngoại lệ để đòi hỏi một loại thuốc không có trong Danh Sách Thuốc.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi các quy định về thuốc của quý vị.

- Thí dụ, OneCare Connect có thể giới hạn số lượng của một loại thuốc chúng tôi sẽ đòi hỏi. Nếu thuốc của quý vị bị giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi mức giới hạn và đòi hỏi nhiều hơn.
- Các thí dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ những giới hạn về trị liệu từng bước hoặc những yêu cầu về việc chấp thuận trước.

B11. Làm thế nào để yêu cầu một sự ngoại lệ?

Để yêu cầu một sự ngoại lệ, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ. Văn Phòng Dịch Vụ sẽ làm việc với quý vị và nhà cung cấp dịch vụ để giúp quý vị yêu cầu một sự ngoại lệ. Quý vị cũng có thể xem Chương 9 của Cẩm Nang Thành Viên để biết thêm chi tiết về các ngoại lệ.

B12. Phải mất bao lâu mới có được sự ngoại lệ?

Trước hết, chúng tôi phải nhận được một văn bản từ người kê toa của quý vị ủng hộ yêu cầu về sự ngoại lệ của quý vị. Sau khi nhận được văn bản, chúng tôi sẽ có quyết định về yêu cầu ngoại lệ của quý vị trong vòng 72 tiếng.

Nếu quý vị hoặc người kê toa của quý vị nghĩ rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu phải chờ quyết định trong 72 tiếng, quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ khẩn cấp. Thủ tục cứu xét này sẽ nhanh hơn. Nếu người kê toa của quý vị ủng hộ yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ cung cấp cho quý vị một quyết định trong vòng 24 tiếng sau khi nhận được văn bản hỗ trợ từ người kê toa của quý vị.

B13. Thuốc tương đương là gì?

Thuốc tương đương được chế tạo từ các thành phần giống như thuốc chính hiệu. Thuốc tương đương thường rẻ hơn so với thuốc chính hiệu và tên của thuốc tương đương thường ít được biết đến. Thuốc tương đương được sự chấp thuận của Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration, FDA).

OneCare Connect đòi hỏi cả hai loại thuốc tương đương và thuốc chính hiệu.

B14. Thuốc không cần toa (OTC) là gì?

Thuốc Không Cần Toa, viết tắt là OTC, viết đầy đủ là “over-the-counter.” OneCare Connect đòi hỏi một số Thuốc Không Cần Toa khi các loại thuốc này được nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



Quý vị có thể xem Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết các loại Thuốc Không Cần Toa nào được đài thọ.

B15. OneCare Connect có đài thọ các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa không?

OneCare Connect đài thọ một số sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa khi các sản phẩm này được nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Các thí dụ về các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa bao gồm que thử đường huyết, kim châm, và thiết bị trợ giúp ống hít.

Quý vị có thể xem Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết các sản phẩm không phải là thuốc Không Cần Toa nào được đài thọ.

B16. Tiền phụ phí của quý vị là bao nhiêu?

Quý vị có thể đọc Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết thêm về tiền phụ phí cho mỗi loại thuốc. Thành viên OneCare Connect đang sống tại viện dưỡng lão hoặc các cơ sở chăm sóc dài hạn khác sẽ không phải trả tiền phụ phí. Một số thành viên nhận được sự chăm sóc dài hạn trong cộng đồng cũng không phải trả tiền phụ phí.

Tiền phụ phí được liệt kê theo bậc thuốc. Bậc thuốc là nhóm các loại thuốc có cùng một mức tiền phụ phí.

- Các thuốc Bậc 1 là những loại thuốc tương đương. Tiền phụ phí là \$0.
- Các thuốc Bậc 2 là những loại thuốc chính hiệu. Tiền phụ phí sẽ là \$0, \$3.90, hoặc \$8.95 tùy thuộc vào mức Trợ Giúp Thêm (Extra Help) của quý vị. Quý vị có thể xem Chương 6 của Cẩm Nang Thành Viên để biết thêm về phần chia sẻ phí tổn của quý vị.
- Thuốc Bậc 3 là những loại thuốc không thuộc Medicare được Medi-Cal đài thọ. Tiền phụ phí sẽ là \$0.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



C. Danh Sách Các Thuốc Được Đãi Thọ

Danh sách thuốc được đãi thọ dưới đây cho quý vị biết thông tin về những thuốc được OneCare Connect đãi thọ. Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của quý vị trong danh sách, xin vào Mục Lục Các Thuốc Được Đãi Thọ được bắt đầu từ trang I-1. Phần Mục Lục liệt kê theo thứ tự chữ cái tất cả các thuốc được OneCare Connect đãi thọ.

Cột đầu tiên của danh sách liệt kê tên của thuốc. Tên thuốc chính hiệu được viết bằng chữ hoa (thí dụ như DEPAKOTE) và tên thuốc tương đương được viết bằng chữ thường và in nghiêng (thí dụ như *amoxicillin*).

Thông tin trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng” cho quý vị biết liệu OneCare Connect có bất cứ quy định nào về việc đãi thọ thuốc của quý vị.

Xin lưu ý: Dấu hoa thị (*) kế bên một loại thuốc cho biết loại thuốc này không phải là “thuốc Phần D”. Quý vị sẽ không phải trả tiền phụ phí cho các loại thuốc này. Các loại thuốc này cũng có các quy định khác cho việc khiếu nại.

- Khiếu nại là một hành động chính thức để yêu cầu chúng tôi duyệt xét lại quyết định của chúng tôi về sự đãi thọ cho quý vị và để thay đổi quyết định này nếu quý vị nghĩ rằng chúng tôi đã sai sót. Thí dụ, chúng tôi có thể đã quyết định rằng một loại thuốc quý vị muốn sử dụng không được đãi thọ hoặc không còn được Medicare hoặc Medi-Cal đãi thọ.
- Nếu quý vị hoặc bác sĩ của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể khiếu nại. Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1- 855-705-8823**. Quý vị cũng có thể đọc Chương 9 của Cẩm Nang Thành Viên để biết cách khiếu nại một quyết định.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



D. Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Y Tế

Các thuốc trong phần này được nhóm theo thể loại dựa vào loại tình trạng y tế thuốc được dùng để chữa trị. Thí dụ, nếu quý vị bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong thể loại Thuốc Dành Cho Bệnh Tim (Cardiovascular Agents). Đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Sau đây là ý nghĩa của các từ viết tắt được sử dụng trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng”:

Chữ Viết Tắt	Ý Nghĩa
LA	Thuốc theo toa này có thể chỉ có tại một số nhà thuốc nhất định. Để biết thêm thông tin, xin tham khảo Danh Sách Các Nhà Thuốc của quý vị hoặc gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số 1-855-705-8823 , 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY nên gọi số 1-800-735-2929 .
PA	Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy thuốc theo toa này. Nếu không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ loại thuốc này.
PA BvD	Loại thuốc này có thể đủ điều kiện để được Medicare Phần B hoặc Phần D chi trả. Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect để xác định rằng loại thuốc này được Medicare Phần D đài thọ trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Nếu không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ loại thuốc này.
PA-HRM	Loại thuốc này được Trung Tâm Các Dịch Vụ của Medicare & Medicaid (CMS) đánh giá là có khả năng gây hại và do đó, là một loại Thuốc Có Nguy Cơ Cao cho người thụ hưởng Medicare từ 65 tuổi trở lên. Các thành viên từ 65 tuổi trở lên được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi lấy loại thuốc theo toa này. Nếu không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ loại thuốc này.
PA NSO	Nếu quý vị là thành viên mới hoặc nếu trước đây quý vị chưa lấy loại thuốc này, quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ loại thuốc này.
QL	OneCare Connect giới hạn số lượng của loại thuốc này được đài thọ theo từng toa thuốc, hoặc trong khoảng thời gian nhất định.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



ST	Trước khi OneCare Connect cung cấp sự đài thọ cho loại thuốc này, quý vị phải sử dụng thử (các) loại thuốc khác để điều trị tình trạng y tế của quý vị. Loại thuốc này có thể chỉ được đài thọ khi (các) loại thuốc khác không có tác dụng với quý vị.
*	Thuốc này không phải là một loại thuốc Phần D, hoặc một loại thuốc hoặc sản phẩm không cần toa.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
Analgesics		
<i>acetaminophen-codeine (#2 tablet, #3 tablet, #4 tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>acetaminophen-codeine (acetamin-codein 300-30 mg/12.5, acetaminop-codeine 120-12 mg/5)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (5000 per 30 days)
<i>aspirin 325 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>aspirin 325 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>aspirin 81 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>aspirin 81 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>butalb-acetamin-caff 50-325-40</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine 50-325-40 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
ENDOCET (5-325 MG TABLET, 7.5-325 MG TABLET, 10-325 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>fentanyl 12 mcg/hr patch</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (10 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
<i>hydrocodone-acetaminophen 10-325mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen 5-325mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen 7.5-325mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5-200</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>ibuprofen 200 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-acetaminophen (oxycodon-acetaminophen 7.5-325, oxycodone-acetaminophen 5-325, oxycodone-acetaminophen 10-325, oxycodone-acetaminophen 7.5-325)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-aspirin 4.8355-325</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (360 per 30 days)
Nonsteroidal Anti-inflammatory Drugs		
<i>celecoxib (50 mg capsule, 100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
<i>celecoxib 400 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac 1% gel rx</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diclofenac epolamine 1.3% ptch</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac sodium 100 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diclofenac sodium (dr 25 mg tab, dr 50 mg tab, dr 75 mg tab, ec 25 mg tab, ec 50 mg tab, ec 75 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diclofenac sodium 3% gel</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>ec-naproxen (dr 375 mg tablet, dr 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>etodolac (200 mg capsule, 300 mg capsule, 400 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
IBU (600 MG TABLET, 800 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
<i>ibuprofen (100 mg/5 ml susp, 400 mg tablet, 600 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>indomethacin (25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meloxicam (7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nabumetone (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>naproxen (125 mg/5 ml suspen, 250 mg tablet, 375 mg tablet, dr 375 mg tablet, 500 mg kit, 500 mg tablet, dr 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PENNSAID (2% PUMP, 2% SOLUTION PACKET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (224 per 28 days)
<i>piroxicam (10 mg capsule, 20 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sulindac (150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (28 per 14 days)
Opioid Analgesics, Long-acting		
<i>fentanyl (25 patch, 50 patch, 75 patch, 100 patch)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (10 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
KADIAN ER 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>levorphanol tartrate (2 mg tablet, 3 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>methadone hcl (5 mg/5 ml solution, hcl 5 mg tablet, 10 mg/5 ml solution, hcl 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>morphine sulf 20 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>morphine sulfate er (sulf er 100 mg tablet, sulf er 200 mg tablet, sulfate er 100 mg cap, sulfate er 120 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>morphine sulfate er (sulf er 15 mg tablet, sulf er 30 mg tablet, sulf er 60 mg tablet, sulfate er 10 mg cap, sulfate er 20 mg cap, sulfate er 30 mg cap, sulfate er 45 mg cap, sulfate er 50 mg cap, sulfate er 60 mg cap, sulfate er 75 mg cap, sulfate er 80 mg cap, sulfate er 90 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
<i>oxycodone hcl er (er 10 mg tablet, er 15 mg tablet, er 20 mg tablet, er 30 mg tablet, er 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxycodone hcl er (er 60 mg tablet, er 80 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
OXYCONTIN (ER 10 MG TABLET, ER 20 MG TABLET, ER 40 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
OXYCONTIN (ER 15 MG TABLET, ER 30 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
OXYCONTIN (ER 60 MG TABLET, ER 80 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>oxymorphone hcl er (er 5 mg tablet, er 10 mg tab, er 15 mg tab, er 20 mg tab, er 30 mg tab, er 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxymorphone hcl er 7.5 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Opioid Analgesics, Short-acting		
<i>codeine sulfate (15 mg tablet, 30 mg tablet, 60 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
<i>fentanyl citrate (cit 1,200 mcg, cit 1,600 mcg, citrate 200 mcg, citrate 400 mcg, citrate 600 mcg, citrate 800 mcg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>hydromorphone hcl (1 mg/ml solution, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>meperidine hcl (25 mg/ml vial, 50 mg/5 ml solution, 50 mg/ml vial, 100 mg/ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>morphine sulfate (10 mg/5 ml soln, 100 mg/5 ml conc)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>morphine sulfate (ir 15 mg tab, ir 30 mg tab)</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>oxycodone hcl ((ir) 5 mg cap, (ir) 5 mg tablet, 5 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, (ir) 10 mg tab, (ir) 15 mg tab, 15 mg tablet, (ir) 20 mg tab, 20 mg tablet, (ir) 30 mg tab, 30 mg tablet, 100 mg/5 ml conc)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Analgesics		
<i>oxymorphone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>tramadol hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>tramadol hcl 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anesthetics		
Local Anesthetics		
<i>lidocaine 2% viscous soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lidocaine 5% patch</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>lidocaine hcl (2% jel urojet ac, 2% jelly, 2% jelly uro-jet, 4% solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anesthetics		
<i>lidocaine-prilocaine cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents		
Alcohol Deterrents/Anti-craving		
<i>acamprosate calc dr 333 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>disulfiram (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>naltrexone 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Opioid Dependence Treatments		
<i>buprenorphine hcl (2 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>buprenorphine-naloxone 2-0.5mg sl tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents		
<i>buprenorphine-naloxone 8-2mg sl tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
LUCEMYRA 0.18 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NARCAN 4 MG NASAL SPRAY	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
VIVITROL (380 MG VIAL, 380 MG VIAL-DILUENT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Opioid Reversal Agents		
<i>naloxone hcl (0.4 mg/ml carpject, 0.4 mg/ml vial, 2 mg/2 ml syringe, 4 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Smoking Cessation Agents		
<i>bupropion hcl sr 150 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
CHANTIX (0.5 MG TABLET, 1 MG CONT MONTH BOX, 1 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CHANTIX STARTING MONTH BOX	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (53 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents		
<i>nicotine 14mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 21 mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 21-14-7mg patch dysq*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 7mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine polacrilex 2 mg gum*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 2 mg lozenge*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 4 mg gum*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 4 mg lozenge*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
NICOTROL CARTRIDGE INHALER	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (504 per 30 days)
NICOTROL NS 10 MG/ML SPRAY	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulf 500 mg/2 ml vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
ARIKAYCE 590 MG/8.4 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (252 per 30 days)
<i>gentamicin sulfate (0.1% cream, 0.1% ointment, 0.3% eye drop, 80 mg/2 ml vial, 800 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>gentamicin sulfate in ns (60 mg/ns 50 ml pb, iso 100 mg/100 ml, isoton 60 mg/50 ml, 80 mg/ns 100 ml pb, 80 mg/ns 50 ml pb, isoton 80 mg/100 ml, isoton 80 mg/50 ml, 100 mg/ns 100 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>neomycin 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>paromomycin 250 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>streptomycin sulf 1 gm vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TOBRADEX EYE OINTMENT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (7 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>tobramycin 0.3% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>tobramycin sulfate (1.2 gm vial, 1.2 gram/30 ml vial, 10 mg/ml vial, 40 mg/ml vial, 80 mg/2 ml vial, 1,200 mg/30 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TOBREX 0.3% EYE OINTMENT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Antibacterials		
<i>amoxicillin 250 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>azithromycin (500 mg add-vial, 500 mg tablet, i.v. 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>azithromycin 500 mg tablet (dose pack)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefotetan (1 gm vial, 2 gm vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone (2 gm add vial, 2 gm vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>cefuroxime sodium (1.5 gm vial, 750 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin 400 mg/200ml-d5w</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (ph 9 g/60 ml vial, 150 mg/ml addvan, 300 mg/2 ml addvan, ph 300 mg/2 ml vial, ph 600 mg/4 ml vial, ph 900 mg/6 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>colistimethate 150 mg vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>daptomycin (350 mg vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>doxycycline hyclate (50 mg cap, 100 mg cap, 100 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>doxycycline monohydrate (25 mg/5 ml susp, mono 75 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ERYTHROCIN LACTOBIONATE (500 MG ADDVAN VIAL, LACT 500 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>imipenem-cilastatin 500 mg vl</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>linezolid 600 mg/300 ml-d5w</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>piperacillin-tazobactam (13.5 gm vl, 40.5 gram)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl (500 mg a-v vial, 500 mg add-van vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl 250 mg vial</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Antibacterials, Other		
<i>acetic acid 2% ear solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AEMCOLO DR 194 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (12 per 3 days)
<i>bacitracin 500 unit/gm ophth</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>benznidazole 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>benznidazole 12.5 mg tablet</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
CLEOCIN 100 MG VAGINAL OVULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>clindamycin (pedi) 75 mg/5 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clindamycin hcl (75 mg capsule, 150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clindamycin pediater 75 mg/5 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (ph 1% gel, ph 1% solution, ph 600 mg/4 ml vial, phos 1% pledget, phosp 1% lotion, phosphate 1% gel, 2% vaginal cream)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate-d5w (clindamycin 300 mg/50 ml-d5w, clindamycin 600 mg/50 ml-d5w, clindamycin 900 mg/50 ml-d5w, clindamycin-d5w 900 mg/50 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
DALVANCE 500 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>fosfomycin 3 gm sachet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>linezolid (100 mg/5 ml susp, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>metronidazole (0.75% cream, 0.75% lotion, top 1% gel pump, topical 0.75% gl, topical 1% gel, vaginal 0.75% gl, 250 mg tablet, 500 mg tablet, 500 mg/100 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MONUROL 3 GM SACHET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>mupirocin (2% cream, 2% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nitrofurantoin (25 mg/5 ml susp, mcr 25 mg cap, mcr 50 mg cap, mcr 100 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nitrofurantoin mono-mcr 100 mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>polymyxin b sulfate vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ROSADAN 0.75% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SIVEXTRO (200 MG TABLET, 200 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (6 per 30 days)
SOLOSEC 2 GM GRANULE PACKET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SULFAMYLON 8.5% CREAM	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>tigecycline 50 mg vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>tinidazole (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>trimethoprim 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl (1 gm add-van vial, 1 gm vial, hcl 10 gm vial, hcl 100 gm smartpak)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>vancomycin hcl 125 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (160 per 30 days)
XIFAXAN (200 MG TABLET, 550 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Beta-lactam, Cephalosporins		
AVYCAZ 2.5 GRAM VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>cefaclor (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefadroxil (1 gm tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg capsule, 500 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefazolin sodium (1 gm add-van vial, 1 gm vial, 10 gm vial, 20 gm bulk vial, sod 100 gm bulk bag, sod 300 gm bulk bag, 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefdinir (125 mg/5 ml susp, 250 mg/5 ml susp, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefepime hcl (1 gm vial, 2 gram vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>cefixime (100 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp, 400 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefoxitin (1 gm vial, 2 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefpodoxime proxetil (50 mg/5 ml susp, 100 mg tablet, 100 mg/5 ml susp, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefprozil (125 mg/5 ml susp, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ceftazidime (1 gm vial, 2 gm vial, 6 gm vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone (1 gm add-vant vial, 1 gm vial, 10 gm vial, 100 gram bulk bag, 250 mg vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefuroxime (250 mg tab, 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cefuroxime sod 7.5 gm vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>cephalexin (125 mg/5 ml susp, 250 mg capsule, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TEFLARO (400 MG VIAL, 600 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ZERBAXA 1.5 GRAM VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Beta-lactam, Other		
AZACTAM 2 GM VIAL	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>aztreonam 1 gm vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ertapenem 1 gram vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>imipenem-cilastatin 250 mg vl</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>meropenem (iv 1 gm vial, iv 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
VABOMERE 2 GRAM VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Beta-lactam, Penicillins		
<i>amoxicillin (125 mg tab chew, 125 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp, 250 mg capsule, 250 mg tab chew, 400 mg/5 ml susp, 500 mg capsule, 500 mg tablet, 875 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>amoxicillin-clavulanate potass (200-28.5 mg tab chew, 200-28.5 mg/5 ml sus, 250-125 mg tablet, 250-62.5 mg/5 ml sus, 400-57 mg tab chew, 400-57 mg/5 ml susp, 500-125 mg tablet, 600-42.9 mg/5 ml sus, 875-125 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ampicillin 500 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ampicillin sodium (1 gm advantage vl, 1 gm vial, 10 gm bottle, 10 gm vial, 125 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>ampicillin-sulbactam (ampicillin-sulb 1.5 g add vial, ampicillin-sulb 3 gm add vial, ampicillin-sulbactam 1.5 gm vl, ampicillin-sulbactam 3 gm vial, ampicillin-sulbactam 15 gm vl)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BICILLIN C-R (1.2 MILLION UNIT, 900-300 SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
BICILLIN L-A (600,000 UNIT/ML, 1,200,000 UNITS, 2,400,000 UNITS)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>dicloxacillin sodium (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nafcillin sodium (1 gm add-van vial, 1 gm vial, 2 gm add-vant vial, 2 gm vial, 10 gm bulk vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>oxacillin 1 gm/ 50 ml inj</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>oxacillin 2 gm/ 50 ml inj</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>oxacillin sodium (1 gm add-vantage vial, 1 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pen g 1.2 million unit/2 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pen g k 2 million unit/50 ml</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>pen g k 3 million unit/50 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>penicillin g na 5 million unit</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>penicillin g potassium (5 million, 20 million)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>penicillin v potassium (125 mg/5 ml soln, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml soln, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PFIZERPEN 20 MILLION UNIT VIAL	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>piperacillin-tazobactam (piperacil-tazo 2.25 gm add vial, piperacil-tazo 3.375 gm add vial, piperacil-tazo 4.5 gm add vial, piperacil-tazobact 2.25 gm vial, piperacil-tazobact 3.375 gm vial, piperacil-tazobact 4.5 gm vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
Macrolides		
AZASITE 1% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>azithromycin (1 gm pwd packet, 100 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp, 250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>azithromycin 250 mg tablet (dose pack)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>azithromycin 500 mg tablet (dose pack)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>azithromycin 600 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>clarithromycin (125 mg/5 ml sus, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml sus, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>erythromycin (0.5% eye ointment, 2% gel, 2% solution, 250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Quinolones		
BAXDELA (300 MG VIAL, 450 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (28 per 14 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
BESIVANCE 0.6% SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
CILOXAN 0.3% OINTMENT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>ciprofloxacin 200 mg/100ml-d5w</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin hcl (0.3% eye drop, hcl 500 mg tab, hcl 750 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin hcl (100 mg tab, 250 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>gatifloxacin 0.5% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>levofloxacin (0.5% eye drops, 25 mg/ml solution, 250 mg tablet, 250 mg/10 ml soln, 500 mg tablet, 500 mg/20 ml soln, 500 mg/20 ml vial, 750 mg tablet, 750 mg/30 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>levofloxacin-d5w (500 mg/100 ml-d5w, 750 mg/150 ml-d5w)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>moxifloxacin 0.5% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>ofloxacin (0.3% ear drops, 0.3% eye drops, 300 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Sulfonamides		
SILVADENE 1% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>silver sulfadiazine 1% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sodium sulfacetamide 10% lot</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SSD 1% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sulfacetamide sodium (10% eye drops, 10% eye ointment, sod 10% top susp, sodium 10% lotn)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sulfadiazine 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antibacterials		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim (ds tablet, ss tablet, susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
DOXY 100 MG VIAL	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>doxycycline monohydrate (50 mg tablet, 100 mg cap, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>minocycline hcl (50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>tetracycline hcl (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
VIBRAMYCIN 50 MG/5 ML SYRUP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
Anticonvulsants, Other		
BRIVIACT (10 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
BRIVIACT 10 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (600 per 30 days)
EPIDIOLEX (100 MG/ML SOLN PACK, 100 MG/ML SOLUTION)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
FINTEPLA 2.2 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (360 per 30 days)
<i>levetiracetam (100 mg/ml soln, 250 mg tablet, 500 mg tablet, 500 mg/5 ml cup, 500 mg/5 ml soln, 750 mg tablet, 1,000 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>levetiracetam er 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>levetiracetam er 750 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
SPRITAM (250 MG TABLET, 500 MG TABLET, 750 MG TABLET, 1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
XCOPRI (12.5-25 MG PK, 50-100 MG PAK, 150-200 MG PK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (28 per 28 days)
XCOPRI (150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
XCOPRI (250 MG DAILY PACK, 350 MG DAILY PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (56 per 28 days)
XCOPRI (50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
Calcium Channel Modifying Agents		
CELONTIN 300 MG KAPSEAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>ethosuximide (250 mg capsule, 250 mg/5 ml soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pregabalin (150 mg capsule, 200 mg capsule, 225 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
<i>pregabalin (25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>pregabalin 20 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (960 per 30 days)
<i>zonisamide (25 mg capsule, 50 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Gamma-aminobutyric Acid (GABA) Augmenting Agents		
<i>clobazam (2.5 mg/ml suspension, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>clonazepam (0.125 mg dis tab, 0.125 mg odt, 0.25 mg odt, 0.5 mg dis tablet, 0.5 mg odt, 1 mg dis tablet, 1 mg odt, 2 mg odt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>clonazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>clonazepam 2 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>clorazepate dipotassium (3.75 mg tablet, 7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
DIASTAT 2.5 MG PEDI SYSTEM	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
DIASTAT ACUDIAL (5-7.5-10 MG KT, 12.5-15-20 MG)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diazepam (2.5 mg rectal gel sys, 10 mg rectal gel syst, 20 mg rectal gel syst)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>divalproex sodium (dr 125 mg cap sprnk, dr 125 mg cp(sprnk), sod dr 125 mg tab, sod dr 250 mg tab, sod dr 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>divalproex sodium er (er 250 mg tab, er 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>gabapentin (100 mg capsule, 300 mg capsule, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>gabapentin (250 mg/5 ml soln, 300 mg/6 ml soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (2400 per 30 days)
<i>gabapentin 400 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>gabapentin 800 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
GABITRIL 12 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GABITRIL 16 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NAYZILAM 5 MG NASAL SPRAY	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (5 per 28 days)
<i>phenobarbital (15 mg tablet, 16.2 mg tablet, 20 mg/5 ml elix, 20 mg/5 ml soln, 30 mg tablet, 30 mg/7.5 ml sol, 32.4 mg tablet, 60 mg tablet, 60 mg/15 ml soln, 64.8 mg tablet, 97.2 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>primidone (50 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SABRIL 500 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
SYMPAZAN (5 MG FILM, 10 MG FILM, 20 MG FILM)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>tiagabine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet, 12 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
<i>valproic acid (250 mg capsule, 250 mg/5 ml soln, 500 mg/10 ml sol)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VALTOCO (5 MG NASAL SPRAY, 10 MG NASAL SPRAY, 15 MG NASAL SPRAY, 20 MG NASAL SPRAY)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (10 per 28 days)
<i>vigabatrin (500 mg powder packt, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VIGADRONE 500 MG POWDER PACKET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Glutamate Reducing Agents		
<i>felbamate (400 mg tablet, 600 mg tablet, 600 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
FYCOMPA (8 MG TABLET, 10 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
FYCOMPA 0.5 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (680 per 28 days)
FYCOMPA 2 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
FYCOMPA 4 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
FYCOMPA 6 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LAMICTAL TB START KIT (ORANGE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lamotrigine (5 mg disper tablet, 25 mg disper tab, 25 mg tablet, 25 mg tb start kit, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kit-blue</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-green</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-orang</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>topiramate (15 mg cap, 25 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>topiramate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
Sodium Channel Agents		
APTOM (200 MG TABLET, 400 MG TABLET, 600 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
APTOM 800 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BANZEL (40 MG/ML SUSPENSION, 200 MG TABLET, 400 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>carbamazepine (100 mg tab chew, 100 mg/5 ml susp, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>carbamazepine er (er 100 mg cap, er 100 mg tablet, er 200 mg cap, er 200 mg tablet, er 300 mg cap, er 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DILANTIN (30 MG CAPSULE, 50 MG INFATAB, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DILANTIN 125 MG/5 ML SUSP	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anticonvulsants		
<i>oxcarbazepine (150 mg tablet, 300 mg tablet, 300 mg/5 ml susp, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PEGANONE 250 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PHENYTEK (200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>phenytoin (50 mg infatab chew, 50 mg tablet chew, 100 mg/4 ml susp, 125 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>phenytoin sodium extended (ext 100 mg cap, ext 200 mg cap, ext 300 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>rufinamide 40 mg/ml suspension</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VIMPAT (50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
VIMPAT 10 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidementia Agents		
Antidementia Agents, Other		
<i>ergoloid mesylates 1 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
Cholinesterase Inhibitors		
<i>donepezil hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>donepezil hcl odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine 4 mg/ml oral soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>galantamine er (er 8 mg capsule, er 16 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine er 24 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>galantamine hbr (4 mg tablet, 8 mg tablet, 12 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine (1.5 mg capsule, 3 mg capsule, 4.5 mg capsule, 6 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidementia Agents		
<i>rivastigmine (4.6 mg/24hr patch, 9.5 mg/24hr patch, 13.3 mg/24hr ptch)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
N-methyl-D-aspartate (NMDA) Receptor Antagonist		
<i>memantine hcl (5-10 mg titration pk, hcl 5 mg tablet, hcl 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>memantine hcl 2 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (480 per 30 days)
<i>memantine hcl er (er 14 mg capsule, er 21 mg capsule, er 28 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>memantine hcl er 7 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
NAMENDA XR TITRATION PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidepressants		
Antidepressants		
<i>olanzapine-fluoxetine hcl (3-25 mg, 6-25 mg, 6-50 mg, 12-25 mg, 12-50 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>perphenazine-amitriptyline (2 mg-10 mg tab, 2 mg-25 mg tab, 4 mg-10 mg tab, 4 mg-25 mg tab, 4 mg-50 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
Antidepressants, Other		
<i>bupropion hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>bupropion hcl 75 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>bupropion hcl sr (sr 100 mg tablet, sr 150 mg tablet, sr 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>bupropion xl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>mirtazapine (7.5 mg tablet, 15 mg odt, 15 mg tablet, 30 mg odt, 30 mg tablet, 45 mg odt, 45 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidepressants		
Monoamine Oxidase Inhibitors		
EMSAM (6 MG/24 PATCH, 9 MG/24 PATCH, 12 MG/24 PATCH)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
MARPLAN 10 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>phenelzine sulfate 15 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>tranylcypromine sulf 10 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SSRI/SNRI (Selective Serotonin Reuptake Inhibitor/Serotonin and Norepinephrine Reuptake Inhibitor)		
<i>citalopram hbr (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>citalopram hbr (10 mg/5 ml soln, 20 mg/10 ml sol)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)
<i>desvenlafaxine er (er 50 mg tab, er 50 mg tablet)</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>desvenlafaxine er 100 mg tab</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidepressants		
<i>desvenlafaxine succinate er (er 25 mg, er 50 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>desvenlafaxine succinate er 100mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
DRIZALMA SPRINKLE (DR 20 MG CAP, DR 30 MG CAP, DR 40 MG CAP, DR 60 MG CAP)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>duloxetine hcl (dr 20 mg cap, dr 30 mg cap, dr 60 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate 5 mg/5 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
FETZIMA (ER 20 MG CAPSULE, ER 40 MG CAPSULE, ER 80 MG CAPSULE, ER 120 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
FETZIMA 20-40 MG TITRATION PAK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidepressants		
<i>fluoxetine 20 mg/5 ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (10 mg capsule, 10 mg tablet, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (20 mg capsule, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>fluvoxamine maleate (25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fluvoxamine maleate 100 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>maprotiline hcl (25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nefazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>paroxetine hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>paroxetine hcl 30 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidepressants		
PAXIL 10 MG/5 ML SUSPENSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>pmdd fluoxetine 10mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>pmdd fluoxetine 20mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>sertraline 20 mg/ml oral conc</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>sertraline hcl (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>sertraline hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRINTELLIX (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 20 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl (25 mg tablet, 37.5 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidepressants		
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg cap, er 75 mg cap, er 150 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg tab, er 75 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er 150 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST, QL (60 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er 225 mg tab</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
VIIBRYD (10 MG TABLET, 10-20 MG STARTER PACK, 20 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
Tricyclics		
<i>amitriptyline hcl (10 mg tab, 25 mg tab, 50 mg tab, 75 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>amoxapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clomipramine hcl (25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antidepressants		
<i>desipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>doxepin hcl (10 mg capsule, 10 mg/ml oral conc, 25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>imipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>nortriptyline hcl (10 mg/5 ml soln, hcl 10 mg cap, 20 mg/10 ml soln, hcl 25 mg cap, hcl 50 mg cap, hcl 75 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>protriptyline hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>trimipramine maleate (25 mg cap, 50 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>trimipramine maleate 100 mg cp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiemetics		
Antiemetics, Other		
<i>diphenhydramine 50 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meclizine hcl (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>metoclopramide hcl (5 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 10 mg tablet, 10 mg/10 ml sol)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PHENADOZ 25 MG SUPPOSITORY	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>prochlorperazine 25 mg supp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>prochlorperazine maleate (5 mg tablet, 10 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>promethazine hcl (6.25 mg/5 ml soln, 6.25 mg/5 ml syrp, 12.5 mg suppos, 12.5 mg tablet, 25 mg suppository, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
PROMETHEGAN 12.5 MG SUPPOS	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiemetics		
<i>scopolamine 1 mg/3 day patch</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (10 per 30 days)
<i>trimethobenzamide 300 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
Emetogenic Therapy Adjuncts		
<i>aprepitant (80 mg capsule, 125 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (12 per 30 days)
<i>aprepitant 125-80-80 mg pack</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>aprepitant 40 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (10 per 30 days)
<i>dronabinol (2.5 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>fosaprepitant 150 mg vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>granisetron hcl 1 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>ondansetron hcl (4 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiemetics		
<i>ondansetron hcl (4 mg/5 ml solution, hcl 4 mg/2 ml amp, hcl 4 mg/2 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ondansetron hcl 24 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ondansetron odt (odt 4 mg tablet, odt 8 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>palonosetron hcl (0.25 mg/2 ml vial, 0.25 mg/5 ml vial)</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SYNDROS 5 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antifungals		
Antifungals		
ABELCET 100 MG/20 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antifungals		
AMBISOME 50 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>amphotericin b 50 mg vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>caspofungin acetate (50 mg vial, 70 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>ciclopirox (0.77% cream, 0.77% topical susp, 8% solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clotrimazole (1% topical cream, 10 mg troche)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>econazole nitrate 1% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ERAXIS (WATER DILUENT) (DIL) 50 MG VIAL, DIL) 100 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>fluconazole (10 mg/ml susp, 40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluconazole 150 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (4 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antifungals		
<i>fluconazole-nacl (200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluconazole-ns 200 mg/100 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>flucytosine (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>griseofulvin (125 mg/5 ml susp, micro 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>griseofulvin ultramicrosize (125 mg tab, 250 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>itraconazole (10 mg/ml solution, 100 mg capsule, 100 mg/10 ml cup)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ketoconazole (2% cream, 2% shampoo, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>miconazole (50 mg vial, 100 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>miconazole 3 200 mg vag supp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antifungals		
MYCAMINE (50 MG VIAL, 100 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>naftifine hcl (1% cream, 2% cream)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NATACYN 5% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NOXAFIL (40 MG/ML SUSPENSION, DR 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NYAMYC 100,000 UNIT/GM POWDER	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nystatin (100,000 unit/gm cream, 100,000 unit/gm oint, 100,000 unit/gm powd, 100,000 unit/ml susp, 500,000 unit oral tab, 500,000 unit/5 ml cup, 500,000 unit/5 ml sus)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nystatin-triamcinolone (cream, ointm)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NYSTOP 100,000 UNIT/GM POWDER	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antifungals		
<i>oxiconazole nitrate 1% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
OXISTAT 1% LOTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>posaconazole dr 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
SPORANOX 10 MG/ML SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>terbinafine hcl 250 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>terconazole (0.4% cream, 0.8% cream, 80 mg suppository)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>voriconazole (40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 200 mg tablet, 200 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antigout Agents		
Antigout Agents		
<i>allopurinol (100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>colchicine (0.6 mg capsule, 0.6 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>probenecid 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>probenecid-colchicine tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antimigraine Agents		
Ergot Alkaloids		
<i>dihydroergotamine 4 mg/ml spray</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
MIGERGOT (, 2-100 MG)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (24 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antimigraine Agents		
Prophylactic		
AIMOVIG AUTOINJECTOR (70 MG/ML, 140 MG/ML)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
AJOVY 225 MG/1.5 ML AUTOINJECT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (1.5 per 28 days)
AJOVY 225 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (1.5 per 28 days)
EMGALITY 120 MG/ML PEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
EMGALITY 120 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
EMGALITY SYRINGE (100 MG/ML SYR(1 OF 3), 300 MG (100 MG X3SYR))	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)
Serotonin (5-HT) 1b/1d Receptor Agonists		
<i>naratriptan (1 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>naratriptan hcl (1 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antimigraine Agents		
<i>rizatriptan (5 mg odt, 5 mg tablet, 10 mg odt, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (18 per 28 days)
<i>sumatriptan (5 mg nasal spray, 20 mg nasal spray)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (9 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate (4 mg/0.5 ml cart, 4 mg/0.5 ml inject, 6 mg/0.5 ml inject, 6 mg/0.5 ml syring, 6 mg/0.5 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>zolmitriptan (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (6 per 30 days)
<i>zolmitriptan odt (2.5 mg odt, 5 mg odt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (6 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antimyasthenic Agents		
Parasympathomimetics		
<i>guanidine hcl 125 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pyridostigmine bromide (br 30 mg tablet, 60 mg/5 ml soln, br 60 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pyridostigmine er 180 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antimycobacterials		
Antimycobacterials, Other		
<i>dapsone (25 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PASER GRANULES 4 GM PACKET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>rifabutin 150 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antimycobacterials		
Antituberculars		
<i>ethambutol hcl (100 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>isoniazid (50 mg/5 ml solution, 100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PRIFTIN 150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>pyrazinamide 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>rifampin (150 mg capsule, 300 mg capsule, iv 600 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SIRTURO (20 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TRECATOR 250 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
Alkylating Agents		
<i>cyclophosphamide (25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
GLEOSTINE (10 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
LEUKERAN 2 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
MATULANE 50 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VALCHLOR 0.016% GEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
Antiandrogens		
<i>abiraterone acetate 250 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>bicalutamide 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ERLEADA 60 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
<i>flutamide 125 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nilutamide 150 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
XTANDI 40 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
YONSA 125 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ZYTIGA 250 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ZYTIGA 500 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
Antiangiogenic Agents		
POMALYST (1 MG CAPSULE, 2 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
REVLIMID (2.5 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE, 15 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, LA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
THALOMID (50 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
Antiestrogens/Modifiers		
EMCYT 140 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
FARESTON 60 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
SOLTAMOX (10 MG/5 ML SOLN, 20 MG/10 ML SOLN)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>tamoxifen citrate (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>toremifene citrate 60 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Antimetabolites		
DROXIA (200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE, 400 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>hydroxyurea 500 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
<i>mercaptopurine 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PURIXAN 20 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TABLOID 40 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Antineoplastics		
ADCETRIS 50 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>arsenic trioxide 12 mg/6 ml vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AYVAKIT (100 MG TABLET, 200 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BALVERSA 3 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
BALVERSA 4 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
BALVERSA 5 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
<i>bcg vaccine (tice strain) vial</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
BRAFTOVI 75 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
BRUKINSA 80 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
CALQUENCE 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
COPIKTRA (15 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
DARZALEX FASPRO 1,800MG-30,000	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>docetaxel 80 mg/8 ml vial</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
ENHERTU 100 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>fluorouracil (1 gram/20 ml vial, 5 gram/100 ml vial, 500 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
<i>gemcitabine hcl 1 gram vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
HERZUMA (150 MG VIAL, 420 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
IDHIFA (50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>irinotecan hcl 300 mg/15 ml vl</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
KANJINTI (150 MG VIAL, 420 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
KISQALI 200 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (21 per 28 days)
KISQALI 400 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (42 per 28 days)
KISQALI 600 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (63 per 28 days)
LORBRENA 100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
LORBRENA 25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
MEKTOVI 15 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
MVASI (100 MG/4 ML VIAL, 400 MG/16 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
NERLYNX 40 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
NUBEQA 300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
OGIVRI (150 MG VIAL, 420 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
ONTRUZANT (150 MG VIAL, 420 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
PADCEV (20 MG VIAL, 30 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
PEMAZYRE (4.5 MG TABLET, 9 MG TABLET, 13.5 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (14 per 21 days)
RITUXAN (100 MG/10 ML VIAL, 500 MG/50 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
ROZLYTREK 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (150 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
ROZLYTREK 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
RUBRACA (200 MG TABLET, 250 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
SARCLISA (100 MG/5 ML VIAL, 500 MG/25 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
SYNRIBO 3.5 MG/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
TALZENNA 0.25 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
TALZENNA 1 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TAZVERIK 200 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
<i>thiotepa 100 mg vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
TIBSOVO 250 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
TRAZIMERA 420 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
TURALIO 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
VERZENIO (50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>vinblastine 1 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
VITRAKVI 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
VITRAKVI 20 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (300 per 30 days)
VITRAKVI 25 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
VIZIMPRO (15 MG TABLET, 30 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
XPOVIO (40 MG TWICE, 80 MG ONCE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (16 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
XPOVIO 100 MG ONCE WEEKLY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (20 per 28 days)
XPOVIO 40 MG ONCE WEEKLY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (8 per 28 days)
XPOVIO 60 MG ONCE WEEKLY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (12 per 28 days)
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (24 per 28 days)
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (32 per 28 days)
ZIRABEV (100 MG/4 ML VIAL, 400 MG/16 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
Antineoplastics, Other		
INQOVI 35 MG-100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (5 per 28 days)
KISQALI FEMARA 200 MG CO-PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (49 per 28 days)
KISQALI FEMARA 400 MG CO-PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (70 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
KISQALI FEMARA 600 MG CO-PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (91 per 28 days)
<i>leucovorin calcium (5 mg tab, 10 mg tab, 15 mg tab, 25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LONSURF (15 MG-6.14 MG TABLET, 20 MG-8.19 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
NINLARO (2.3 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (3 per 28 days)
TABRECTA (150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ZOLINZA 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Aromatase Inhibitors, 3rd Generation		
<i>anastrozole 1 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>exemestane 25 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
<i>letrozole 2.5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Molecular Target Inhibitors		
AFINITOR (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
AFINITOR DISPERZ (2 MG TABLET, 3 MG TABLET, 5 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
ALECENSA 150 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
ALUNBRIG (90 MG TABLET, 90 MG-180 MG TAB PACK, 180 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
ALUNBRIG 30 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
BOSULIF (400 MG TABLET, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BOSULIF 100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
CABOMETYX (20 MG TABLET, 40 MG TABLET, 60 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
CAPRELSA 100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CAPRELSA 300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
COMETRIQ (60 MG PACK, 100 MG PK, 140 MG PK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
COTELLIC 20 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (63 per 21 days)
DAURISMO 100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
DAURISMO 25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
ERIVEDGE 150 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>erlotinib hcl (25 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
<i>everolimus (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 7.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
FARYDAK (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (6 per 21 days)
GAVRETO 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
GILOTRIF (20 MG TABLET, 30 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
IBRANCE (75 MG CAPSULE, 75 MG TABLET, 100 MG CAPSULE, 100 MG TABLET, 125 MG CAPSULE, 125 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (21 per 28 days)
ICLUSIG (15 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>imatinib mesylate (100 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
IMBRUVICA (70 MG CAPSULE, 140 MG TABLET, 280 MG TABLET, 420 MG TABLET, 560 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
IMBRUVICA 140 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
INLYTA 1 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
INLYTA 5 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
INREBIC 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
IRESSA 250 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
JAKAFI (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
KOSELUGO 10 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
KOSELUGO 25 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>lapatinib 250 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
LENVIMA (12 MG DAILY, 18 MG DAILY, 24 MG DAILY)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
LENVIMA (4 MG CAPSULE, 8 MG DAILY DOSE, 10 MG DAILY DOSE, 20 MG DAILY DOSE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
LYNPARZA (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
MEKINIST (0.5 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
NEXAVAR 200 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ODOMZO 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
PIQRAY (250 MG DAILY PACK, 300 MG DAILY PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (56 per 28 days)
PIQRAY 200 MG DAILY DOSE PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
QINLOCK 50 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
RETEVMO 40 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
RETEVMO 80 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
RYDAPT 25 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
SPRYCEL (20 MG TABLET, 50 MG TABLET, 80 MG TABLET, 100 MG TABLET, 140 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
SPRYCEL 70 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
STIVARGA 40 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (84 per 28 days)
SUTENT (12.5 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE, 37.5 MG CAPSULE, 50 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TAFINLAR (50 MG CAPSULE, 75 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
TAGRISSO (40 MG TABLET, 80 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TASIGNA (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
TUKYSA 150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
TUKYSA 50 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (300 per 30 days)
TYKERB 250 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
VENCLEXTA 10 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
VENCLEXTA 100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
VENCLEXTA 50 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VENCLEXTA STARTING PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (42 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
VOTRIENT 200 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
XALKORI (200 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
XOSPATA 40 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
ZEJULA 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
ZELBORAF 240 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
ZYDELIG (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
ZYKADIA 150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
Monoclonal Antibody/Antibody-Drug Conjugate		
RUXIENCE (100 MG/10 ML VIAL, 500 MG/50 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
TRUXIMA (100 MG/10 ML VIAL, 500 MG/50 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	NSO, PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antineoplastics		
Retinoids		
<i>bexarotene 75 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PANRETIN 0.1% GEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TARGRETIN 1% GEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>tretinoin 10 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Treatment Adjuncts		
MESNEX 400 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparasitics		
Anthelmintics		
<i>albendazole 200 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparasitics		
<i>ivermectin 3 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>praziquantel 600 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pyrantel pamoate 50 mg/ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
Antiparasitics		
KRINTAFEL 150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
Antiprotozoals		
ALINIA (100 MG/5 ML SUSPENSION, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>atovaquone (750 mg/5 ml susp, 1,500 mg/10 ml susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>atovaquone-proguanil hcl (62.5-25, 250-100)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>chloroquine phosphate (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparasitics		
COARTEM TABLETS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (24 per 3 days)
DARAPRIM 25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>hydroxychloroquine 200 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>mefloquine hcl 250 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NEBUPENT 300 MG INHAL POWDER	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PENTAM 300 VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>pentamidine isethionate (300 mg inhal powdr, 300 mg vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>primaquine 26.3 mg tablet</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>pyrimethamine 25 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>quinine sulfate 324 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparasitics		
Pediculicides/Scabicides		
CROTAN 10% LOTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>malathion 0.5% lotion</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>permethrin 1 % liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>permethrin 5% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparkinson Agents		
Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>trihexyphenidyl hcl (2 mg tablet, 2 mg/5 ml soln, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparkinson Agents		
Antiparkinson Agents		
<i>carbidopa-levodopa-entacapone (50, 75, 100, 125, 150, 200)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>selegiline hcl 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Antiparkinson Agents, Other		
<i>amantadine (50 mg/5 ml solution, 100 mg capsule, 100 mg/10 ml soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>entacapone 200 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>tolcapone 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
Dopamine Agonists		
<i>amantadine 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
APOKYN 30 MG/3 ML CARTRIDGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparkinson Agents		
<i>bromocriptine mesylate (2.5 mg tablet, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NEUPRO (1 MG/24 HR PATCH, 2 MG/24 HR PATCH, 3 MG/24 HR PATCH, 4 MG/24 HR PATCH, 6 MG/24 HR PATCH, 8 MG/24 HR PATCH)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>pramipexole 0.75 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>pramipexole dihydrochloride (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 1.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>ropinirole hcl (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Dopamine Precursors/ L-Amino Acid Decarboxylase Inhibitors		
<i>carbidopa 25 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antiparkinson Agents		
<i>carbidopa-levodopa (carbidopa-levodopa 10-100 mg odt, carbidopa-levodopa 25-100 mg odt, carbidopa-levodopa 25-250 mg odt, carbidopa-levodopa 10-100 tab, carbidopa-levodopa 25-100 tab, carbidopa-levodopa 25-250 tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>carbidopa-levodopa er (er 25-100 tab, er 50-200 tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Monoamine Oxidase B (MAO-B) Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>selegiline hcl 5 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ZELAPAR 1.25 MG ODT TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
1st Generation/Typical		
<i>chlorpromazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluphenazine dec 125 mg/5 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluphenazine hcl (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 2.5 mg/5 ml elix, 2.5 mg/ml vial, 5 mg tablet, 5 mg/ml conc, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>haloperidol (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>haloperidol dec 100 mg/ml amp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>haloperidol decanoate (dec 50 mg/ml vial, dec 100 mg/ml amp, dec 100 mg/ml vial, dec 250 mg/5 ml vl, dec 500 mg/5 ml vl, decan 50 mg/ml amp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
<i>haloperidol lactate (2 mg/ml conc, 5 mg/ml ampul, 5 mg/ml vial, 10 mg/5 ml cup, 50 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>loxapine (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>molindone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>perphenazine (2 mg tablet, 4 mg tablet, 8 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pimozide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>thioridazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>thiothixene (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>trifluoperazine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
2nd Generation/Atypical		
ABILIFY MAINTENA (ER 300 MG SYR, ER 400 MG SYR, ER 400 MG VL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
ABILIFY MAINTENA ER 300 MG VL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (1 per 28 days), CB (1 / 1 day(s)), NDS (non-extended day supply)
ABILIFY MYCITE (2 MG KIT, 5 MG KIT, 10 MG KIT, 15 MG KIT, 20 MG KIT, 30 MG KIT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>aripiprazole (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>aripiprazole 1 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>aripiprazole odt (odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ARISTADA ER 1064 MG/3.9 ML SYR	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (3.9 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
ARISTADA ER 441 MG/1.6 ML SYRN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (1.6 per 28 days)
ARISTADA ER 662 MG/2.4 ML SYRN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (2.4 per 28 days)
ARISTADA ER 882 MG/3.2 ML SYRN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (3.2 per 28 days)
ARISTADA INITIO ER 675 MG/2.4	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (2.4 per 28 days)
CAPLYTA 42 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
FANAPT (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 4 MG TABLET, 6 MG TABLET, 8 MG TABLET, 10 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
FANAPT TITRATION PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
GEODON 20 MG/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
INVEGA SUSTENNA (39 MG/0.25 ML, 78 MG/0.5 ML, 117 MG/0.75 ML, 156 MG/ML SYRG, 234 MG/1.5 ML)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
INVEGA TRINZA (273 MG/0.88 ML, 410 MG/1.32 ML, 546 MG/1.75 ML, 819 MG/2.63 ML)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
LATUDA (20 MG TABLET, 40 MG TABLET, 60 MG TABLET, 120 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
LATUDA 80 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
NUPLAZID (10 MG TABLET, 34 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet, 10 mg vial, 15 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet, odt 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone er (er 1.5 mg tablet, er 3 mg tablet, er 9 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone er 6 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
<i>quetiapine fumarate (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab, 200 mg tab, 300 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 150 mg tablet, er 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 50 mg tablet, er 300 mg tablet, er 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
REXULTI (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
RISPERDAL CONSTA (12.5 MG VIAL, 25 MG VIAL, 37.5 MG VIAL, 50 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>risperidone (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>risperidone 1 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
<i>risperidone odt (0.25 mg odt, 0.5 mg odt, 1 mg odt, 2 mg odt, 3 mg odt, 4 mg odt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
SAPHRIS (2.5 MG TAB, 5 MG TAB, 5 MG TABLET, 10 MG TAB)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
SECUADO (3.8 MG/24 HR PATCH, 5.7 MG/24 HR PATCH, 7.6 MG/24 HR PATCH)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VRAYLAR (1.5 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4.5 MG CAPSULE, 6 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VRAYLAR 1.5 MG-3 MG PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (7 per 7 days)
<i>ziprasidone 20 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ziprasidone hcl (20 mg capsule, 40 mg capsule, 60 mg capsule, 80 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ZYPREXA RELPREVV (210 MG VIAL, 210 MG VL KIT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antipsychotics		
Treatment-Resistant		
<i>clozapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clozapine odt (odt 12.5 mg tablet, odt 25 mg tablet, odt 100 mg tablet, odt 150 mg tablet, odt 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VERSACLOZ 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antispasticity Agents		
Antispasticity Agents		
<i>baclofen (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BOTOX (100 VIAL, 200 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antispasticity Agents		
<i>dantrolene sodium (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>tizanidine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
Anti-HIV Agents, Integrase Inhibitors (INSTI)		
GENVOYA TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ISENTRESS (25 MG TABLET CHEW, 100 MG POWDER PACKET, 100 MG TABLET CHEW)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ISENTRESS 400 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ISENTRESS HD 600 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
STRIBILD TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TIVICAY (10 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
TIVICAY PD 5 MG TAB FOR SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
Anti-HIV Agents, Non-nucleoside Reverse Transcriptase Inhibitors (NNRTI)		
ATRIPLA TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
COMPLERA TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
EDURANT 25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>efavir-emtri-tenof 600-200-300</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>efavirenz (50 mg capsule, 200 mg capsule, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
INTELENCE (25 MG TABLET, 100 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
<i>nevirapine (50 mg/5 ml susp, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nevirapine er (er 100 mg tablet, er 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ODEFSEY TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
PIFELTRO 100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
VIRAMUNE 50 MG/5 ML SUSP	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Anti-HIV Agents, Nucleoside and Nucleotide Reverse Transcriptase Inhibitors (NRTI)		
<i>abacavir 20 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>abacavir 300 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>abacavir-lamivudine-zidov tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>didanosine (dr 250 mg capsule, dr 400 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
<i>emtricitabine 200 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>emtricitabine-tenofv 200-300mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
EMTRIVA (10 MG/ML SOLUTION, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>lamivudine (10 mg/ml oral soln, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lamivudine-zidovudine tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>stavudine (15 mg capsule, 20 mg capsule, 30 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRUVADA (100 MG-150 MG TABLET, 133 MG-200 MG TABLET, 167 MG-250 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRUVADA 200 MG-300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>zidovudine (50 mg/5 ml syrup, 100 mg capsule, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
Anti-HIV Agents, Other		
BIKTARVY 50-200-25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
CIMDUO 300-300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DELSTRIGO 100-300-300 MG TAB	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DESCOVY 200-25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DOVATO 50-300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>efavirenz-lamivu-tenofovir disoproxil fumarate (400-300-300, 600-300-300)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
FUZEON 90 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
JULUCA 50-25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
RUKOBIA ER 600 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
SELZENTRY (75 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SELZENTRY 20 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (1840 per 30 days)
SELZENTRY 25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
SELZENTRY 300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
SYMFI 600-300-300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SYMFI LO 400-300-300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SYMTUZA 800-150-200-10 MG TAB	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TEMIXYS 300-300 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
TYBOST 150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
Anti-HIV Agents, Protease Inhibitors		
APTIVUS (100 MG/ML SOLUTION, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
<i>atazanavir sulfate (150 mg cap, 200 mg cap, 300 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CRIVAN (200 MG CAPSULE, 400 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
EVOTAZ 300 MG-150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>fosamprenavir 700 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
INVIRASE 500 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
KALETRA (100-25 MG TABLET, 200-50 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
LEXIVA 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NORVIR (80 MG/ML SOLUTION, 100 MG POWDER PACKET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PREZCOBIX 800 MG-150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
PREZISTA (75 MG TABLET, 100 MG/ML SUSPENSION, 150 MG TABLET, 600 MG TABLET, 800 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
REYATAZ 50 MG POWDER PACKET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>ritonavir 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VIRACEPT (250 MG TABLET, 625 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Anti-cytomegalovirus (CMV) Agents		
PREVYMIS (240 MG TABLET, 480 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>valganciclovir 450 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (102 per 30 days)
ZIRGAN 0.15% OPHTHALMIC GEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Anti-hepatitis B (HBV) Agents		
<i>adefovir dipivoxil 10 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
BARACLUDE 0.05 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>entecavir (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
EPIVIR HBV 25 MG/5 ML SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
INTRON A 18 MILLION UNITS VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>lamivudine 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>lamivudine hbv 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>tenofovir disop fum 300 mg tb</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
VIREAD (150 MG TABLET, 200 MG TABLET, 250 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
VIREAD POWDER	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
Anti-hepatitis C (HCV) Agents, Other		
INTRON A (10 MILLION UNITS VIL, 18 MILLION UNIT/3 ML, 25 MILLION UNIT/2.5ML, 50 MILLION UNITS VIL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
PEGASYS (180 MCG/0.5 ML SYRINGE, 180 MCG/ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PEGASYS PROCLICK 180 MCG/0.5	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>ribavirin (200 mg capsule, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
Anti-hepatitis C (HCV) Direct Acting Agents		
<i>ledipasvir-sofosbuvir 90-400mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (28 per 28 days)
MAVYRET 100-40 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (84 per 28 days)
<i>sofosbuvir-velpatasvir 400-100</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (28 per 28 days)
SOVALDI (150 MG PELLET PACKET, 200 MG PELLET PACKET, 200 MG TABLET, 400 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
VIEKIRA PAK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
VOSEVI 400-100-100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
ZEPATIER 50-100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
Anti-influenza Agents		
RELENZA 5 MG DISKHALER	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 180 days)
<i>rimantadine hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Antitherpetic Agents		
<i>acyclovir (200 mg capsule, 200 mg/5 ml susp, 400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>acyclovir 5% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>acyclovir 5% ointment</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>acyclovir sodium (500 mg/10 ml vial, 1,000 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
DENAVIR 1% CREAM	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>famciclovir (125 mg tablet, 250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trifluridine 1% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>valacyclovir (1 gram tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Antivirals		
<i>abacavir-lamivudine 600-300 mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lopinavir-ritonavir 80-20mg/ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>oseltamivir 6 mg/ml suspension</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (525 per 180 days)
<i>oseltamivir phos 30 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (84 per 180 days)
<i>oseltamivir phosphate (45 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (28 per 180 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Antivirals		
TRIUMEQ 600-50-300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>valganciclovir hcl 50 mg/ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VEMLIDY 25 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anxiolytics		
Anxiolytics, Other		
<i>buspirone hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>hydroxyzine hcl (10 mg/5 ml soln, 10 mg/5 ml syrup, hcl 10 mg tablet, hcl 25 mg tablet, 50 mg/25 ml syrup, hcl 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anxiolytics		
<i>hydroxyzine pamoate (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meprobamate (200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
Benzodiazepines		
<i>alprazolam (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>alprazolam 2 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (150 per 30 days)
<i>chlordiazepoxide hcl (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>diazepam (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>diazepam (5 mg/5 ml solution, 5 mg/ml oral conc)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>lorazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>lorazepam 2 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (150 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Anxiolytics		
<i>lorazepam 2 mg/ml oral concent</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>oxazepam (10 mg capsule, 15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Bipolar Agents		
Mood Stabilizers		
<i>lithium 8 meq/5 ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lithium carbonate (150 mg cap, 300 mg cap, 300 mg tab, 600 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lithium carbonate er (er 300 mg tb, er 450 mg tb)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
Antidiabetic Agents		
<i>acarbose (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>alogliptin (6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST, QL (30 per 30 days)
BYDUREON 2 MG PEN INJECT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (4 per 28 days)
BYDUREON BCISE 2 MG AUTOINJECT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (3.4 per 28 days)
<i>colesevelam hcl 3.75 g packet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>glimepiride (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>glimepiride 4 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (60 per 30 days)
<i>glipizide 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
<i>glipizide er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide er 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide xl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide xl 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>glyburide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>glyburide 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (240 per 30 days)
INVOKANA (100 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
JANUVIA (25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>metformin hcl 1,000 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>metformin hcl 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
<i>metformin hcl 850 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>metformin hcl er 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin hcl er 750 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>nateglinide (60 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>pioglitazone hcl (15 mg tablet, 30 mg tablet, 45 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>repaglinide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>repaglinide 0.5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
RYBELSUS (3 MG TABLET, 7 MG TABLET, 14 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SYMLINPEN 120 PEN INJECTOR	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SYMLINPEN 60 PEN INJECTOR	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
TRADJENTA 5 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
TRULICITY (0.75 MG/0.5 ML PEN, 1.5 MG/0.5 ML PEN)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (4 per 28 days)
TRULICITY (3 MG/0.5 ML PEN, 4.5 MG/0.5 ML PEN)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (2 per 28 days)
WELCHOL 3.75G PACKET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Blood Glucose Regulators		
<i>alogliptin-metformin (12.5-1000, 12.5-500)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST, QL (60 per 30 days)
BASAGLAR 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide-metformin (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide-metformin 2.5-250 mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>glyburid-metformin 1.25-250 mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
<i>glyburide-metformin hcl (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
GLYXAMBI (10 MG-5 MG TABLET, 25 MG-5 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
INVOKAMET (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TABLET, 150-500 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
INVOKAMET XR (50-1,000 MG TAB, 50-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TAB, 150-500 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
JANUMET (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
JANUMET XR (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET, 100-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
JARDIANCE (10 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SOLIQUA 100 UNIT-33 MCG/ML PEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (18 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
SYNJARDY (5-1,000 MG TABLET, 5-500 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TABLET, 12.5-500 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
SYNJARDY XR (10-1,000 MG TABLET, 25-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SYNJARDY XR (5-1,000 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TAB)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
TRIJARDY XR (10-5-1,000 MG TAB, 25-5-1,000 MG TAB)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
TRIJARDY XR (5-2.5-1,000 MG TAB, 12.5-2.5-1,000 MG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
Glycemic Agents		
BAQSIMI (3 MG SPRAY, 3 MG SPRAY ONE PACK, 3 MG SPRAY TWO PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
<i>diazoxide 50 mg/ml oral susp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
GLUCAGON EMERGENCY KIT (1 MG EMERGENCY KIT, 1 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
PROGLYCEM 50 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Insulins		
HUMALOG (100 CARTRIDGE, 100 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG 200 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG JR 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 50-50 KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 50-50 VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 75-25 KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 75-25 VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
HUMULIN 70-30 (70-30 VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN 70/30 KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N (N 100 VIAL, RELION N 100)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN R 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin aspart 100 unit/ml crt</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin aspart 100 unit/ml pen</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin aspart 100 unit/ml vl</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin aspart prot mix 70-30 (mix70-30 pn, mix70-30 vl)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro 100 unit/ml pen</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
<i>insulin lispro 100 unit/ml vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro jr 100 unit/ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>insulin lispro mix 75-25 kwkpn</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
LANTUS 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LANTUS SOLOSTAR 100 UNIT/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LEVEMIR 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
LEVEMIR FLEXTOUCH 100 UNIT/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
LYUMJEV 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LYUMJEV 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LYUMJEV 200 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
NOVOLIN 70-30 (70-30 100 UNIT/ML VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN 70-30 FLEXPEN (70-30, RELION 70-30)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN N (N 100 VIAL, RELION N 100)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN N FLEXPEN (N 100 UNIT/ML, RELION N U-100)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN R 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN R FLEXPEN (R 100 UNIT/ML, RELION R U-100)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG (100 VIAL, RELION 100 VL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG FLEXPEN (100 UNIT/ML, RELION U-100)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG MIX 70-30 (70-30 VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Glucose Regulators		
NOVOLOG MIX 70-30 FLEXPEN (70-30 FLEXPEN, RELION 70-30 FLXPN)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG PENFILL 100 UNIT/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SEMGLEE 100 UNIT/ML PEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SEMGLEE 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
TOUJEO MAX SOLOSTR 300 UNIT/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
TOUJEO SOLOSTAR 300 UNIT/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
TRESIBA 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
TRESIBA FLEXTOUCH 100 UNIT/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
TRESIBA FLEXTOUCH 200 UNIT/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
Anticoagulants		
CABLIVI (11 MG KIT, 11 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
ELIQUIS (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET, DVT-PE TREAT START 5MG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>enoxaparin 30 mg/0.3 ml syr</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (8.4 per 30 days)
<i>enoxaparin 40 mg/0.4 ml syr</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (11.2 per 30 days)
<i>enoxaparin 60 mg/0.6 ml syr</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (16.8 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (100 mg/ml syringe, 150 mg/ml syringe)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (28 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (80 mg/0.8 ml syr, 120 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (22.4 per 30 days)
<i>fondaparinux sodium (2.5 mg/0.5 ml syr, 5 mg/0.4 ml syr, 7.5 mg/0.6 ml syr, 10 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
FRAGMIN (2,500 UNIT/0.2 ML SYR, 2,500 UNITS/0.2 ML SYR, 5,000 UNIT/0.2 ML SYR, 5,000 UNITS/0.2 ML SYR, 7,500 UNIT/0.3 ML SYR, 7,500 UNITS/0.3 ML SYR, 10,000 UNIT/ML SYRINGE, 10,000 UNITS/ML SYRING, 12,500 UNIT/0.5 ML SYR, 12,500 UNITS/0.5 ML, 15,000 UNIT/0.6 ML SYR, 15,000 UNITS/0.6 ML, 18,000 UNIT/0.72 ML, 18,000 UNITS/0.72 ML, 25,000 UNITS/ML VIAL, 95,000 UNIT/3.8 ML VL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>heparin sodium (sod 1,000 unit/ml vial, sod 5,000 unit/ml vial, 10,000 unit/10 ml vial, sod 20,000 unit/ml vl, 30,000 unit/30 ml vial, 50,000 unit/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>jantoven (1 mg tablet, 2 mg tablet, 2.5 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet, 6 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
PRADAXA (75 MG CAPSULE, 110 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
<i>warfarin sodium (1 mg tablet, 2 mg tablet, 2.5 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet, 6 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
XARELTO (2.5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, DVT-PE TREAT START 30D)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ZONTIVITY 2.08 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
Blood Formation Modifiers		
<i>anagrelide hcl (0.5 mg capsule, 1 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ARANESP (10 MCG/0.4 ML SYRINGE, 25 MCG/0.42 ML SYRINGE, 25 MCG/ML VIAL, 40 MCG/0.4 ML SYRINGE, 40 MCG/ML VIAL, 60 MCG/0.3 ML SYRINGE, 60 MCG/ML VIAL, 100 MCG/0.5 ML SYRINGE, 100 MCG/ML VIAL, 150 MCG/0.3 ML SYRINGE, 200 MCG/0.4 ML SYRINGE, 200 MCG/ML VIAL, 300 MCG/0.6 ML SYRINGE, 300 MCG/ML VIAL, 500 MCG/1 ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
DOPTelet ((10 TAB PK) 20 MG TAB, (15 TAB PK) 20 MG TAB, (30 TAB PK) 20 MG TAB)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (15 per 5 days)
EPOGEN (2,000 UNITS/ML VIAL, 3,000 UNITS/ML VIAL, 4,000 UNITS/ML VIAL, 10,000 UNITS/ML VIAL, 20,000 UNITS/2 ML VIAL, 20,000 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
FULPHILA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
LEUKINE 250 MCG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NEULASTA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NEULASTA ONPRO 6 MG/0.6 ML KIT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NEUPOGEN (300 MCG/0.5 ML SYR, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SYR, 480 MCG/1.6 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
NIVESTYM (300 MCG/0.5 ML SYRING, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SYRING, 480 MCG/1.6 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
OXBRYTA 500 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PROCRIT (2,000 VIAL, 3,000 VIAL, 4,000 VIAL, 10,000 VIAL, 20,000 VIAL, 40,000 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PROMACTA (12.5 MG TABLET, 25 MG SUSPENSION PKCT, 25 MG TABLET, 75 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA, QL (90 per 30 days)
PROMACTA 12.5 MG SUSPEN PACKET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA, QL (180 per 30 days)
PROMACTA 50 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA, QL (30 per 30 days)
RETACRIT (2,000 VIAL, 3,000 VIAL, 4,000 VIAL, 10,000 VIAL, 40,000 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
UDENYCA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
ZARXIO (300 MCG/0.5 ML SYRINGE, 480 MCG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ZIEXTENZO 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Hemostasis Agents		
<i>tranexamic acid 650 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Platelet Modifying Agents		
<i>aspirin-dipyridam er 25-200 mg</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
BRILINTA (60 MG TABLET, 90 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>cilostazol (50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clopidogrel 75 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dipyridamole (25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Blood Products/Modifiers/Volume Expanders		
<i>prasugrel hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
Alpha-adrenergic Agonists		
<i>clonidine (0.1 patch, 0.2 patch, 0.3 patch)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>clonidine hcl (0.1 mg tablet, 0.2 mg tablet, 0.3 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>guanfacine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>methyldopa (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>midodrine hcl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
NORTHERA (100 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (84 per 14 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
Alpha-adrenergic Blocking Agents		
<i>doxazosin mesylate (1 mg tab, 2 mg tab, 4 mg tab, 8 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>phenoxybenzamine hcl 10 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>prazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>terazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>irbesartan (75 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>losartan potassium (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>olmesartan medoxomil (5 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>telmisartan (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>valsartan (40 mg tablet, 80 mg tablet, 160 mg tablet, 320 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
Angiotensin-converting Enzyme (ACE) Inhibitors		
<i>benazepril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>benazepril hcl 40 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>enalapril maleate (2.5 mg tab, 5 mg tablet, 10 mg tab, 20 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fosinopril sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lisinopril (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lisinopril 40 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>moexipril hcl (7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>perindopril erbumine (2 mg tab, 4 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>perindopril erbumine 8 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quinapril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>ramipril (1.25 mg capsule, 2.5 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ramipril 10 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trandolapril (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>trandolapril 4 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
Antiarrhythmics		
<i>amiodarone hcl (200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>disopyramide phosphate (100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>dofetilide (125 mcg capsule, 250 mcg capsule, 500 mcg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>flecainide acetate (50 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>mexiletine hcl (150 mg capsule, 200 mg capsule, 250 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MULTAQ 400 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>propafenone hcl (150 mg tablet, 225 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>propafenone hcl er (er 225 mg cap, er 325 mg cap, er 425 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>quinidine gluc er 324 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>quinidine sulfate (200 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sotalol (80 mg tablet, 120 mg tablet, 160 mg tablet, 240 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
SOTALOL AF (80 MG TABLET, 120 MG TABLET, 160 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Beta-adrenergic Blocking Agents		
<i>acebutolol hcl (200 mg capsule, 400 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>atenolol (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>betaxolol hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>bisoprolol fumarate (5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>carvedilol (3.125 mg tablet, 6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>labetalol hcl (100 mg tablet, 200 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>metoprolol succ er 200 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>metoprolol succinate (er 25 mg tab, er 50 mg tab, er 100 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>metoprolol tartrate (25 mg tab, 37.5 mg tb, 50 mg tab, 75 mg tab, 100 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nadolol (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pindolol (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>propranolol hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 20 mg/5 ml soln, 40 mg tablet, 40 mg/5 ml soln, 60 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>propranolol hcl er (er 60 mg capsule, er 80 mg capsule, er 120 mg capsule, er 160 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>timolol maleate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Calcium Channel Blocking Agents		
<i>amlodipine besylate (2.5 mg tab, 5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
CARTIA XT (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DILT-XR (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diltiazem 12hr er (12hr er 120 mg cap, 12hr er 60 mg cap, 12hr er 90 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (24hr er 120 mg cap, 24hr er 180 mg cap, 24hr er 240 mg cap, 24hr er 300 mg cap, 24hr er 360 mg cap, 24hr er 420 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (cd) (24h er(cd) 120 mg cp, 24h er(cd) 180 mg cp, 24h er(cd) 240 mg cp, 24h er(cd) 300 mg cp, 24h er(cd) 360 mg cp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (xr) (24h er(xr) 120 mg cp, 24h er(xr) 180 mg cp, 24h er(xr) 240 mg cp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>diltiazem hcl (30 mg tablet, 60 mg tablet, 90 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>felodipine er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet, er 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nicardipine hcl (20 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nifedipine (10 mg capsule, 20 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>nifedipine er (er 30 mg tablet, er 60 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine er 90 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>nimodipine 30 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NYMALIZE (30 MG/5 ML ORAL SYRNG, 60 MG/10 ML ORAL SYRN)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TAZTIA XT (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE, 360 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
TIADYL [®] ER (ER 120 MG CAPSULE, ER 180 MG CAPSULE, ER 240 MG CAPSULE, ER 300 MG CAPSULE, ER 360 MG CAPSULE, ER 420 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>verapamil er (er 120 mg capsule, er 120 mg tablet, er 180 mg capsule, er 180 mg tablet, er 240 mg capsule, er 240 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>verapamil er pm (er 100 mg capsule, er 200 mg capsule, er 300 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>verapamil hcl (40 mg tablet, 80 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>verapamil sr (sr 120 mg capsule, sr 180 mg capsule, sr 240 mg capsule, sr 360 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Cardiovascular Agents		
ALLI 60 MG CAPSULE*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>amiloride hcl-hctz 5-50 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>amiodarone hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>amlodipine besylate-benazepril (2.5-10, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-40 mg, 10-20 mg, 10-40 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-atorvastatin (2.5-10 mg, 2.5-20 mg, 2.5-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-40 mg, 5-80 mg, 10-10 mg, 10-20 mg, 10-40 mg, 10-80 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-olmesartan (5-20 mg, 5-40 mg, 10-20 mg, 10-40 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-valsartan (5-160 mg, 5-320 mg, 10-160 mg, 10-320 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-valsartan-hctz (5-160-12.5 mg, 5-160-25 mg, 10-160-12.5mg, 10-160-25 mg, 10-320-25 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>atenolol-chlorthalidone (50-25, 100-25)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>benazepril-hydrochlorothiazide (5-6.25 mg tab, 10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab, 20-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>bisoprolol-hydrochlorothiazide (2.5-6.25 mg tb, 5-6.25 mg tab, 10-6.25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DEMSER 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>enalapril-hydrochlorothiazide (5-12.5 mg tab, 10-25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ezetimibe 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fosinopril-hctz 10-12.5 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fosinopril-hctz 20-12.5 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>furosemide 10 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide (150-12.5 mg tb, 300-12.5 mg tb)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
KEVEYIS 50 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>lisinopril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab, 20-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>losartan-hydrochlorothiazide (50-12.5 mg tab, 100-12.5 mg tab, 100-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>methyldopa-hctz 250-25 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>metoprolol-hydrochlorothiazide (50-25 mg tab, 100-25 mg tab, 100-50 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>metirosine 250 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nifedipine er (er 30 mg tablet, er 60 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine er 90 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>nitroglycerin (0.3 mg tablet, 0.4 mg tablet, 0.6 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>olmesartan-hydrochlorothiazide (20-12.5 mg tab, 40-12.5 mg tab, 40-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omega-3 fatty acids 100 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>propranolol-hydrochlorothiazid (40-25 mg tab, 80-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>quinapril-hctz 20-25 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>spironolactone-hctz 25-25 tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>triamterene-hydrochlorothiazid (37.5-25 mg cp, 37.5-25 mg tb, 75-50 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide (80-12.5 mg tab, 160-12.5 mg tab, 160-25 mg tab, 320-12.5 mg tab, 320-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
Cardiovascular Agents, Other		
<i>aliskiren (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
CORLANOR (5 MG TABLET, 7.5 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
CORLANOR 5 MG/5 ML ORAL SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (280 per 28 days)
DIGITEK (125 MCG TABLET, 250 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DIGOX (125 MCG TABLET, 250 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>digoxin (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet, 125 mcg tablet, 250 mcg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>digoxin 0.05 mg/ml solution</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ENTRESTO (24 MG-26 MG TABLET, 49 MG-51 MG TABLET, 97 MG-103 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>pentoxifylline er 400 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ranolazine er (er 500 mg tablet, er 1,000 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
VYNDAMAX 61 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
VYNDAQEL 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Diuretics, Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide (125 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>acetazolamide er 500 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>methazolamide (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Diuretics, Loop		
<i>bumetanide (0.25 mg/ml vial, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 1 mg/4 ml vial, 2 mg tablet, 2.5 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>furosemide (20 mg tablet, 20 mg/2 ml vial, 40 mg tablet, 40 mg/4 ml syringe, 40 mg/4 ml vial, 40 mg/5 ml soln, 80 mg tablet, 100 mg/10 ml syringe, 100 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>torsemide (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Diuretics, Potassium-sparing		
<i>amiloride hcl 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CAROSPIR 25 MG/5 ML SUSPENSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>eplerenone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST
<i>spironolactone (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Diuretics, Thiazide		
<i>chlorthalidone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
DIURIL 250 MG/5 ML ORAL SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>hydrochlorothiazide (12.5 mg cp, 12.5 mg tb, 25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>indapamide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>metolazone (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Dyslipidemics, Fibric Acid Derivatives		
<i>fenofibrate (40 mg tablet, 50 mg capsule, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>fenofibrate (43 mg capsule, 48 mg tablet, 54 mg tablet, 67 mg capsule, 130 mg capsule, 134 mg capsule, 145 mg tablet, 160 mg tablet, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fenofibrate 150 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>fenofibric acid (dr 45 mg cap, dr 135 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>gemfibrozil 600 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
Dyslipidemics, HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lovastatin (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lovastatin 40 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>pravastatin sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab, 80 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>rosuvastatin calcium (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin 20 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (45 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>simvastatin 40 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
Dyslipidemics, Other		
<i>cholestyramine (packet, powder)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cholestyramine light (packet, powder)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>colesevelam 625 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>colestipol hcl (1 gm tablet, granules, granules packet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
JUXTAPID (5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
JUXTAPID 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
JUXTAPID 30 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
NEXLETOL 180 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
NEXLIZET 180-10 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>niacin er (er 500 mg tablet, er 750 mg tablet, er 1,000 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>omega-3 ethyl esters 1 gm cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
PRALUENT PEN (75 MG/ML PEN, 150 MG/ML PEN)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
REPATHA 140 MG/ML SURECLICK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
REPATHA 140 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
REPATHA 420 MG/3.5ML PUSHTRONX	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
VASCEPA (0.5 GM CAPSULE, 1 GM CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
Vasodilators, Direct-acting Arterial		
<i>hydralazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
<i>minoxidil (2.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Vasodilators, Direct-acting Arterial/Venous		
<i>isosorbide dinitrate (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 30 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>isosorbide mononitrate (10 mg tab, 20 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>isosorbide mononitrate er (mn er 60 mg tablet, mononit er 30 mg tb, mononit er 60 mg tb, mononit er 120 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NITRO-BID 2% OINTMENT	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin (lingual 0.4 mg, 400 mcg spray)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin patch (0.1 patch, 0.2 patch, 0.4 patch, 0.6 patch)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NITROSTAT 0.6 MG TABLET SL	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Cardiovascular Agents		
RECTIV 0.4% OINTMENT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 21 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
Attention Deficit Hyperactivity Disorder Agents, Amphetamines		
<i>dextroamp-amphetamin 30 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>dextroamphetamine 10 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>dextroamphetamine 5 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 10 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (150 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 15 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 5 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
<i>dextroamphetamine-amphet er (er 5 mg cap, er 10 mg cap, er 15 mg cap, er 20 mg cap, er 25 mg cap, er 30 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphetamine (dextroamp-amphetam 7.5 mg tab, dextroamp-amphetam 12.5 mg tab, dextroamp-amphetamin 10 mg tab, dextroamp-amphetamin 15 mg tab, dextroamp-amphetamin 20 mg tab, dextroamp-amphetamine 5 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
Attention Deficit Hyperactivity Disorder Agents, Non-amphetamines		
<i>atomoxetine hcl (10 mg capsule, 18 mg capsule, 25 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>atomoxetine hcl (60 mg capsule, 80 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>clonidine hcl er 0.1 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
DAYTRANA (10 MG/9 HR PATCH, 15 MG/9 HR PATCH, 20 MG/9 HOUR PATCH, 30 MG/9 HOUR PATCH)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>guanfacine hcl er (er 1 mg tablet, er 2 mg tablet, er 3 mg tablet, er 4 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate 10 mg/5 ml sol</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (900 per 30 days)
<i>methylphenidate 5 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (1800 per 30 days)
<i>methylphenidate er (er 10 mg tab, er 20 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>methylphenidate er (er 18 mg tab, er 27 mg tab, er 54 mg tab, er 72 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er (la) (er(la) 10mg cp, er(la) 20mg cp, er(la) 30mg cp, er(la) 40mg cp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er 36 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
<i>methylphenidate hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl cd (10 mg cap, 20 mg cap, 30 mg cap, 40 mg cap, 50 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl er (cd) (er(cd) 10mg cp, er(cd) 20mg cp, er(cd) 30mg cp, er(cd) 40mg cp, er(cd) 50mg cp, er(cd) 60mg cp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate la (10 mg cap, 20 mg cap, 30 mg cap, 40 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate sr 20 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
Central Nervous System, Other		
BELVIQ 10 MG TABLET*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
INGREZZA 40 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
INGREZZA 80 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
INGREZZA INITIATION PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
LYRICA CR (CR 82.5 MG TABLET, CR 165 MG TABLET, CR 330 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>naltrexone/bupropion 8-90 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
NUDEXTA 20-10 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>phentermine hcl 15 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>phentermine hcl 30 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>riluzole 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SAVELLA (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
SAVELLA TITRATION PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (55 per 28 days)
TEGSEDI 284 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (6 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
<i>tetrabenazine (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
TIGLUTIK 50 MG/10 ML SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (600 per 30 days)
Multiple Sclerosis Agents		
AUBAGIO (7 MG TABLET, 14 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
AVONEX (30 MCG VIAL KIT, 30 MCG/0.5 ML SYRINGE, PREFILLED SYR 30 MCG KT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
AVONEX PEN (PEN 30 MCG/0.5 ML, PEN 30 MCG/0.5 ML KIT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
BETASERON (0.3 MG KIT, 0.3 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>dalfampridine er 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>dimethyl fumarate (30d start pk, dr 120 mg cp, dr 240 mg cp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
GILENYA 0.5 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>glatiramer acetate (20 mg/ml syringe, 40 mg/ml syringe)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
MAVENCLAD 10 MG X 10 TABLET PK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (20 per 365 days)
MAVENCLAD 10 MG X 4 TABLET PK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (8 per 365 days)
MAVENCLAD 10 MG X 5 TABLET PK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (10 per 365 days)
MAVENCLAD 10 MG X 6 TABLET PK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (12 per 365 days)
MAVENCLAD 10 MG X 7 TABLET PK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (14 per 365 days)
MAVENCLAD 10 MG X 8 TABLET PK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (16 per 365 days)
MAVENCLAD 10 MG X 9 TABLET PK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (18 per 365 days)
MAYZENT (0.25 MG TABLET, 0.25MG START-2MG MAINT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Central Nervous System Agents		
MAYZENT 2 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
PLEGRIDY (125 MCG/0.5 ML SYRINGE, SYRINGE STARTER PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
PLEGRIDY PEN (125 MCG/0.5 ML PEN, PEN INJ STARTER PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
REBIF (22 MCG/0.5 ML SYRINGE, 44 MCG/0.5 ML SYRINGE, TITRATION PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
REBIF REBIDOSE (22 MCG/0.5 ML, 44 MCG/0.5 ML, TITRATION PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TECFIDERA (DR 120 MG CAPSULE, DR 240 MG CAPSULE, STARTER PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
TYSABRI 300 MG/15 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dental and Oral Agents		
Dental and Oral Agents		
<i>cevimeline hcl 30 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>chlorhexidine 0.12% rinse</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>doxycycline hyclate 20 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PERIOGARD 0.12% ORAL RINSE	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>pilocarpine hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>triamcinolone 0.1% paste</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
Dermatological Agents		
ABSORICA (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 35 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
ABSORICA LD (8 MG CAPSULE, 16 MG CAPSULE, 24 MG CAPSULE, 32 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>acitretin (10 mg capsule, 17.5 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
ALA-CORT 1% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>amcinonide (0.1% cream, 0.1% lotion, 0.1% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ammonium lactate (12% cream, 12% lotion)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
AMNESTEEM (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>bacitracin 500 unit/g oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>bacitracin zinc 500 unit/g oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>benzoyl peroxide 5 % gel (gram)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
<i>betamethasone diprop augmented (0.05% crm, 0.05% gel, 0.05% lot, 0.05% oin)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>betamethasone dipropionate (0.05% crm, 0.05% lot, 0.05% oint, aug 0.05% crm)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>betamethasone valerate (va 0.1% cream, va 0.1% lotion, valer 0.1% ointm)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>calcipotriene (0.005% cream, 0.005% ointment, 0.005% solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
CLARAVIS (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>clind ph-benzoyl perox 1.2-5%</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clobetasol emollient 0.05% crm</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clobetasol propionate (0.05% cream, 0.05% gel, 0.05% ointment, 0.05% solution, 0.05% topical lotn)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
<i>clotrimazole 1 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>clotrimazole 1% solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>clotrimazole 2 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>clotrimazole-betamethasone (crm, lot)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CONDYLOX 0.5% GEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
CORMAX 0.05% SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CORTISPORIN OINTMENT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
COSENTYX 150 MG/ML PEN INJECT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
COSENTYX 150 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
COSENTYX 300 MG DOSE-2 PENS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
COSENTYX 300 MG DOSE-2 SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
<i>desonide (0.05% cream, 0.05% lotion, 0.05% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>desoximetasone (0.05% cream, 0.05% gel, 0.05% ointment, 0.25% cream, 0.25% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diflorasone diacetate (0.05% cream, 0.05% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>docosanol 10% cream*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (4 per 30 days)
<i>doxepin 5% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
DUPIXENT 300 MG/2 ML PEN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
DUPIXENT SYRINGE (200 MG/1.14 ML SYRINGE, 300 MG/2 ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>erythromycin-benzoyl gel</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluocinolone acetonide (0.01% cream, 0.01% scalp oil, 0.01% solution, 0.025% cream, 0.025% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
<i>fluocinonide (0.05% cream, 0.05% gel, 0.05% ointment, 0.05% solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluocinonide-e 0.05% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluorouracil (0.5% cream, 2% topical soln, 5% topical soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>fluorouracil 5% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>fluticasone propionate (0.005% oint, 0.05% cream, 0.05% lotion)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>halobetasol propionate (0.05% cream, 0.05% ointmnt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone (1% cream, 1% ointment, 2.5% cream, 2.5% lotion, 2.5% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone 0.5 % cream (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>hydrocortisone butyrate (buty 0.1% cream, butyr 0.1% oint, butyr 0.1% soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
<i>hydrocortisone valerate (0.2% cream, 0.2% ointmt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>imiquimod 5% cream packet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>isotretinoin (10 mg capsule, 20 mg capsule, 30 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>methoxsalen (10 mg capsule, 10 mg softgel)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>miconazole nitrate 2 % cream (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>miconazole nitrate 2 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>miconazole nitrate 200 mg-2 % kit*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 30 days)
<i>mometasone furoate (0.1% cream, 0.1% oint, 0.1% soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MYORISAN (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
<i>neomycin/bacitracin/polymyxinb 3.5-400-5k oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>pimecrolimus 1% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>pipерonyl butoxide/pyrethrins 4%-0.33% shampoo*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>podofilox 0.5% topical soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>prednicarbate (0.1% cream, 0.1% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PROCTO-MED HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
PROCTOSOL-HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
PROCTOZONE-HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
QBREXZA 2.4% CLOTH	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
REGRANEX 0.01% GEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
SANTYL OINTMENT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>selenium sulfide 1 % shampoo*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (207 per 30 days)
<i>selenium sulfide 2.5% lotion</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
STELARA (45 MG/0.5 ML SYRINGE, 45 MG/0.5 ML VIAL, 90 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>tacrolimus (0.03% ointment, 0.1% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJ (2-PK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJ (3-PK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJECTOR	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE (2-PK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Dermatological Agents		
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE (3-PK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>tazarotene 0.1% cream</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
TAZORAC (0.05% CREAM, 0.05% GEL, 0.1% GEL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>tolnaftate 1% cream*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 60 days)
<i>tretinoin (0.01% gel, 0.025% cream, 0.025% gel, 0.05% cream, 0.05% gel, 0.1% cream)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>triamcinolone acetonide (0.025% cream, 0.025% lotion, 0.025% oint, 0.1% cream, 0.1% lotion, 0.1% ointment, 0.5% cream, 0.5% ointment)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRIDERM 0.5% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ZENATANE (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
Electrolyte/Mineral /Metal Modifiers		
CHEMET 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
CLOVIQUE 250 MG CAPSULE	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>deferasirox (125 mg tb susp, 250 mg tb susp, 500 mg tb susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>deferasirox (90 mg tablet, 180 mg tablet, 360 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>deferiprone 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
FERRIPROX (100 MG/ML SOLUTION, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
FERRIPROX 1000 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>ferrous gluconate 324(38)mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 15 mg/ml drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 220 mg/5 ml elixir*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>ferrous sulfate 324(65)mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 325(65) mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 325(65) mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
INFED 100 MG/2 ML VIAL*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (12 per 28 days)
JADENU (90 MG TABLET, 180 MG TABLET, 360 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
KIONEX 15 GM/60 ML SUSPENSION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sodium polystyrene sulfonate (sod polystyren sulf 15 g/60 ml, sodium polystyrene sulf powder, sps 15 gm/60 ml suspension, sps 30 gm/120 ml enema, sps 50 gm/200 ml enema)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sodium,potassium phosphates 280-250 mg oral powder packets*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
SPS (15 GM/60 ML SUSPENSION, 30 GM/120 ML ENEMA SUSP)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>trientine hcl 250 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
VENOFER (50 MG/2.5 ML VIAL, 100 MG/5 ML VIAL, 200 MG/10 ML VIAL) *	\$0 (Tier 3)	PA
Electrolyte/Mineral Replacement		
<i>calcium carbonate 215(500)mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>calcium carbonate 260mg(648) tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate 300mg(750) tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>calcium carbonate 500 mg/5ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>calcium carbonate 500(1250) tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>calcium carbonate 600 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 250 mg-125 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-100 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-125 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-400 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-400 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-200 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-800 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate 200(950)mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate/vitamin d3 200 mg-250 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>calcium citrate/vitamin d3 315 mg-250 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
CARBAGLU 200 MG TAB FOR SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>dextrose 4 g tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (50 per 30 days)
<i>electrolytes/dextrose solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4000 per 30 days)
ISOLYTE S IV SOLUTION-EXCEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
K-TAB ER (ER 10 TABLET, ER 20 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
K-TAB ER 8 MEQ TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
KLOR-CON 10 MEQ TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
KLOR-CON 8 MEQ TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
KLOR-CON M15 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 200-200-20 oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>magnesium chloride 70 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>magnesium oxide 400 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
<i>magnesium sulfate 50% syringe</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
OSMOPREP TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PLASMA-LYTE 148 IV SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PLASMA-LYTE A PH 7.4 SOLN.	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>potassium chloride (2 meq/ml conc, er 8 meq capsule, er 8 meq tablet, 10 meq/100 ml sol, 10 meq/5 ml conc, 10% (20 meq/15ml), 10% (40 meq/30ml), er 10 meq capsule, er 10 meq tablet, 20 meq/10 ml conc, 20% (40 meq/15ml), er 20 meq tablet, 30 meq/15 ml conc, 40 meq/20 ml conc, 60 meq/30 ml conc)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>potassium citrate er (er 5 tab, er 10 tb, er 15 tb)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20 meq-0.45% nacl</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20 meq/1,000ml-ns</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20 meq/10 ml conc</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>potassium cl 40 meq/1,000ml-ns</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>sodium chloride (0.9% 100 ml, 0.9% 1,000 ml, 0.9% 250 ml, 0.9% 50 ml, 0.9% 500 ml, 0.9% ampule, 0.9% irrig, 0.9% irrig., 0.9% prcss sol, 0.9% sol-excel, 0.9% soln, 0.9% solution, 0.9% vial, 3% iv soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sodium chloride 0.9%-water</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sodium chloride 5% iv soln</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
AMINOSYN II (10% IV SOLUTION, 15% IV SOLUTION)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
AMINOSYN-PF 7% IV SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>ascorbic acid 1000 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-400 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate - vitamin d (cit-vit 315-200 tab, citrate - vit caplet, citrate - vit tablet, sm citrate-vit cplt) *</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate-vitamin d3 (315-vit d3 200 cpt, 315-vit d3 200 tab) *</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 1000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 1000 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 2000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 2000 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 5000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 50000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
CLINIMIX (4.25%-10% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
CLINIMIX E (2.75%-5% SOLUTION, 4.25%-10% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
CLINISOL 15% SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
CONCEPT DHA CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
CONCEPT OB CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12) 1000 mcg er tablet *</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12) 1000 mcg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12) 1000mcg/ml vial*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>d5%-1/2ns-kcl 30 meq/l iv sol</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>dextrose 10%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>dextrose 10%-0.45% nacl iv sol</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>dextrose 2.5%-0.45% nacl iv</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>dextrose 5%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-0.2% nacl-kcl (10 in d5w-0.2%, 20 in d5w-0.2%)</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl iv sol</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl-kcl (10 in d5w-0.225%, 20 in d5w-0.225%)</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.45% nacl iv soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-0.45% nacl-kcl (10 meq/500ml-d5w-0.45%nacl, 20 meq in d5w-0.45% nacl)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-0.9% nacl iv soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dextrose 5%-1/2ns-kcl (d5%-1/2ns-kcl 10 iv sol, d5%-1/2ns-kcl 40 iv sol)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dextrose in water (5%-water 100 ml, 5%-water 50 ml, 5%-water iv soln, 5%-water vial, 10%-water iv solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
DOTHELLE DHA SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ELITE-OB CAPLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ENBRACE HR SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>ergocalciferol (vitamin d2) 400 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>ergocalciferol (vitamin d2) 50000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
<i>folic acid 0.4 mg tablet *</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>folic acid 0.8 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>folic acid 1 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
FOLIVANE-OB CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
FREAMINE HBC 6.9% IV SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>glucose in water (5%-water 100 ml, 5%-water 50 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
HEPATAMINE 8% IV SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>hydroxocobalamin 1000mcg/ml vial*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
INTRALIPID (20% IV EMUL, 30% IV EMUL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ISOLYTE P-DEXTROSE 5% SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
JYNARQUE (15 MG TABLET, 15 MG-15 MG TABLET, 30 MG TABLET, 30 MG-15 MG TABLET, 45 MG-15 MG TABLET, 60 MG-30 MG TABLET, 90 MG-30 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>kcl 20 meq in d5w-lact ringer</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>kcl 20 meq in d5w-ns</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>kcl 20 meq/l in d5w solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>kcl 40 meq in d5w-nacl 0.9%</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
KLOR-CON M10 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>levocarnitine (1 g/10 ml soln, 330 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>levomefolate dha capsule</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>magnesium oxide 400 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
<i>magnesium sulfate 50% vial</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NATELLE ONE CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NEEVODHA CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NESTABS ONE SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>niacin 100 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>niacin 250 mg tablet er*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>niacin 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
NORMOSOL-M-DEXTROSE 5% IV SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NUTRILIPID 20% IV FAT EMULSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
OB COMPLETE CAPLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>phytonadione (vit k1) 5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (20 per 30 days)
PNV-DHA SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PNV-OMEGA SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PNV-VP-U CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>potassium chloride (er 10 meq tablet, 20 meq/100 ml sol, er 20 meq tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20meq/100ml-water</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>potassium cl 40 meq/100 ml sol</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PREMASOL 10% IV SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>prenatal tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>prenatal vitamin with minerals and folic acid greater than 0.8 mg oral tablet</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PRENATE AM TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PRENATE CHEWABLE TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PRENATE DHA SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PRENATE ESSENTIAL SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PROCALAMINE IV SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PROSOL 20% INJECTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
PUREFE OB PLUS CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 100 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 25 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>riboflavin (vitamin b2) 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>sodium chloride (saline 0.45% soln-excel con, sodium chloride 0.45% soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sodium fluoride 2.2 mg (fluoride ion 1 mg) oral tablet</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TARON-C DHA CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>thiamine hcl 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>tolvaptan (15 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
TPN ELECTROLYTES II IV SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TPN ELECTROLYTES VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TRAVASOL 10% SOLN VIAFLEX	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TROPHAMINE 10% IV SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ULTIMATECARE ONE CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VINATE CARE CHEWABLE TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VIRT-C DHA SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VIRT-PN DHA SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VIRT-PN PLUS SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>vitamin a 10,000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins		
<i>vitamin e (dl,tocopheryl acet)</i> <i>200 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
VOL-PLUS TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VP-GGR-B6 TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ZATEAN-PN DHA CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ZATEAN-PN PLUS SOFTGEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ZINGIBER TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
Antispasmodics, Gastrointestinal		
<i>dicyclomine hcl (10 mg capsule, 10 mg/5 ml soln, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
<i>glycopyrrolate (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Gastrointestinal Agents		
<i>bismuth subsalicylate 262 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
CREON DR 36,000 UNIT CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>famotidine 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
GAVILYTE-C SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GAVILYTE-G SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GAVILYTE-N SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GOLYTELY PACKET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
GOLYTELY SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LINZESS 72 MCG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
LITHOSTAT 250 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 200-200-25 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 400-400-40 oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
MYTESI 125 MG DR TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>peg 3350-electrolyte solution</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>peg-3350 and electrolytes soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PERTZYE (DR 8,000 CAPSULE, DR 16,000 CAPSULE, DR 24,000 CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>psyllium husk/aspartame 3.4g/5.8g powder *</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>simethicone 80 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
<i>sodium bicarbonate 325 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>sodium bicarbonate 650 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
TRILYTE WITH FLAVOR PACKETS	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VIOKACE (10,440-39,150 UNIT TAB, 10,440-39,150 UNITS TB, 20,880-78,300 UNITS TB)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Gastrointestinal Agents, Other		
<i>cromolyn 100 mg/5 ml oral conc</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diphenoxylate-atropine (diphenoxylat-atrop 2.5-0.025/5, diphenoxylate-atrop 2.5-0.025)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
GATTEX (5 MG 30-VIAL KIT, 5 MG ONE-VIAL KIT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>lansoprazol-amoxicil-clarithro</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
<i>loperamide 2 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MOVANTIK (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
MYALEPT 11.3 MG (5 MG/ML) VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
RELISTOR (8 MG/0.4 ML SYRINGE, 12 MG/0.6 ML KIT, 12 MG/0.6 ML SYRINGE, 12 MG/0.6 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
RELISTOR 150 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
SEROSTIM (4 MG VIAL, 6 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SEROSTIM 5 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>ursodiol (250 mg tablet, 300 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
XERMELO 250 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
ZORBTIVE 8.8 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Histamine2 (H2) Receptor Antagonists		
<i>cimetidine (200 mg tablet, 300 mg tablet, 300 mg/5 ml soln, 400 mg tablet, 400 mg/6.67 ml soln, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>famotidine (20 mg tablet, 20 mg/2 ml vial, 40 mg tablet, 40 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>nizatidine (15 mg/ml solution, 150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Irritable Bowel Syndrome Agents		
<i>alosetron hcl (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
AMITIZA (8 MCG CAPSULE, 24 MCG CAPSULES)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
LINZESS (145 MCG CAPSULE, 290 MCG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
TRULANCE 3 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
VIBERZI (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ZELNORM 6 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
Laxatives		
<i>bisacodyl 10 mg supp.rect*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>bisacodyl 5 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
CONSTULOSE 10 GM/15 ML SOLN	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>docusate calcium 240 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>docusate sodium 100 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>docusate sodium 250 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>docusate sodium 283 mg/5ml enema*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
<i>docusate sodium 50 mg/5 ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
ENULOSE 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GENERLAC 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>glycerin adult supp.rect*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
KRISTALOSE (10 GM PACKET, 20 GM PACKET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>lactulose (10 gm/15 ml solution, 20 gm/30 ml solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>lactulose 10 gm packet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>magnesium hydroxide 400 mg/5ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
MOVIPREP POWDER PACKET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>peg3350 100-7.5-2.691-1.01-5.9</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Gastrointestinal Agents		
<i>sennosides 8.6 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
SUPREP BOWEL PREP KIT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Protectants		
<i>misoprostol (100 mcg tablet, 200 mcg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST
<i>sucralfate 1 gm tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Proton Pump Inhibitors		
<i>omeprazole (dr 10 mg capsule, dr 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omeprazole dr 20 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>omeprazole magnesium 20 mg capsule dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>pantoprazole sodium (dr 20 mg tab, dr 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>rabeprazole sod dr 20 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment		
Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment		
ARALAST NP 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ARALAST NP 500 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
CHOLBAM (50 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
CREON (DR 6,000 CAPSULE, DR 12,000 CAPSULE, DR 24,000 CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
CYSTADANE (1 GRAM/1.7 ML POWDER, 1 GRAM/SCOOP POWDER)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
CYSTAGON (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
CYSTARAN 0.44% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
GALAFOLD 123 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (14 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment		
GLASSIA 1 GM/50 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
KUVAN (100 MG TABLET, 500 MG POWDER PACKET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>miglustat 100 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
OICALIVA (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
PALYNZIQ (2.5 MG/0.5 ML SYRINGE, 10 MG/0.5 ML SYRINGE, 20 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PANCREAZE (DR 2,600 CAP, DR 4,200 CAP, DR 10,500 CAP, DR 16,800 CAP, DR 21,000 CAP)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PERTZYE DR 4,000 UNIT CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PLENAMINE 15% SOLUTION	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment		
PROLASTIN C 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PROLASTIN C 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
RAVICTI 1.1 GRAM/ML LIQUID	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>sapropterin dihydrochloride (100 mg tablet, 500 mg powder pkt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>sodium phenylbutyrate powder</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
ZEMAIRA 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ZENPEP (DR 3,000 UNIT CAPSULE, DR 5,000 UNIT CAPSULE, DR 10,000 UNIT CAPSULE, DR 15,000 UNIT CAPSULE, DR 20,000 UNIT CAPSULE, DR 25,000 UNIT CAPSULE, DR 25,000 UNITS CAPSULE, DR 40,000 UNIT CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Genitourinary Agents		
Antispasmodics, Urinary		
<i>darifenacin er (er 7.5 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>flavoxate hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GELNIQUE (10% GEL PUMP, 10% GEL SACHET, 10% GEL SACHETS)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
MYRBETRIQ (ER 25 MG TABLET, ER 50 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>oxybutynin chloride (5 mg tablet, 5 mg/5 ml syrup)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>oxybutynin chloride er (er 5 mg tablet, er 10 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
OXYTROL 3.9 MG/24HR PATCH	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (8 per 28 days)
<i>solifenacin succinate (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Genitourinary Agents		
<i>tolterodine tartrate (1 mg tab, 2 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>tolterodine tartrate er (er 2 mg cap, er 4 mg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
TOVIAZ (ER 4 MG TABLET, ER 8 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>trospium chloride 20 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trospium chloride er 60 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
Benign Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl er 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dutasteride 0.5 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>finasteride 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>tamsulosin hcl 0.4 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Genitourinary Agents		
Genitourinary Agents, Other		
<i>bethanechol chloride (5 mg tablet, 10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DEPEN 250 MG TITRATAB	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ELMIRON 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>penicillamine 250 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
THIOLA 100 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
THIOLA EC (EC 100 MG TABLET, EC 300 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Phosphate Binders		
AURYXIA 210 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (360 per 30 days)
<i>calcium acetate (667 mg capsule, 667 mg gelcap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Genitourinary Agents		
FOSRENOL (750 MG POWDER PACKET, 1,000 MG POWDER PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>lanthanum carbonate (500 mg tab chew, 750 mg tab chew, 1,000 mg tb chw)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>sevelamer carbonate (2.4 gm powder packet, carbonate 800 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sevelamer hcl (400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Parathyroid		
Hormonal Agents, Parathyroid		
<i>cinacalcet hcl (30 mg tablet, 60 mg tablet, 90 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Parathyroid		
NATPARA (25 MCG CARTRIDGE, 50 MCG CARTRIDGE, 75 MCG CARTRIDGE, 100 MCG CARTRIDGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)		
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)		
ACTHAR GEL 400 UNIT/5 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 28 days)
<i>cortisone 25 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DECADRON (0.5 MG TABLET, 0.5 MG/5 ML ELIXIR, 0.75 MG TABLET, 4 MG TABLET, 6 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DELTASONE 20 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)		
<i>dexamethasone (0.5 mg tablet, 0.5 mg/5 ml elx, 0.5 mg/5 ml liq, 0.75 mg tablet, 1 mg tablet, 1.5 mg tablet, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 6 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dexamethasone 10 mg/ml syring</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
EMFLAZA (6 MG TABLET, 18 MG TABLET, 22.75 MG/ML ORAL SUSP, 30 MG TABLET, 36 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>fludrocortisone 0.1 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>methylprednisolone (4 mg dosepk, 4 mg tablet, 8 mg tab, 16 mg tab, 32 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>methylprednisolone sodium succ (1 gm vial, 500 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)		
<i>prednisolone (15 mg/5 ml soln, 15 mg/5 ml syrup)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>prednisolone sodium phos odt (odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet, odt 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>prednisolone sodium phosphate (5 mg/5 ml soln, 10 mg/5 ml soln, 15 mg/5 ml soln, 20 mg/5 ml soln, sod ph 25 mg/5 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>prednisone (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 5 mg tab dose pack, 5 mg tablet, 5 mg/5 ml solution, 10 mg tab dose pack, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PREDNISON INTENSOL 5 MG/ML	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Pituitary)		
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Pituitary)		
<i>desmopressin acetate (0.01% solution, 0.01% spray, acetate 0.1 mg tb, acetate 0.2 mg tb)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
EGRIFTA (1 MG VIAL, 2 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
EGRIFTA SV 2 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
GENOTROPIN (MINIQUICK 0.2 MG, MINIQUICK 0.4 MG, MINIQUICK 0.6 MG, MINIQUICK 0.8 MG, MINIQUICK 1 MG, MINIQUICK 1.2 MG, MINIQUICK 1.4 MG, MINIQUICK 1.6 MG, MINIQUICK 1.8 MG, MINIQUICK 2 MG, 5 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMATROPE (5 MG VIAL, 6 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE, 24 MG CARTRIDGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Pituitary)		
INCRELEX 40 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NORDITROPIN FLEXPPO (5 MG/1.5, 10 MG/1.5, 15 MG/1.5, 30 MG/3 ML)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NORDITROPIN NORDIFLEX 30 MG/3	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
NUTROPIN AQ NUSPIN (5, 10, 20)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
OMNITROPE (5 MG/1.5 ML CRTG, 5.8 MG VIAL, 10 MG/1.5 ML CRTG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SAIZEN (5 MG VIAL, 8.8 MG CLICK.EASY CARTG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SAIZEN 8.8 MG SAIZENPREP CART	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SAIZEN 8.8 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ZOMACTON (5 MG VIAL, 10 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
Anabolic Steroids		
ANADROL-50 TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Androgens		
ANDRODERM (2 MG/24HR PATCH, 4 MG/24HR PATCH)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
ANDROGEL (1.62%(1.25G) GEL, 1.62%(2.5G) GEL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
ANDROGEL 1.62% GEL PUMP	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>danazol (50 mg capsule, 100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>methyltestosterone 10 mg cap</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone (1% (25mg/2.5g) pk, 1% (50 mg/5 g) pk, 1.62% (2.5 g) pkt, 1.62% gel pump, 1.62%(1.25 g) pkt, 12.5 mg/1.25 gram, 25 mg/2.5 gm pkt, 30 mg/1.5 ml pump, 50 mg/5 gram gel, 50 mg/5 gram pkt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
<i>testosterone 10 mg gel pump</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone cypionate (testosteron 1,000 mg/10 ml, testosteron 2,000 mg/10 ml, testosterone 100 mg/ml, testosterone 200 mg/ml, testosterone 500 mg/2.5 ml, testosterone 500 mg/5 ml, testosterone 1,000 mg/5 ml, testosterone 6,000 mg/30ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone enanthate (testosteron 1,000 mg/5 ml, testosterone 200 mg/ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL 5 MG/ML VIAL	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
DOTTI (0.025 MG PATCH, 0.0375 MG PATCH, 0.05 MG PATCH, 0.075 MG PATCH, 0.1 MG PATCH)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (8 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
ESTRACE 0.01% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.01% cream, 10 mcg vaginal insrt)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.025 mg patch, 0.0375 mg patch, 0.05 mg patch, 0.075 mg patch, 0.1 mg patch)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (8 per 28 days)
<i>estradiol (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>estradiol (once weekly) (0.025 mg patch(1/wk), 0.0375mg patch(1/wk), 0.06 mg patch (1/wk), 0.075 mg patch(1/wk), 0.1 mg patch (1/wk))</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (4 per 28 days)
<i>estradiol (twice weekly) (0.025 mg patch(2/wk), 0.0375mg patch(2/wk), 0.05 mg patch (2/wk), 0.075 mg patch(2/wk), 0.1 mg patch (2/wk))</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (8 per 28 days)
<i>estradiol 0.05 mg patch (1/wk)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (8 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
<i>estradiol valerate (20 mg/ml vial, 40 mg/ml vial, 100 mg/5 ml, 200 mg/5 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ESTRING 2 MG VAGINAL RING	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
FEMRING (0.05 VAG RING, 0.10 VAG RING)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
IMVEXXY (4 MCG MAINTENANCE PACK, 4 MCG STARTER PACK, 10 MCG MAINTENANCE PAK, 10 MCG STARTER PACK)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (18 per 28 days)
<i>levonorgestrel 1.5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 30 days)
MENEST (0.3 MG TABLET, 0.625 MG TABLET, 1.25 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
MENOSTAR 14 MCG/DAY PATCH	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM
PREMARIN (0.3 MG TABLET, 0.45 MG TABLET, 0.625 MG TABLET, 0.9 MG TABLET, 1.25 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
PREMARIN VAGINAL CREAM-APPL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
ACTIVELLA 1 MG-0.5 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
ALTAVERA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ALYACEN 1-35 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AMABELZ (0.5 MG-0.1 MG TABLET, 1 MG-0.5 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
AMETHIA 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AMETHIA LO TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AMETHYST 90-20 MCG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ANGELIQ (0.25 MG-0.5 MG TABLET, 0.5 MG-1 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
ANNOVERA VAGINAL RING	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
APRI 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ARANELLE 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ASHLYNA 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AUBRA EQ-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AUBRA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AUROVELA 1 MG-20 MCG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AUROVELA 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
AVIANE-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BALCOLTRA TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
BALZIVA 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BEYAZ 28 TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
BLISOVI 24 FE TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BLISOVI FE 1.5-30 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BREVICON 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BRIELLYN TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CAMRESE LO TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CAZIAN 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CHARLOTTE 24 FE CHEWABLE TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CLIMARA PRO PATCH	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
COMBIPATCH (0.05-0.14 MG, 0.05-0.25 MG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM
CRINONE (4% GEL, 8% GEL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
CRYSELLE-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CYCLAFEM (1-35-28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CYRED 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
CYRED EQ 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>desogestr-eth estrad eth estra</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>drospirenone-eth estra-levomef (3-0.02-0.451, 3-0.03-0.451)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol (3-0.02 mg tab, 3-0.03 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ELURYNG VAGINAL RING	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
EMOQUETTE 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ENPRESSE-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ENSKYCE 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ESTARYLLA 0.25-0.035 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>estradiol-norethindrone acetat (0.5-0.1 mg tb, 1-0.5 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>ethynodiol-ethinyl estradiol (1mg-35mcg, 1mg-50mcg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>etonogestrel-ee vaginal ring</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
FALMINA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
FAYOSIM TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
FEMYNOR 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
FYAVOLV (0.5 MG-2.5 MCG TABLET, 1 MG-5 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
GEMMILY 1 MG-20 MCG CAPSULE	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GENERESS FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
GIANVI 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
HAILEY 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
HAILEY FE 1-20 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
INTRAROSA 6.5 MG VAG INSERT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
INTROVALE 0.15-0.03 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ISIBLOOM 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
JAIMIESS 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
JASMIEL 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
JINTELI 1 MG-5 MCG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
JULEBER 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
JUNEL (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
JUNEL FE (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
JUNEL FE 24 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
KAITLIB FE 0.8-0.025MG CHEW TB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
KARIVA 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
KELNOR 1-35 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
KELNOR 1-50 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
KURVELO-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LARIN (1.5 MG-30 MCG TABLET, 21 1-20 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LARIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LARISSIA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LAYOLIS FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LEENA 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LESSINA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LEVONEST-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>levonorg-eth estrad eth estrad (levono-e estrad 0.15-0.03-0.01, levonor-e estrad 0.1-0.02-0.01, levonorg 0.15mg-ee 20-25-30mcg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
<i>levonorgestrel-eth estradiol (estra 0.09-0.02 mg, estrad 0.1-0.02 mg, estrad 0.15-0.03, estrad triphasic)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LEVORA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LO LOESTRIN FE 1-10 TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
LOESTRIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LOESTRIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LOJAIMIESS 0.1-0.02-0.01 TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LOPREEZA (0.5 MG-0.1 MG TABLET, 1 MG-0.5 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
LORYNA 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LOSEASONIQUE TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
LOW-OGESTREL-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LUTERA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MARLISSA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MELODETTA 24 FE CHEWABLE TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MIBELAS 24 FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MICROGESTIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TAB)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MICROGESTIN 24 FE 1 MG-20 MCG	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MICROGESTIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TAB)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MILI 0.25-0.035 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
MIMVEY 1-0.5 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
MINASTRIN 24 FE CHEWABLE TAB	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NATAZIA 28 TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
NECON 0.5-35-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NIKKI 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>norethin-eth estra-ferrous fum (noret-estr-fe 0.4-0.035(21)-75, norethin-estra-fe 0.8-0.025 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>norethindron-ethinyl estradiol (norethin-ee 1.5-0.03 mg(21) tb, norethind-eth estrad 1-0.02 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>norethindron-ethinyl estradiol (norethin-eth 1 mg-5 mcg, norethind-eth 0.5-2.5)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>norethindrone-e.estradiol-iron (1-0.02(24)-75 chw, 1-0.02(24)-75 tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.025, norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.035, norg-ethin estra 0.25-0.035 mg, norgestimate-ee 0.25-0.035 mg)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NORTREL (0.5-35-28 TABLET, 1-35 21 TABLET, 1-35 28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NUVARING VAGINAL RING	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
OCELLA 3 MG-0.03 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ORSYTHIA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>oxandrolone (2.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
PIMTREA 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PIRMELLA (1-35 28 TABLET, 1-35-28 TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
PORTIA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PREFEST TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
PREMPHASE 0.625-5 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM
PREMPRO (0.3 MG-1.5 MG TABLET, 0.45-1.5 MG TABLET, 0.625-2.5 MG TABLET, 0.625-5 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM
PREVIFEM TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
QUARTETTE TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
RECLIPSEN 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
RIVELSA TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SAFYRAL TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
SEASONIQUE 0.15-0.03-0.01 TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SETLAKIN 0.15 MG-0.03 MG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SIMLIYA 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SLYND 4 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
SPRINTEC 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SRONYX 0.10-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SYEDA 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TAPERDEX 7 DAY 1.5 MG TAB PACK	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TARINA 24 FE 1 MG-20 MCG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TARINA FE 1-20 EQ TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
TARINA FE 1-20 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-ESTARYLLA TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-LEGEST FE-28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-LO-ESTARYLLA TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-LO-SPRINTEC TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-MILI 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-PREVIFEM TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-SPRINTEC TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-VYLIBRA 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TRI-VYLIBRA LO TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
TRIVORA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TYDEMY 3-0.03-0.451 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VELIVET 28 DAY TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VIENVA-28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VOLNEA 0.15-0.02-0.01 MG TAB	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VYFEMLA 0.4 MG-0.035 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
VYLIBRA 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
WYMZYA FE (0.4-0.035 MG CHEW TB, CHEWABLE TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
XULANE 150-35 MCG/DAY PATCH	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
YASMIN 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
YAZ 28 TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
YUVAFEM (10 MCG INSERT, 10 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ZARAH TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ZOVIA 1-35E TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ZOVIA 1-50E TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Progestins		
CAMILA 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DEBLITANE 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DEPO-PROVERA 400 MG/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ERRIN 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
INCASSIA 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LYZA 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>medroxyprogesterone acetate (2.5 mg tab, 5 mg tab, 10 mg tab, 150 mg/ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>megestrol acetate (20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>megestrol acetate (40 mg/ml susp, 400 mg/10 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
NORA-BE TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>norethindrn 5 mg tb (lupaneta)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)		
<i>norethindrone 0.35 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>norethindrone 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>progesterone (100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SHAROBEL 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Selective Estrogen Receptor Modifying Agents		
DUAVEE 0.45-20 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA-HRM
<i>raloxifene hcl 60 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)		
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)		
EUTHYROX (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)		
LEVO-T (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
LEVO-T (75 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>levothyroxine sodium (25 mcg tablet, 50 mcg tablet, 75 mcg tablet, 88 mcg tablet, 100 mcg tablet, 112 mcg tablet, 125 mcg tablet, 137 mcg tablet, 150 mcg tablet, 175 mcg tablet, 200 mcg tablet, 300 mcg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LEVOXYL (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)		
<i>liothyronine sodium (5 mcg tab, 25 mcg tab, 50 mcg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SYNTHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TIROSINT (13 MCG CAPSULE, 25 MCG CAPSULE, 50 MCG CAPSULE, 75 MCG CAPSULE, 88 MCG CAPSULE, 100 MCG CAPSULE, 112 MCG CAPSULE, 125 MCG CAPSULE, 137 MCG CAPSULE, 150 MCG CAPSULE, 175 MCG CAPSULE, 200 MCG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)		
TIROSINT-SOL (13 MCG/ML SOLN, 25 MCG/ML SOLN, 50 MCG/ML SOLN, 75 MCG/ML SOLN, 88 MCG/ML SOLN, 100 MCG/ML SOLN, 112 MCG/ML SOLN, 125 MCG/ML SOLN, 137 MCG/ML SOLN, 150 MCG/ML SOLN, 175 MCG/ML SOLN, 200 MCG/ML SOLN)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
UNITHROID (125 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
UNITHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 150 MCG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Suppressant (Adrenal)		
Hormonal Agents, Suppressant (Adrenal)		
KORLYM 300 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
LYSODREN 500 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)		
Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)		
<i>cabergoline 0.5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ELIGARD (7.5 MG SYRINGE B, 7.5 MG SYRINGE KIT, 22.5 MG SYRINGE B, 22.5 MG SYRINGE KIT, 30 MG SYRINGE B, 30 MG SYRINGE KIT, 45 MG SYRINGE B, 45 MG SYRINGE KIT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)		
FIRMAGON (2 X 120 MG KIT, 2 X 120 MG VIALS, 80 MG KIT, 80 MG VIAL, 120 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
ISTURISA (1 MG TABLET, 5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>leuprolide acetate (1 mg/0.2 ml vial, 2wk 1 mg/0.2 ml kit, 2wk 14 mg/2.8 ml kt, 2wk 14 mg/2.8 ml vl)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
LUPRON DEPOT (DEPOT 3.75 MG KIT, DEPOT-4 MONTH KIT, DEPOT 7.5 MG KIT, DEPOT 11.25 MG 3MO KIT, DEPOT 22.5 MG 3MO KIT, DEPOT 45 MG 6MO KIT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
LUPRON DEPOT (LUPANETA) (DEPO 11.25MG (LUPANETA), DEPOT 3.75MG (LUPANETA))	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
LUPRON DEPOT-PED (7.5 MG KIT, 11.25 MG 3MO)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>octreotide acetate (acet 0.05 mg/ml vl, acet 50 mcg/ml amp, acet 50 mcg/ml vial, acet 100 mcg/ml amp, acet 100 mcg/ml vl, acet 200 mcg/ml vl, acet 500 mcg/ml amp, acet 500 mcg/ml vl, 1,000 mcg/5 ml vial, 1,000 mcg/ml vial, 5,000 mcg/5 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)		
SIGNIFOR (0.3 MG/ML, 0.6 MG/ML, 0.9 MG/ML)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
SOMATULINE DEPOT (60 MG/0.2 ML, 90 MG/0.3 ML, 120 MG/0.5 ML)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
SOMAVERT (10 MG VIAL, 15 MG VIAL, 20 MG VIAL, 25 MG VIAL, 30 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SYNAREL 2 MG/ML NASAL SPRAY	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TRELSTAR (3.75 MG VIAL, 11.25 MG VIAL, 22.5 MG VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Suppressant (Thyroid)		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Hormonal Agents, Suppressant (Thyroid)		
<i>propylthiouracil 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
Angioedema Agents		
CINRYZE (500 VIAL, 500 VIAL-DILUENT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HAEGARDA (2,000 VIAL, 3,000 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>icatibant 30 mg/3 ml syringe</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
TAKHZYRO 300 MG/2 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
Immune Suppressants		
AZASAN (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
<i>azathioprine 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
CELLCEPT (200 MG/ML ORAL SUSP, 250 MG CAPSULE, 500 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
CIMZIA (2X200 MG/ML SYRINGE KIT, 2X200 MG/ML(X3)START KT, 200 MG VIAL KIT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>cyclosporine (25 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
<i>cyclosporine modified (25 mg, 50 mg, 100 mg, 100mg/ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
ENBREL (25 MG KIT, 25 MG/0.5 ML SYRINGE, 25 MG/0.5 ML VIAL, 50 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ENBREL 50 MG/ML MINI CARTRIDGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ENBREL 50 MG/ML SURECLICK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
<i>everolimus (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 0.75 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
GENGRAF (25 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE, 100 MG/ML SOLUTION)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
HUMIRA (10 MG/0.2 ML SYRINGE, 20 MG/0.4 ML SYRINGE, 40 MG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEDI CROHN 40 MG/0.8 ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN 40 MG/0.8 ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN CROHN-UC-HS 40 MG	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN PS-UV-ADOL HS 40 MG	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) (HUMIRA(CF) 10 MG/0.1 ML SYRING, HUMIRA(CF) 20 MG/0.2 ML SYRING, HUMIRA(CF) 40 MG/0.4 ML SYRING)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
HUMIRA(CF) PEDIATRIC CROHN'S (HUMIRA(CF) 80-40 MG, HUMIRA(CF) 80MG/0.8)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN (HUMIRA(CF) PEN 40 MG/0.4 ML, HUMIRA(CF) PEN 80 MG/0.8 ML)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN CRHN-UC-HS 80MG	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HUMIRA(CF) PEN PS-UV-AHS 80-40	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ILUMYA 100 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
KEVZARA (150 MG/1.14 ML PEN INJ, 200 MG/1.14 ML PEN INJ)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (2.28 per 28 days)
KEVZARA (150 MG/1.14 ML SYRINGE, 200 MG/1.14 ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (1.14 per 14 days)
KINERET 100 MG/0.67 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
<i>methotrexate 2.5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>mycophenolate mofetil (200 mg/ml susp, 250 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
<i>mycophenolic acid (dr 180 mg tb, dr 360 mg tb)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
MYFORTIC (180 MG TABLET, 360 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
NEORAL (25 MG GELATIN CAPSULE, 100 MG GELATIN CAPSULE, 100 MG/ML SOLUTION)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
NPLATE 125 MCG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
OLUMIANT (1 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
ORENCIA (50 MG/0.4 ML SYRINGE, 87.5 MG/0.7 ML SYRINGE, 125 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
ORENCIA CLICKJECT 125 MG/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PROGRAF (0.2 MG GRANULE PACKET, 0.5 MG CAPSULE, 1 MG CAPSULE, 1 MG GRANULE PACKET, 5 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
RAPAMUNE (0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
RAPAMUNE 1 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA BvD
REMICADE 100 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SANDIMMUNE (25 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
SANDIMMUNE 100 MG/ML SOLN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA BvD
SILIQ 210 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SIMPONI (100 MG/ML PEN INJECTOR, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
SIMPONI (50 MG/0.5 ML PEN INJEC, 50 MG/0.5 ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
<i>sirolimus (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 1 mg/ml solution, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
SKYRIZI 150 MG DOSE KIT-2 SYRN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
SKYRIZI 75 MG/0.83 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>tacrolimus (0.5 mg capsule, 0.5 mg capsule (ir), 1 mg capsule, 1 mg capsule (ir), 5 mg capsule, 5 mg capsule (ir))</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA BvD
TAVALISSE (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
TREMFYA (100 MG/ML INJECTOR, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
XATMEP 2.5 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
XELJANZ (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
XELJANZ XR (11 MG TABLET, 22 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
ZORTRESS (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 0.75 MG TABLET, 1 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA BvD
Immunological Agents		
ASCENIV 10% VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
BENLYSTA (200 MG/ML AUTOINJECT, 200 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
BIVIGAM (5 GM/50 ML (10%) VIAL, 10 GM/100 ML (10%) VL, LIQUID 10% VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
FLEBOGAMMA DIF 10% VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
GAMMAGARD LIQUID 10% VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
GAMMAGARD S-D (5 G (IGA<1) SOLN, 10 G (IGA<1) SOL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
GAMMAKED 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
GAMMAPLEX (2.5 GRAM/50 ML VIAL, 5 GRAM/100 ML VIAL, 5 GRAM/50 ML VIAL, 10 GRAM/100 ML VIAL, 10 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/400 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
GAMUNEX-C 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
GRASTEK 2,800 BAU SL TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HIZENTRA (1 GRAM/5 ML VIAL, 2 GRAM/10 ML VIAL, 4 GRAM/20 ML VIAL, 10 GRAM/50 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HYPERRAB 300 UNIT/ML VIAL	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
INFLECTRA 100 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
KINRIX TIP-LOK SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>methotrexate (50 mg/2 ml vial, 250 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>methotrexate sodium (1 gram/40 ml vial, 25 mg/ml vial, 50 mg/2 ml vial, 100 mg/4 ml vial, 200 mg/8 ml vial, 250 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
OCTAGAM (5% VIAL, 10% VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ODACTRA 12 SQ-HDM SL TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ORALAIR (300 IR ADULT SAMPLE KT, 300 IR STARTER PACK, 300 IR SUBLINGUAL TAB)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
PANZYGA (10% (1 G/10 ML) VIAL, 10% (10 G/100 ML) VIAL, 10% (2.5 G/25 ML) VIAL, 10% (20 G/200 ML) VIAL, 10% (30 G/300 ML) VIAL, 10% (5 G/50 ML) VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
PEDIARIX 0.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PRIVIGEN 10% VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
RECOMBIVAX HB 10 MCG/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
RENFLEXIS 100 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
XEMBIFY (20% (1 G/5 ML) VIAL, 20% (10 G/50 ML) VIAL, 20% (2 G/10 ML) VIAL, 20% (4 G/20 ML) VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA BvD
Immunomodulators		
ACTEMRA (80 MG/4 ML VIAL, 162 MG/0.9 ML SYRINGE, 200 MG/10 ML VIAL, 400 MG/20 ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ACTEMRA ACTPEN 162 MG/0.9 ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
ARCALYST 220 MG VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>leflunomide (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
OTEZLA 28 DAY STARTER PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (55 per 28 days)
OTEZLA 30 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
OTEZLA STARTER PACK	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (27 per 14 days)
RIDAURA 3 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
Vaccines		
ACTHIB (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ADACEL TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
BEXSERO PREFILLED SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
BOOSTRIX TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
DAPTACEL DTAP VACCINE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>diphtheria-tetanus toxoids-ped</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ENGRIX-B 20 MCG/ML SYRN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ENGRIX-B PEDI 10 MCG/0.5 SYRN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
GARDASIL 9 (9 SYRINGE, 9 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
HAVRIX (720 UNIT/0.5 ML SYRINGE, 1,440 UNIT/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
HIBERIX (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
IMOVAX RABIES VACCINE VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
INFANRIX DTAP VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
IPOL VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
IXIARO (6 MCG/0.5 ML SYRINGE, 6 UNIT(6 MCG)/0.5ML SYR)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
KINRIX VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
M-M-R II VACCINE VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
MENACTRA VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
MENQUADFI VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
MENVEO A-C-Y-W-135-DIP VIAL KT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PEDVAXHIB VACCINE VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
PENTACEL DTAP-IPV COMPONENT VL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
PROQUAD VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
QUADRACEL DTAP-IPV VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
RABAVERT (VACC W-DILUENT, VACCINE VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
RECOMBIVAX HB (5 MCG/0.5 ML SYR, 10 MCG/ML SYR, 40 MCG/ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
ROTARIX VACCINE SUSPENSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
ROTATEQ VACCINE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
SHINGRIX VIAL KIT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (2 per 365 days)
<i>tdvax vial</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Immunological Agents		
TENIVAC SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TRUMENBA 120 MCG/0.5 ML VACCIN	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TWINRIX VACCINE SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
TYPHIM VI (25 MCG/0.5 ML AL, 25 MCG/0.5 ML SYRNG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VAQTA (25 UNITS/0.5 ML SYRINGE, 25 UNITS/0.5 ML VIAL, 50 UNITS/ML SYRINGE, 50 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VARIVAX VACCINE (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
VARIZIG 125 UNIT/1.2 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
YF-VAX (1 VIAL, 5 VIAL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Inflammatory Bowel Disease Agents		
Aminosalicylates		
<i>balsalazide disodium 750 mg cp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DIPENTUM 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>mesalamine (4 gm/60 ml enema, 800 mg dr tablet, 1,000 mg supp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>mesalamine dr 1.2 gm tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>mesalamine dr 400 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PENTASA 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
PENTASA 500 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
Glucocorticoids		
ANUSOL-HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Inflammatory Bowel Disease Agents		
<i>budesonide dr 3 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>budesonide ec 3 mg capsule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone 100 mg/60 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Sulfonamides		
<i>sulfasalazine 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>sulfasalazine dr 500 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Metabolic Bone Disease Agents		
Metabolic Bone Disease Agents		
<i>alendronate sod 70 mg/75 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Metabolic Bone Disease Agents		
<i>alendronate sodium (35 mg tab, 70 mg tab)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>alendronate sodium 10 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>calcitonin-salmon 200 units sp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>calcitriol (0.25 mcg capsule, 0.5 mcg capsule, 1 mcg/ml solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>doxercalciferol (0.5 mcg cap, 1 mcg capsule, 2.5 mcg cap)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>doxercalciferol (4 mcg/2 ml amp, 4 mcg/2 ml vl)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
FORTEO 600 MCG/2.4 ML PEN INJ	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>ibandronate sodium 150 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (1 per 28 days)
<i>paricalcitol (1 mcg capsule, 2 mcg capsule, 4 mcg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
PROLIA 60 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Metabolic Bone Disease Agents		
RAYALDEE ER 30 MCG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
TYMLOS 80 MCG DOSE PEN INJECTR	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (2 per 30 days)
XGEVA 120 MG/1.7 ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>zoledronic acid (4 mg vial, 4 mg/5 ml vial, 5 mg/100 ml)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>zoledronic acid 4 mg/100 ml</i>	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
Ophthalmic Agents		
<i>atropine 1% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>bacitracin-polymyxin eye oint</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
<i>balanced salt eye irrigation solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
BLEPHAMIDE EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
BLEPHAMIDE EYE OINTMENT	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
COMBIGAN 0.2%-0.5% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>dorzolamide-timolol eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LASTACFT 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
<i>mineral oil/petrolatum, white 42.5-57.3% ophthalmic oint.*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (4 per 30 days)
<i>neo-bacit-poly-hc eye ointment</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>neomyc-bacit-polymix eye oint</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>neomyc-polym-gramicid eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
<i>neomycin-poly-hc eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-dexameth (neomyc-polym-dexamet ointm, neomyc-polym-dexameth drop)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>polymyxin b-tmp eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>polyvinyl alcohol 1.4 % ophthalmic drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
PRED-G 1% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>propylene glycol/peg 400 0.3 %-0.4% eye drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>sod borate/boric ac/water/nacl irrig soln*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>sodium chloride 5 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>sulf-pred 10-0.23% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
TOBRADEX ST 0.3-0.05% EYE DROP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
<i>tobramycin-dexameth ophth susp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
XIIDRA 5% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
Ophthalmic Agents, Other		
<i>carboxymethylcellulose sodium 0.5 % droperette*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>carboxymethylcellulose sodium 0.5 % ophthalmic drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>carboxymethylcellulose sodium 1 % ophthalmic dropper gel*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
LACRISERT 5 MG EYE INSERT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
OXERVATE 0.002% EYE DROP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
RESTASIS 0.05% EYE EMULSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
RESTASIS MULTIDOSE 0.05% EYE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
Ophthalmic Anti-allergy Agents		
ALOCIL 2% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
ALOMIDE 0.1% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
<i>azelastine hcl 0.05% drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cromolyn 4% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ketotifen fumarate 0.025 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (5 per 30 days)
<i>olopatadine hcl 0.1% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST, QL (5 per 30 days)
<i>olopatadine hcl 0.2% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST
PAZEO 0.7% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (2.5 per 30 days)
Ophthalmic Anti-inflammatories		
ALREX 0.2% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
<i>dexamethasone 0.1% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>diclofenac 0.1% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
DUREZOL 0.05% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
FLAREX 0.1% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>fluorometholone 0.1% drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>flurbiprofen 0.03% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
FML FORTE 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
FML S.O.P. 0.1% OINTMENT	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>ketorolac tromethamine (0.4% solution, 0.5% solution)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LOTEMAX (0.5% EYE OINTMENT, 0.5% OPHTHALMIC GEL)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (10 per 180 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
LOTEMAX 0.5% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
LOTEMAX SM 0.38% OPHTH GEL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (10 per 180 days)
<i>loteprednol etabonate 0.5% drp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
NEVANAC 0.1% DROPTAINER	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (6 per 180 days)
PRED MILD 0.12% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>prednisolone ac 1% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>prednisolone sod 1% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Ophthalmic Antiglaucoma Agents		
ALPHAGAN P 0.1% DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>apraclonidine hcl 0.5% drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
AZOPT 1% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>betaxolol hcl 0.5% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BETOPTIC S 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>brimonidine tartrate (tartrate 0.15% drp, 0.2% eye drop)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>carteolol hcl 1% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>dorzolamide hcl 2% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
IOPIDINE 1% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>levobunolol 0.5% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PHOSPHOLINE IODIDE (0.125%, 0.125% DROP)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>pilocarpine hcl (1% drops, 2% drops, 4% drops)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Ophthalmic Agents		
<i>timolol maleate (0.25% gel-solution, 0.25% gfs gel-solution, maleate 0.25% eye drop, 0.5% eye drop, 0.5% gel-solution, 0.5% gfs gel-solution, maleate 0.5% eye drops)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Ophthalmic Prostaglandin and Prostanamide Analogs		
<i>bimatoprost 0.03% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST
<i>latanoprost 0.005% eye drops</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
LUMIGAN 0.01% EYE DROPS	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
TRAVATAN Z 0.004% EYE DROP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST
<i>travoprost 0.004% eye drop</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Otic Agents		
Otic Agents		
<i>carbamide peroxide 6.5 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (15 per 30 days)
CIPRO HC OTIC SUSPENSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
CIPRODEX OTIC SUSPENSION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>ciproflox-dexameth otic susp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>fluocinolone oil 0.01% ear drp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-hc ear soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-hc ear susp</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
Anti-inflammatories, Inhaled Corticosteroids		
ARNUITY ELLIPTA (50 MCG, 100 MCG, 200 MCG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ASMANEX (TWISTHALER 110 MCG #30, TWISTHALER 220 MCG #30, TWISTHALER 220 MCG #60, TWISTHALER 220 MCG #120)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
ASMANEX HFA (HFA 50 MCG INHALER, HFA 100 MCG INHALER, HFA 200 MCG INHALER)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (13 per 30 days)
<i>budesonide (0.25 mg/2 ml susp, 0.5 mg/2 ml susp, 1 mg/2 ml inh susp)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
FLOVENT DISKUS (50 MCG, 100 MCG, 250 MCG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
FLOVENT HFA (HFA 44 MCG INHALER, HFA 110 MCG INHALER)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
FLOVENT HFA 220 MCG INHALER	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
PULMICORT FLEXHALER (90 MCG, 180 MCG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
QVAR REDIHALER (40 MCG, 80 MCG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>triamcinolone acetonide 55 mcg spray*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (17 per 30 days)
Antihistamines		
<i>brompheniramin/pseudoephedrine 1-15mg/5ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>cetirizine hcl 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cetirizine hcl 5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>chlorpheniramine maleate 4 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA-HRM, QL (90 per 30 days)
<i>cypheptadine hcl (2 mg/5 ml soln, 2 mg/5 ml syrup, 4 mg tablet, 4 mg/10 ml syr)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>desloratadine 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>dimenhydrinate 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA-HRM, QL (24 per 30 days)
<i>diphenhydramine hcl 25 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>fexofenadine hcl 180 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>fexofenadine hcl 60 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>levocetirizine 2.5 mg/5 ml sol</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>levocetirizine 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>loratadine 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>loratadine 5 mg/5 ml solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>triprolidine/pseudoephedrine 2.5mg-60mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA-HRM, QL (60 per 30 days)
Antileukotrienes		
<i>montelukast sodium (4 mg granules, 4 mg tab chew, 5 mg tab chew, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>zafirlukast (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
Bronchodilators, Anticholinergic		
ATROVENT 17 MCG HFA INHALER	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
INCRUSE ELLIPTA 62.5 MCG INH	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>ipratropium br 0.02% soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
SPIRIVA HANDIHALER 18 MCG CAP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SPIRIVA RESPIMAT (1.25 MCG, 2.5 MCG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
TUDORZA PRESSAIR 400 MCG INH (30 ACTUATIONS)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (1 per 30 days)
TUDORZA PRESSAIR 400 MCG INH (60 ACTUATIONS)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (1 per 30 days)
Bronchodilators, Sympathomimetic		
ADRENALIN 1 MG/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
ADRENALIN CL 1 MG/ML VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
<i>albuterol sulfate (sul 0.63 mg/3 ml sol, sul 1.25 mg/3 ml sol, sul 2.5 mg/3 ml soln, sulf 2 mg/5 ml syrup, 2.5 mg/0.5 ml sol, 5 mg/ml solution, 15 mg/3 ml solution, 20 mg/4 ml solution, 100 mg/20 ml soln)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
BROVANA 15 MCG/2 ML SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
<i>epinephrine (0.15 mg auto-inject, 0.3 mg auto-inject)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
<i>levalbuterol hcl (0.31 mg/3 ml sol, 0.63 mg/3 ml sol)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>metaproterenol 10 mg/5 ml syr</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
PROAIR RESPICLICK 90 MCG INHLR	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
SEREVENT DISKUS 50 MCG	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
STRIVERDI RESPIMAT INHAL SPRAY	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
Cystic Fibrosis Agents		
BETHKIS 300 MG/4 ML AMPULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	
CAYSTON 75 MG INHAL SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
KALYDECO (25 MG GRANULES PACKET, 50 MG GRANULES PACKET, 75 MG GRANULES PACKET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ORKAMBI (100-125 MG GRANULE PKT, 150-188 MG GRANULE PKT)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
ORKAMBI 200 MG-125 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
SYMDEKO (50/75 MG-75 MG TABLETS, 100/150 MG-150 MG TABS)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
TOBI PODHALER 28 MG INHALE CAP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>tobramycin 300 mg/4 ml ampule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>tobramycin 300 mg/5 ml ampule</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
TRIKAFTA 100-50-75 MG/150 MG	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
Mast Cell Stabilizers		
<i>cromolyn 20 mg/2 ml neb soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>cromolyn sodium 5.2 mg spray/pump*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (26 per 30 days)
Phosphodiesterase Inhibitors, Airways Disease		
DALIRESP (250 MCG TABLET, 500 MCG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>theophylline (80 mg/15 ml soln, er 400 mg tablet, er 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>theophylline er 300 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>theophylline er 300 mg tab</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
Pulmonary Antihypertensives		
ADEMPAS (0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 1.5 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA
ALYQ 20 MG TABLET	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>ambrisentan (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>bosentan (62.5 mg tablet, 125 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, LA, QL (60 per 30 days)
OPSUMIT 10 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA
ORENITRAM ER (ER 0.125 MG TABLET, ER 0.25 MG TABLET, ER 1 MG TABLET, ER 2.5 MG TABLET, ER 5 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>sildenafil 20 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>sildenafil citrate (10 mg/ml oral susp, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA
<i>tadalafil 20 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>tadalafil 20mg tablet (adcirca generic)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
TRACLEER (62.5 MG TABLET, 125 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA, QL (60 per 30 days)
TRACLEER 32 MG TABLET FOR SUSP	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA, QL (120 per 30 days)
UPTRAVI (200 MCG TABLET, 400 MCG TABLET, 600 MCG TABLET, 800 MCG TABLET, 1,000 MCG TABLET, 1,200 MCG TABLET, 1,400 MCG TABLET, 1,600 MCG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
VENTAVIS (10 MCG/1 ML SOLUTION, 20 MCG/1 ML SOLUTION)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
Pulmonary Fibrosis Agents		
ESBRIET (267 MG CAPSULE, 267 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (270 per 30 days)
OFEV (100 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
Respiratory Tract Agents, Other		
<i>acetylcysteine (10% vial, 20% vial)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
ADVAIR DISKUS (100-50, 250-50, 500-50)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ADVAIR HFA (HFA 45-21 MCG INHALER, HFA 115-21 MCG INHALER, HFA 230-21 MCG INHALER)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
ANORO ELLIPTA 62.5-25 MCG INH	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>benzonatate 100 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>benzonatate 200 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
BREO ELLIPTA (100-25 MCG, 200-25 MCG)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>codeine phosphate/guaifenesin 10-100mg/5 liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
DULERA (50 MCG-5 MCG INHALER, 100 MCG-5 MCG INHALER, 200 MCG-5 MCG INHALER)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (13 per 30 days)
FASENRA 30 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
FASENRA PEN 30 MG/ML	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA
<i>fluticasone-salmeterol (100-50, 250-50, 500-50)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>fluticasone-salmeterol (55-14, 113-14, 232-14)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (1 per 30 days)
NUCALA (100 MG/ML AUTO-INJECTOR, 100 MG/ML POWDER VIAL, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)
<i>promethazine hcl/codeine 6.25-10/5 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA-HRM, QL (180 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>promethazine/dextromethorphan 6.25-15/5 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA-HRM, QL (480 per 30 days)
<i>promethazine/phenyleph/codeine 6.25-5-10 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA-HRM, QL (180 per 30 days)
<i>sodium chloride 0.65 % spray*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
SYMBICORT (80-4.5 MCG INHALER, 160-4.5 MCG INHALER)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (11 per 30 days)
TRELEGY ELLIPTA (100-62.5-25, 200-62.5-25)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
WIXELA INHUB (100-50, 250-50, 500-50)	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (proair generic)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (17 per 30 days)
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (proventil generic)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (17 per 30 days)
<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg inhaler (ventolin generic)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (36 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
<i>azelastine hcl (0.1% (137 mcg) spray, 0.15% nasal spray)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
COMBIVENT RESPIMAT 20-100 MCG	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>epinephrine 0.3 mg auto-inject</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
ESBRIET 801 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>flunisolide 0.025% spray</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	ST, QL (50 per 30 days)
<i>fluticasone prop 50 mcg spray</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (16 per 30 days)
<i>iprat-albut 0.5-3(2.5) mg/3 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>ipratropium bromide (0.03% spray, 0.06% spray)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>levalbuterol conc 1.25 mg/0.5</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA NSO
<i>levalbuterol tar hfa 45mcg inh</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Respiratory Tract/Pulmonary Agents		
ORKAMBI 100 MG-125 MG TABLET	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
<i>pseudoephedrine hcl 30 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>pseudoephedrine hcl 30 mg/5 ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>pseudoephedrine hcl 60 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
PULMOZYME 1 MG/ML AMPUL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO
STIOLTO RESPIMAT INHAL SPRAY	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
XOFLUZA (20 MG TAB (40 MG DOSE), 40 MG TAB (80 MG DOSE), 40 MG TABLET)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
XOLAIR (75 MG/0.5 ML SYRINGE, 150 MG/1.2 ML POWDER VL, 150 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Skeletal Muscle Relaxants		
Skeletal Muscle Relaxants		
<i>carisoprodol 350 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>cyclobenzaprine hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (90 per 30 days)
<i>methocarbamol (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM
<i>orphenadrine er 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Sleep Disorder Agents		
GABA Receptor Modulators		
<i>eszopiclone (1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>flurazepam hcl (15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Sleep Disorder Agents		
<i>temazepam (15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>triazolam (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>zaleplon (5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>zolpidem tartrate (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
Sleep Disorders, Other		
<i>armodafinil (50 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
HETLIOZ 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>modafinil (100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>ramelteon 8 mg tablet</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
XYREM 500 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.95 (Tier 2)	PA, LA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Supplies		
Supplies		
<i>blood sugar diagnostic strip*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>condoms, latex, lubricated*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (24 per 30 days)
<i>gauze pads & dressings - pads 2 x 2</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (100 per 30 days)
GYNOL II 3% GEL*	\$0 (Tier 3)	QL (81 per 30 days)
<i>hand sanitizer*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (473 per 30 days)
<i>inhaler, assist devices*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
<i>insulin pen needle</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 0.3 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>isopropyl alcohol 0.7 ml/ml medicated pad</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Supplies		
<i>lancets*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>needles, insulin disp., safety</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>urine glucose-acet test strip*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Uncategorized		
Unclassified		
<i>gnp ins syringe 1 ml 28g 1/2"</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin pen needle</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2 ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1ml</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
Uncategorized		
<i>lancets*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>phenobarbital 20 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
<i>potassium cl 2 meq/ml conc</i>	\$0-\$3.60 (Tier 1)	
QUADRACEL DTAP-IPV VIAL	\$0-\$8.95 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 16 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Mục Lục Thuốc

1	ADVAIR DISKUS.....	288	ALYQ.....	286
1st Generation/Typical.....	ADVAIR HFA.....	288	AMABELZ.....	225
2	AEMCOLO.....	32	<i>amantadine</i>	99
2nd Generation/Atypical.....	AFINITOR.....	87	AMBISOME.....	67
A	AFINITOR DISPERZ.....	87	<i>ambrisentan</i>	286
<i>abacavir</i>	AIMOVIG AUTOINJECTOR.....	72	<i>amcinonide</i>	173
<i>abacavir-lamivudine</i>	AJOVY AUTOINJECTOR.....	72	AMETHIA.....	225
<i>abacavir-lamivudine-</i>	AJOVY SYRINGE.....	72	AMETHIA LO.....	225
<i>zidovudine</i>	ALA-CORT.....	173	AMETHYST.....	225
ABELCET.....	<i>albendazole</i>	95	<i>amikacin sulfate</i>	28
ABILIFY MAINTENA.....	<i>albuterol sulfate</i>	283	<i>amiloride hcl</i>	158
ABILIFY MYCITE.....	<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg</i>		<i>amiloride-</i>	
<i>abiraterone acetate</i>	<i>inhaler (Proair generic)</i>	290	<i>hydrochlorothiazide</i>	152
ABSORICA.....	<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg</i>		Aminoglycosides.....	28
ABSORICA LD.....	<i>inhaler (Proventil generic)</i>	290	Aminosalicylates.....	266
<i>acamprosate calcium</i>	<i>albuterol sulfate hfa 90 mcg</i>		AMINOSYN II.....	189
<i>acarbose</i>	<i>inhaler (ventolin generic)</i>	290	AMINOSYN-PF.....	189
<i>acebutolol hcl</i>	Alcohol Deterrents/Anti-		<i>amiodarone hcl</i>	145,152
<i>acetaminophen-codeine</i>	craving.....	26	AMITIZA.....	205
<i>acetazolamide</i>	ALECENSA.....	87	<i>amitriptyline hcl</i>	62
<i>acetazolamide er</i>	<i>alendronate sodium</i>	267,268	<i>amlodipine besylate</i>	148
<i>acetic acid</i>	<i>alfuzosin hcl er</i>	213	<i>amlodipine besylate-</i>	
<i>acetylcysteine</i>	ALINIA.....	96	<i>benazepril</i>	152
<i>acitretin</i>	<i>aliskiren</i>	156	<i>amlodipine-atorvastatin</i>	152
ACTEMRA.....	Alkylating Agents.....	76	<i>amlodipine-olmesartan</i>	152
ACTEMRA ACTPEN.....	ALLI.....	151	<i>amlodipine-valsartan</i>	152
ACTHAR.....	<i>allopurinol</i>	71	<i>amlodipine-valsartan-hctz</i>	152
ACTHIB.....	ALOCRIAL.....	273	<i>ammonium lactate</i>	173
ACTIMMUNE.....	<i>alogliptin</i>	125	AMNESTEEM.....	173
ACTIVELLA.....	<i>alogliptin-metformin</i>	128	<i>amoxapine</i>	62
<i>acyclovir</i>	ALOMIDE.....	273	<i>amoxicillin</i>	30,39
<i>acyclovir sodium</i>	<i>alosetron hcl</i>	205	<i>amoxicillin-clavulanate</i>	
ADACEL TDAP.....	Alpha-adrenergic Agonists.....	142	<i>potass</i>	39
ADCETRIS.....	Alpha-adrenergic Blocking		<i>amphotericin b</i>	67
<i>adefovir dipivoxil</i>	Agents.....	143	<i>ampicillin sodium</i>	39
ADEMPAS.....	ALPHAGAN P.....	275	<i>ampicillin trihydrate</i>	39
ADRENALIN.....	<i>alprazolam</i>	123	<i>ampicillin-sulbactam</i>	40
ADRENALIN CHLORIDE.....	ALREX.....	273	Anabolic Steroids.....	221
	ALTAVERA.....	225	ANADROL-50.....	221
	ALUNBRIG.....	87	<i>anagrelide hcl</i>	138
	ALYACEN.....	225	ANALGESICS.....	18

Analgesics.....	18	Anti-influenza Agents.....	120	Antiparkinson Agents.....	99
<i>anastrozole</i>	86	Antiandrogens.....	76	Antiparkinson Agents, Other.....	99
ANDRODERM.....	221	Antiangiogenic Agents.....	77	Antiprotozoals.....	96
ANDROGEL.....	221	Antiarrhythmics.....	145	ANTIPSYCHOTICS.....	102
Androgens.....	221	ANTIBACTERIALS.....	28	Antispasmodics,	
ANESTHETICS.....	25	Antibacterials.....	30	Gastrointestinal.....	200
ANGELIQ.....	225	Antibacterials, Other.....	32	Antispasmodics, Urinary...	212
Angioedema Agents.....	250	Anticholinergics.....	98	ANTISPASTICITY	
Angiotensin II Receptor		Anticoagulants.....	136	AGENTS.....	109
Antagonists.....	143	ANTICONVULSANTS.....	46	Antispasticity Agents.....	109
Angiotensin-converting Enzyme		Anticonvulsants, Other.....	46	Antithyroid Agents.....	249
(ACE) Inhibitors.....	144	ANTIDEMENTIA AGENTS.....	55	Antituberculars.....	75
ANNOVERA.....	226	Antidementia Agents, Other.....	55	ANTIVIRALS.....	110
ANORO ELLIPTA.....	288	ANTIDEPRESSANTS.....	57	Antivirals.....	121
ANTI-		Antidepressants.....	57	ANUSOL-HC.....	266
ADDICTION/SUBSTANCE		Antidepressants, Other.....	57	ANXIOLYTICS.....	122
ABUSE TREATMENT		Antidiabetic Agents.....	125	Anxiolytics, Other.....	122
AGENTS.....	26	ANTIEMETICS.....	64	APOKYN.....	99
Anti-cytomegalovirus (CMV)		Antiemetics, Other.....	64	<i>apraclonidine hcl</i>	275
Agents.....	117	Antiestrogens/Modifiers.....	78	<i>aprepitant</i>	65
Anti-hepatitis B (HBV)		ANTIFUNGALS.....	66	APRI.....	226
Agents.....	117	Antifungals.....	66	APTIOM.....	53
Anti-hepatitis C (HCV) Agents,		ANTIGOUT AGENTS.....	71	APTIVUS.....	115
Other.....	118	Antigout Agents.....	71	ARALAST NP.....	209
Anti-hepatitis C (HCV) Direct		Antihelminthics.....	95	ARANELLE.....	226
Acting Agents.....	119	Antiherpetic Agents.....	120	ARANESP.....	138
Anti-HIV Agents, Integrase		Antihistamines.....	280	ARCALYST.....	261
Inhibitors (INSTI).....	110	Antileukotrienes.....	281	ARIKAYCE.....	29
Anti-HIV Agents, Non-		Antimetabolites.....	78	<i>aripiprazole</i>	104
nucleoside Reverse		ANTIMIGRAINE AGENTS...	71	<i>aripiprazole odt</i>	104
Transcriptase Inhibitors		ANTIMYASTHENIC		ARISTADA.....	104,105
(NNRTI).....	111	AGENTS.....	74	ARISTADA INITIO.....	105
Anti-HIV Agents, Nucleoside		ANTIMYCOBACTERIALS...	74	<i>armodafinil</i>	294
and Nucleotide Reverse		Antimycobacterials, Other...	74	ARNUITY ELLIPTA.....	279
Transcriptase Inhibitors		ANTINEOPLASTICS.....	76	Aromatase Inhibitors, 3rd	
(NRTI).....	112	Antineoplastics.....	79	Generation.....	86
Anti-HIV Agents, Other.....	114	Antineoplastics, Other.....	85	<i>arsenic trioxide</i>	79
Anti-HIV Agents, Protease		ANTIPARASITICS.....	95	ASCENIV.....	257
Inhibitors.....	115	Antiparasitics.....	96	<i>ascorbic acid 1000 mg</i>	
Anti-inflammatories, Inhaled		ANTIPARKINSON AGENTS.....	98	<i>tablet</i>	189
Corticosteroids.....	279			ASHLYNA.....	226

ASMANEX.....	279	azithromycin 250 mg tablet	benzoyl peroxide 5 % gel
ASMANEX HFA.....	279	(dose pack).....	42 (gram).....
aspirin 325 mg tablet.....	18	azithromycin 500 mg tablet	benztropine mesylate.....
aspirin 325 mg tablet dr.....	18	(dose pack).....	30,42
aspirin 81 mg tab chew.....	18	AZOPT.....	276
aspirin 81 mg tablet dr.....	18	aztreonam.....	38
aspirin-dipyridamole er.....	141	B	
atazanavir sulfate.....	116	bacitracin.....	32
atenolol.....	147	bacitracin 500 unit/g oint.	
atenolol-chlorthalidone.....	153	(g).....	173
atomoxetine hcl.....	165	bacitracin zinc 500 unit/g oint.	
atorvastatin calcium.....	160	(g).....	173
atovaquone.....	96	bacitracin-polymyxin.....	269
atovaquone-proguanil hcl....	96	baclofen.....	109
ATRIPLA.....	111	balanced salt eye irrigation	
atropine sulfate.....	269	solution.....	270
ATROVENT HFA.....	282	BALCOLTRA.....	226
Attention Deficit Hyperactivity		balsalazide disodium.....	266
Disorder Agents,		BALVERSA.....	79
Amphetamines.....	164	BALZIVA.....	227
Attention Deficit Hyperactivity		BANZEL.....	53
Disorder Agents, Non-		BAQSIMI.....	130
amphetamines.....	165	BARACLUDE.....	118
AUBAGIO.....	169	BASAGLAR KWIKPEN U-	
AUBRA.....	226	100.....	128
AUBRA EQ.....	226	BAXDELA.....	42
AUROVELA.....	226	bcg vaccine (tice strain).....	80
AUROVELA 24 FE.....	226	BELVIQ.....	167
AURYXIA.....	214	benazepril hcl.....	144
AVIANE.....	226	benazepril-	
AVONEX.....	169	hydrochlorothiazide.....	153
AVONEX PEN.....	169	Benign Prostatic Hypertrophy	
AVYCAZ.....	36	Agents.....	213
AYVAKIT.....	79	BENLYSTA.....	257
AZACTAM.....	38	benznidazole.....	32,33
AZASAN.....	250	Benzodiazepines.....	123
AZASITE.....	42	benzonatate 100 mg	
azathioprine.....	251	capsule.....	288
azelastine hcl.....	273,291	benzonatate 200 mg	
azithromycin.....	30,42	capsule.....	288

Blood Formation Modifiers..138	<i>butalbital-acetaminophen-</i>	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>
BLOOD GLUCOSE	<i>caffe</i>18	<i>600 mg-800 tablet</i>185
REGULATORS.....125	<i>butalbital-acetaminophen-</i>	Calcium Channel Blocking
Blood Glucose Regulators..128	<i>caffeine 50-325-40 mg tablet</i> .18	Agents.....148
BLOOD	BYDUREON BCISE.....125	Calcium Channel Modifying
PRODUCTS/MODIFIERS/VOL	BYDUREON PEN.....125	Agents.....47
UME EXPANDERS.....136		<i>calcium citrate - vitamin d</i> ..189
<i>blood sugar diagnostic strip</i> 295	C	<i>calcium citrate 200(950)mg</i>
BOOSTRIX TDAP.....262	<i>cabergoline</i>247	<i>tablet</i>185
<i>bosentan</i>286	CABLIVI.....136	<i>calcium citrate-vitamin d3</i> ..189
BOSULIF.....87	CABOMETYX.....88	<i>calcium citrate/vitamin d3 200</i>
BOTOX.....109	<i>calcipotriene</i>174	<i>mg-250 tablet</i>185
BRAFTOVI.....80	<i>calcitonin-salmon</i>268	<i>calcium citrate/vitamin d3 315</i>
BREO ELLIPTA.....288	<i>calcitriol</i>268	<i>mg-250 tablet</i>186
BREVICON.....227	<i>calcium acetate</i>214	CALQUENCE.....80
BRIELLYN.....227	<i>calcium carbonate 215(500)mg</i>	CAMILA.....241
BRILINTA.....141	<i>tab chew</i>184	CAMRESE LO.....227
<i>brimonidine tartrate</i>276	<i>calcium carbonate 260mg(648)</i>	CAPLYTA.....105
BRIVIACT.....46	<i>tablet</i>184	CAPRELSA.....88
<i>bromocriptine mesylate</i>100	<i>calcium carbonate 300mg(750)</i>	CARBAGLU.....186
<i>brompheniramin/pseudoephedri</i>	<i>tab chew</i>184	<i>carbamazepine</i>53
<i>ne 1-15mg/5ml liquid</i>280	<i>calcium carbonate 500 mg/5ml</i>	<i>carbamazepine er</i>53
Bronchodilators,	<i>oral susp</i>184	<i>carbamide peroxide 6.5 %</i>
Anticholinergic.....282	<i>calcium carbonate 500(1250)</i>	<i>drops</i>278
Bronchodilators,	<i>tablet</i>184	<i>carbidopa</i>100
Sympathomimetic.....282	<i>calcium carbonate 600 mg</i>	<i>carbidopa-levodopa</i>101
BROVANA.....283	<i>tablet</i>185	<i>carbidopa-levodopa er</i>101
BRUKINSA.....80	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>	<i>carbidopa-levodopa-</i>
<i>budesonide</i>279	<i>250 mg-125 tablet</i>185	<i>entacapone</i>99
<i>budesonide dr</i>267	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>	<i>carboxymethylcellulose sodium</i>
<i>budesonide ec</i>267	<i>500 mg-100 tab chew</i>185	<i>0.5 % dropperette</i>272
<i>bumetanide</i>157	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>	<i>carboxymethylcellulose sodium</i>
<i>buprenorphine hcl</i>26	<i>500 mg-125 tablet</i>185	<i>0.5 % ophthalmic drops</i>272
<i>buprenorphine-naloxone 2-</i>	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>	<i>carboxymethylcellulose sodium</i>
<i>0.5mg sl tablet</i>26	<i>500 mg-400 tab chew</i>185	<i>1 % ophthalmic dropper gel</i> 272
<i>buprenorphine-naloxone 8-2mg</i>	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>	CARDIOVASCULAR
<i>sl tablet</i>27	<i>500 mg-400 tablet</i>185	AGENTS.....142
<i>bupropion hcl</i>57	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>	Cardiovascular Agents.....151
<i>bupropion hcl sr</i>27,57	<i>600 mg-200 tablet</i>185	Cardiovascular Agents,
<i>bupropion xl</i>57	<i>calcium carbonate/vitamin d3</i>	Other.....156
<i>buspirone hcl</i>122	<i>600 mg-400 tablet</i>189	<i>carisoprodol</i>293

CAROSPIR.....	158	chlorthalidone.....	158	clindamycin hcl.....	33
carteolol hcl.....	276	CHOLBAM.....	209	clindamycin pediatric.....	33
CARTIA XT.....	149	cholecalciferol (vitamin d3)		clindamycin phos-benzoyl	
carvedilol.....	147	1000 unit capsule.....	189	perox.....	174
caspofungin acetate.....	67	cholecalciferol (vitamin d3)		clindamycin phosphate... 31,33	
CAYSTON.....	284	1000 unit tablet.....	189	clindamycin phosphate-d5w. 33	
CAZIENT.....	227	cholecalciferol (vitamin d3)		CLINIMIX.....	190
cefaclor.....	36	2000 unit capsule.....	190	CLINIMIX E.....	190
cefadroxil.....	36	cholecalciferol (vitamin d3)		CLINISOL.....	191
cefazolin sodium.....	36	2000 unit tablet.....	190	clobazam.....	48
cefdinir.....	36	cholecalciferol (vitamin d3) 400		clobetasol emollient.....	174
cefepime hcl.....	36	unit capsule.....	190	clobetasol propionate.....	174
cefexime.....	37	cholecalciferol (vitamin d3) 400		clomipramine hcl.....	62
cefotetan.....	30	unit tablet.....	190	clonazepam.....	48
cefoxitin.....	37	cholecalciferol (vitamin d3)		clonidine.....	142
cefpodoxime proxetil.....	37	5000 unit capsule.....	190	clonidine hcl.....	142
cefprozil.....	37	cholecalciferol (vitamin d3)		clonidine hcl er.....	165
ceftazidime.....	37	50000 unit capsule.....	190	clopidogrel.....	141
ceftriaxone.....	30,37	cholestyramine.....	161	clorazepate dipotassium....	48
cefuroxime.....	37	cholestyramine light.....	161	clotrimazole.....	67,175
cefuroxime sodium.....	31,37	Cholinesterase Inhibitors.....	55	clotrimazole 1 %	
celecoxib.....	19,20	ciclopirox.....	67	cream/appl.....	175
CELLCEPT.....	251	cilostazol.....	141	clotrimazole 2 %	
CELONTIN.....	47	CILOXAN.....	43	cream/appl.....	175
CENTRAL NERVOUS		CIMDUO.....	114	clotrimazole-	
SYSTEM AGENTS.....	164	cimetidine.....	205	betamethasone.....	175
Central Nervous System,		CIMZIA.....	251	CLOVIQUE.....	182
Other.....	167	cinacalcet hcl.....	215	clozapine.....	109
cephalexin.....	38	CINRYZE.....	250	clozapine odt.....	109
cetirizine hcl 10 mg tablet...280		CIPRO HC.....	278	COARTEM.....	97
cetirizine hcl 5 mg tablet....280		CIPRODEX.....	278	codeine phosphate/guaifenesin	
cevimeline hcl.....	172	ciprofloxacin hcl.....	43	10-100mg/5 liquid.....	289
CHANTIX.....	27	ciprofloxacin-d5w.....	31,43	codeine sulfate.....	23
CHARLOTTE 24 FE.....	227	ciprofloxacin-		colchicine.....	71
CHEMET.....	182	dexamethasone.....	278	colesevelam hcl.....	125,161
chlordiazepoxide hcl.....	123	citalopram hbr.....	58	colestipol hcl.....	161
chlorhexidine gluconate.....	172	CLARAVIS.....	174	colistimethate.....	31
chloroquine phosphate.....	96	clarithromycin.....	42	COMBIGAN.....	270
chlorpheniramine maleate 4 mg		CLEOCIN.....	33	COMBIPATCH.....	228
tablet.....	280	CLIMARA PRO.....	227	COMBIVENT RESPIMAT..	291
chlorpromazine hcl.....	102	clindamycin (pediatric).....	33	COMETRIQ.....	88

COMPLERA.....	111	Cystic Fibrosis Agents.....	284	<i>desogestr-eth estrad eth</i>	
CONCEPT DHA.....	191			<i>estra.....</i>	228
CONCEPT OB.....	191	D		<i>desonide.....</i>	176
<i>condoms, latex, lubricated..</i>	295	<i>dalfampridine er.....</i>	169	<i>desoximetasone.....</i>	176
CONDYLOX.....	175	DALIRESP.....	285	<i>desvenlafaxine er.....</i>	58
CONSTULOSE.....	206	DALVANCE.....	34	<i>desvenlafaxine succinate er.</i>	59
COPIKTRA.....	80	<i>danazol.....</i>	221	<i>dexamethasone.....</i>	217
CORLANOR.....	156	<i>dantrolene sodium.....</i>	110	<i>dexamethasone sodium</i>	
CORMAX.....	175	<i>dapsone.....</i>	74	<i>phosphate.....</i>	217,274
<i>cortisone acetate.....</i>	216	DAPTACEL DTAP.....	262	<i>dextroamphetamine sulfate.</i>	164
CORTISPORIN.....	175	<i>daptomycin.....</i>	31	<i>dextroamphetamine sulfate</i>	
COSENTYX (2 SYRINGES)	175	DARAPRIM.....	97	<i>er.....</i>	164
COSENTYX PEN.....	175	<i>darifenacin er.....</i>	212	<i>dextroamphetamine-amphet</i>	
COSENTYX PEN (2 PENS)	175	DARZALEX FASPRO.....	80	<i>er.....</i>	165
COSENTYX SYRINGE.....	175	DAURISMO.....	88	<i>dextroamphetamine-</i>	
COTELLIC.....	88	DAYTRANA.....	166	<i>amphetamine.....</i>	164,165
CREON.....	201,209	DEBLITANE.....	241	<i>dextrose 10%-0.2% nacl....</i>	191
CRINONE.....	228	DECADRON.....	216	<i>dextrose 10%-0.45% nacl..</i>	191
CRIXIVAN.....	116	<i>deferasirox.....</i>	182	<i>dextrose 2.5%-0.45% nacl..</i>	191
<i>cromolyn sodium..</i>	203,273,285	<i>deferiprone.....</i>	182	<i>dextrose 4 g tab chew.....</i>	186
<i>cromolyn sodium 5.2 mg</i>		DELSTRIGO.....	114	<i>dextrose 5%-0.2% nacl....</i>	192
<i>spray/pump.....</i>	285	DELTASONE.....	216	<i>dextrose 5%-0.2% nacl-kcl.</i>	192
CROTAN.....	98	<i>demeclocycline hcl.....</i>	45	<i>dextrose 5%-0.225% nacl..</i>	192
CRYSELLE.....	228	DEMSEER.....	153	<i>dextrose 5%-0.225% nacl-</i>	
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12)</i>		DENAVIR.....	121	<i>kcl.....</i>	192
<i>1000 mcg er tablet</i>	191	DENTAL AND ORAL		<i>dextrose 5%-0.45% nacl....</i>	192
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12)</i>		AGENTS.....	172	<i>dextrose 5%-0.45% nacl-</i>	
<i>1000 mcg tablet.....</i>	191	Dental and Oral Agents.....	172	<i>kcl.....</i>	192
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12)</i>		DEPEN.....	214	<i>dextrose 5%-0.9% nacl....</i>	192
<i>1000mcg/ml vial.....</i>	191	DEPO-ESTRADIOL.....	222	<i>dextrose 5%-1/2ns-kcl.</i>	191,192
CYCLAFEM.....	228	DEPO-PROVERA.....	241	<i>dextrose 5%-ns-kcl....</i>	194,195
<i>cyclobenzaprine hcl.....</i>	293	DEPO-SUBQ PROVERA		<i>dextrose 5%-potassium</i>	
<i>cyclophosphamide.....</i>	76	104.....	242	<i>chloride.....</i>	194
<i>cyclosporine.....</i>	251	DERMATOLOGICAL		<i>dextrose in water.....</i>	192
<i>cyclosporine modified.....</i>	251	AGENTS.....	172	DIASTAT.....	49
<i>cyproheptadine hcl.....</i>	280	Dermatological Agents.....	172	DIASTAT ACUDIAL.....	49
CYRED.....	228	DESCOVY.....	114	<i>diazepam.....</i>	49,123
CYRED EQ.....	228	<i>desipramine hcl.....</i>	63	<i>diazoxide.....</i>	130
CYSTADANE.....	209	<i>desloratadine.....</i>	280	<i>diclofenac 1% gel rx.....</i>	20
CYSTAGON.....	209	<i>desmopressin acetate.....</i>	219	<i>diclofenac epolamine.....</i>	20
CYSTARAN.....	209			<i>diclofenac sodium.....</i>	20,274

<i>diclofenac sodium er</i>	20	<i>docusate calcium 240 mg capsule</i>	206	DUREZOL.....	274
<i>dicloxacillin sodium</i>	40	<i>docusate sodium 100 mg capsule</i>	206	<i>dutasteride</i>	213
<i>dicyclomine hcl</i>	200	<i>docusate sodium 250 mg capsule</i>	206	Dyslipidemics, Fibrin Acid	
<i>didanosine</i>	112	<i>docusate sodium 283 mg/5ml enema</i>	206	Derivatives.....	159
<i>diflorasone diacetate</i>	176	<i>docusate sodium 50 mg/5 ml liquid</i>	207	Dyslipidemics, HMG CoA	
DIGITEK.....	156	<i>dofetilide</i>	146	Reductase Inhibitors.....	160
DIGOX.....	156	<i>donepezil hcl</i>	55	Dyslipidemics, Other.....	161
<i>digoxin</i>	156	<i>donepezil hcl odt</i>	55	E	
<i>dihydroergotamine mesylate</i>	71	Dopamine Agonists.....	99	<i>ec-naproxen</i>	20
DILANTIN.....	53	Dopamine Precursors/ L-Amino Acid Decarboxylase Inhibitors.....	100	<i>econazole nitrate</i>	67
DILANTIN-125.....	53	DOPTelet.....	139	EDURANT.....	111
DILT-XR.....	149	<i>dorzolamide hcl</i>	276	<i>efavirenz</i>	111
<i>diltiazem 12hr er</i>	149	<i>dorzolamide-timolol</i>	270	<i>efavirenz-emtricitenofovir</i>	111
<i>diltiazem 24hr er</i>	149	DOTHELLE DHA.....	193	<i>disop</i>	111
<i>diltiazem 24hr er (cd)</i>	149	DOTTI.....	222	<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir</i>	114
<i>diltiazem 24hr er (xr)</i>	149	DOVATO.....	114	<i>disop</i>	114
<i>diltiazem hcl</i>	150	<i>doxazosin mesylate</i>	143	EGRIFTA.....	219
<i>dimenhydrinate 50 mg tablet</i>	281	<i>doxepin hcl</i>	63,176	EGRIFTA SV.....	219
<i>dimethyl fumarate</i>	169	<i>doxercalciferol</i>	268	Electrolyte/Mineral /Metal	
DIPENTUM.....	266	DOXY 100.....	45	Modifiers.....	182
<i>diphenhydramine hcl</i>	64	<i>doxycycline hyclate</i>	31,172	Electrolyte/Mineral	
<i>diphenhydramine hcl 25 mg capsule</i>	281	<i>doxycycline monohydrate</i>	31,45	Replacement.....	184
<i>diphenoxylate-atropine</i>	203	DRIZALMA SPRINKLE.....	59	<i>electrolytes/dextrose solution</i>	186
<i>diphtheria-tetanus toxoids-ped</i>	262	<i>dronabinol</i>	65	ELECTROLYTES/MINERALS/METALS/VITAMINS.....	182
<i>dipyridamole</i>	141	<i>drospirenone-eth estralevomef</i>	228	Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins.....	189
<i>disopyramide phosphate</i>	145	<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	228	ELIGARD.....	247
<i>disulfiram</i>	26	DROXIA.....	78	ELIQUIS.....	136
Diuretics, Carbonic Anhydrase Inhibitors.....	157	DUAVEE.....	243	ELITE-OB.....	193
Diuretics, Loop.....	157	DULERA.....	289	ELMIRON.....	214
Diuretics, Potassium-sparing.....	158	<i>duloxetine hcl</i>	59	ELURYNG.....	228
Diuretics, Thiazide.....	158	DUPIXENT PEN.....	176	EMCYT.....	78
DIURIL.....	159	DUPIXENT SYRINGE.....	176	Emetogenic Therapy	
<i>divalproex sodium</i>	49			Adjuncts.....	65
<i>divalproex sodium er</i>	49			EMFLAZA.....	217
<i>docetaxel</i>	80			EMGALITY PEN.....	72
<i>docosanol 10% cream</i>	176			EMGALITY SYRINGE.....	72
				EMOQUETTE.....	229

EMSAM.....	58	ERYTHROCIN	felbamate.....	51	
emtricitabine.....	113	LACTOBIONATE.....	felodipine er.....	150	
emtricitabine-tenofovir		erythromycin.....	FEMRING.....	224	
disop.....	113	erythromycin-benzoyl	FEMYNOR.....	229	
EMTRIVA.....	113	peroxide.....	fenofibrate.....	159	
enalapril maleate.....	144	ESBRIET.....	fenofibric acid.....	159	
enalapril-		escitalopram oxalate.....	59	fentanyl.....	18,21
hydrochlorothiazide.....	153	ESTARYLLA.....	229	fentanyl citrate.....	24
ENBRACE HR.....	193	ESTRACE.....	223	FERRIPROX.....	182
ENBREL.....	251	estradiol.....	223	FERRIPROX 1000 MG	
ENBREL MINI.....	251	estradiol (once weekly).....	223	TABLET.....	182
ENBREL SURECLICK.....	251	estradiol (twice weekly).....	223	ferrous gluconate 324(38)mg	
ENDOCET.....	18	estradiol valerate.....	224	tablet.....	182
ENGERIX-B ADULT.....	262	estradiol-norethindrone		ferrous sulfate 15 mg/ml	
ENGERIX-B PEDIATRIC-		acetat.....	229	drops.....	182
ADOLESCENT.....	262	ESTRING.....	224	ferrous sulfate 220 mg/5 ml	
ENHERTU.....	80	Estrogens.....	222	elixir.....	182
enoxaparin sodium.....	136	eszopiclone.....	293	ferrous sulfate 324(65)mg	
ENPRESSE.....	229	ethambutol hcl.....	75	tablet dr.....	183
ENSKYCE.....	229	ethosuximide.....	47	ferrous sulfate 325(65) mg	
entacapone.....	99	ethynodiol-ethinyl estradiol	229	tablet.....	183
entecavir.....	118	etodolac.....	20	ferrous sulfate 325(65) mg	
ENTRESTO.....	156	etonogestrel-ethinyl		tablet dr.....	183
ENULOSE.....	207	estradiol.....	229	FETZIMA.....	59
EPIDIOLEX.....	46	EUTHYROX.....	243	fexofenadine hcl 180 mg	
epinephrine.....	283,291	everolimus.....	89,252	tablet.....	281
EPIVIR HBV.....	118	EVOTAZ.....	116	fexofenadine hcl 60 mg	
eplerenone.....	158	exemestane.....	86	tablet.....	281
EPOGEN.....	139	ezetimibe.....	153	finasteride.....	213
ERAXIS (WATER DILUENT) 67		F			
ergocalciferol (vitamin d2) 400		FALMINA.....	229	FINTEPLA.....	46
unit tablet.....	193	famciclovir.....	121	FIRMAGON.....	248
ergocalciferol (vitamin d2)		famotidine.....	205	FLAREX.....	274
50000 unit capsule.....	193	famotidine 10 mg tablet.....	201	flavoxate hcl.....	212
ergoloid mesylates.....	55	FANAPT.....	105	FLEBOGAMMA DIF.....	257
Ergot Alkaloids.....	71	FARESTON.....	78	flecainide acetate.....	146
ERIVEDGE.....	88	FARYDAK.....	89	FLOVENT DISKUS.....	279
ERLEADA.....	76	FASENRA.....	289	FLOVENT HFA.....	279,280
erlotinib hcl.....	88	FASENRA PEN.....	289	fluconazole.....	67
ERRIN.....	242	FAYOSIM.....	229	fluconazole in saline.....	68
ertapenem.....	38			fluconazole-nacl.....	68
				flucytosine.....	68

<i>fludrocortisone acetate</i>	217		Genetic or Enzyme Disorder:		
<i>flunisolide</i>	291	G	Replacement, Modifiers,		
<i>fluocinolone acetonide</i>	176	GABA Receptor Modulators	Treatment.....		
<i>fluocinolone acetonide oil</i> ...	278	<i>gabapentin</i>	49	GENGRAF.....	252
<i>fluocinonide</i>	177	GABITRIL.....	50	GENITOURINARY	
<i>fluocinonide-e</i>	177	GALAFOLD.....	209	AGENTS.....	212
<i>fluorometholone</i>	274	<i>galantamine er</i>	55	Genitourinary Agents,	
<i>fluorouracil</i>	80,177	<i>galantamine hbr</i>	55	Other.....	214
<i>fluoxetine hcl</i>	60	<i>galantamine hydrobromide</i> ...	55	GENOTROPIN.....	219
<i>fluphenazine decanoate</i>	102	Gamma-aminobutyric Acid		<i>gentamicin sulfate</i>	29
<i>fluphenazine hcl</i>	102	(GABA) Augmenting Agents.	48	<i>gentamicin sulfate in ns</i>	29
<i>flurazepam hcl</i>	293	GAMMAGARD LIQUID.....	257	GENVOYA.....	110
<i>flurbiprofen sodium</i>	274	GAMMAGARD S-D.....	258	GEODON.....	105
<i>flutamide</i>	77	GAMMAKED.....	258	GIANVI.....	230
<i>fluticasone propionate</i> ..	177,291	GAMMAPLEX.....	258	GILENYA.....	170
<i>fluticasone-salmeterol</i>	289	GAMUNEX-C.....	258	GILOTRIF.....	89
<i>fluvoxamine maleate</i>	60	GARDASIL 9.....	262	GLASSIA.....	210
FML FORTE.....	274	GASTROINTESTINAL		<i>glatiramer acetate</i>	170
FML S.O.P.....	274	AGENTS.....	200	GLEOSTINE.....	76
<i>folic acid 0.4 mg tablet</i>	193	Gastrointestinal Agents.....	201	<i>glimepiride</i>	125
<i>folic acid 0.8 mg tablet</i>	193	Gastrointestinal Agents,		<i>glipizide</i>	125
<i>folic acid 1 mg tablet</i>	193	Other.....	203	<i>glipizide er</i>	126
FOLIVANE-OB.....	193	<i>gatifloxacin</i>	43	<i>glipizide xl</i>	126
<i>fondaparinux sodium</i>	136	GATTEX.....	203	<i>glipizide-metformin</i>	128
FORTEO.....	268	<i>gauze pads & dressings - pads</i>		GLUCAGON EMERGENCY	
<i>fosamprenavir calcium</i>	116	2 x 2.....	295	KIT.....	130
<i>fosaprepitant dimeglumine</i> ...	65	GAVILYTE-C.....	201	Glucocorticoids.....	266
<i>fosfomycin tromethamine</i>	34	GAVILYTE-G.....	201	<i>glucose in water</i>	193
<i>fosinopril sodium</i>	144	GAVILYTE-N.....	201	Glutamate Reducing Agents.	51
<i>fosinopril-</i>		GAVRETO.....	89	<i>glyburide</i>	126
<i>hydrochlorothiazide</i>	153	GELNIQUE.....	212	<i>glyburide-metformin</i>	
FOSRENOL.....	215	<i>gemcitabine hcl</i>	81	<i>hcl</i>	128,129
FRAGMIN.....	137	<i>gemfibrozil</i>	160	Glycemic Agents.....	130
FREAMINE HBC.....	193	GEMMILY.....	230	<i>glycerin adult supp.rect</i>	207
FULPHILA.....	139	GENERESS FE.....	230	<i>glycopyrrolate</i>	201
<i>furosemide</i>	153,158	GENERLAC.....	207	GLYXAMBI.....	129
FUZEON.....	114	GENETIC OR ENZYME		GOLYTELY.....	201
FYAVOLV.....	230	DISORDER: REPLACEMENT,		<i>granisetron hcl</i>	65
FYCOMPA.....	51,52	MODIFIERS, TREATMENT	209	GRASTEK.....	258
				<i>griseofulvin</i>	68
				<i>griseofulvin ultramicrosize</i> ...	68

<i>guanfacine hcl</i>	142	HORMONAL AGENTS,	HUMIRA.....	252
<i>guanfacine hcl er</i>	166	STIMULANT/REPLACEMENT/	HUMIRA PEDIATRIC	
<i>guanidine hcl</i>	74	MODIFYING (SEX	CROHN'S.....	252
GYNOL II.....	295	HORMONES/MODIFIERS).221	HUMIRA PEN.....	252
H		Hormonal Agents,	HUMIRA PEN CROHN'S-UC-	
		Stimulant/Replacement/Modifi	HS.....	252
HAEGARDA.....	250	ng (Sex	HUMIRA PEN PSOR-UEITS-	
HAILEY 24 FE.....	230	Hormones/Modifiers).....	ADOL HS.....	252
HAILEY FE.....	230	HORMONAL AGENTS,	HUMIRA(CF).....	252
<i>halobetasol propionate</i>	177	STIMULANT/REPLACEMENT/	HUMIRA(CF) PEDIATRIC	
<i>haloperidol</i>	102	MODIFYING (THYROID)...	CROHN'S.....	253
<i>haloperidol decanoate</i>	102	Hormonal Agents,	HUMIRA(CF) PEN.....	253
<i>haloperidol decanoate 100</i>	102	Stimulant/Replacement/Modifi	HUMIRA(CF) PEN CROHN'S-	
<i>haloperidol lactate</i>	103	ng (Thyroid).....	UC-HS.....	253
<i>hand sanitizer</i>	295	HORMONAL AGENTS,	HUMIRA(CF) PEN PSOR-UV-	
HAVRIX.....	262	SUPPRESSANT	ADOL HS.....	253
Hemostasis Agents.....	141	(ADRENAL).....	HUMULIN 70-30.....	132
<i>heparin sodium</i>	137	Hormonal Agents, Suppressant	HUMULIN 70/30 KWIKPEN	132
HEPATAMINE.....	194	(Adrenal).....	HUMULIN N.....	132
HERZUMA.....	81	HORMONAL AGENTS,	HUMULIN N KWIKPEN....	132
HETLIOZ.....	294	SUPPRESSANT	HUMULIN R.....	132
HIBERIX.....	262	(PITUITARY).....	<i>hydralazine hcl</i>	162
Histamine2 (H2) Receptor		Hormonal Agents, Suppressant	<i>hydrochlorothiazide</i>	159
Antagonists.....	205	(Pituitary).....	<i>hydrocodone-acetaminophen</i>	
HIZENTRA.....	258	HORMONAL AGENTS,	10-325mg	19
HORMONAL AGENTS,		SUPPRESSANT	<i>hydrocodone-acetaminophen</i>	
PARATHYROID.....	215	(THYROID).....	5-325mg	19
Hormonal Agents,		HUMALOG.....	<i>hydrocodone-acetaminophen</i>	
Parathyroid.....	215	HUMALOG JUNIOR	7.5-325mg	19
HORMONAL AGENTS,		KWIKPEN.....	<i>hydrocodone-ibuprofen</i>	19
STIMULANT/REPLACEMENT/		HUMALOG KWIKPEN U-	<i>hydrocortisone</i>	177,217,267
MODIFYING (ADRENAL)...216		100.....	<i>hydrocortisone 0.5 % cream</i>	
Hormonal Agents,		HUMALOG KWIKPEN U-	(g).....	177
Stimulant/Replacement/Modifi		200.....	<i>hydrocortisone butyrate</i>	177
ng (Adrenal).....	216	HUMALOG MIX 50-50.....	<i>hydrocortisone valerate</i>	178
HORMONAL AGENTS,		HUMALOG MIX 50-50	<i>hydromorphone hcl</i>	24
STIMULANT/REPLACEMENT/		KWIKPEN.....	<i>hydroxocobalamin 1000mcg/ml</i>	
MODIFYING (PITUITARY).219		HUMALOG MIX 75-25.....	<i>vial</i>	194
Hormonal Agents,		HUMALOG MIX 75-25	<i>hydroxychloroquine sulfate</i> ..	97
Stimulant/Replacement/Modifi		KWIKPEN.....	<i>hydroxyurea</i>	78
ng (Pituitary).....	219	HUMATROPE.....	<i>hydroxyzine hcl</i>	122

<i>hydroxyzine pamoate</i>	123	INLYTA.....	90	Irritable Bowel Syndrome	
HYPERRAB.....	258	INQOVI.....	85	Agents.....	205
		INREBIC.....	90	ISENTRESS.....	110
		<i>insulin aspart</i>	132	ISENTRESS HD.....	110
<i>ibandronate sodium</i>	268	<i>insulin aspart flexpen</i>	132	ISIBLOOM.....	230
IBRANCE.....	89	<i>insulin aspart penfill</i>	132	ISOLYTE P WITH	
IBU.....	20	<i>insulin aspart prot mix 70-</i>		DEXTROSE.....	194
<i>ibuprofen</i>	21	30.....	132	ISOLYTE S.....	186
<i>ibuprofen 200 mg tablet</i>	19	<i>insulin lispro</i>	133	<i>isoniazid</i>	75
<i>icatibant</i>	250	<i>insulin lispro junior kwikpen</i>	133	<i>isopropyl alcohol 0.7 ml/ml</i>	
ICLUSIG.....	89	<i>insulin lispro kwikpen u-100</i>	132	<i>medicated pad</i>	295
IDHIFA.....	81	<i>insulin lispro protamine mix</i>	133	<i>isosorbide dinitrate</i>	163
ILUMYA.....	253	<i>insulin pen needle</i>	295,296	<i>isosorbide mononitrate</i>	163
<i>imatinib mesylate</i>	89	<i>insulin syringe</i>	296	<i>isosorbide mononitrate er.</i>	163
IMBRUVICA.....	89,90	<i>insulin syringe (disp) u-100 0.3</i>		<i>isotretinoin</i>	178
<i>imipenem-cilastatin</i>		<i>ml</i>	295	ISTURISA.....	248
<i>sodium</i>	32,38	<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2</i>		<i>itraconazole</i>	68
<i>imipramine hcl</i>	63	<i>ml</i>	295,296	<i>ivermectin</i>	96
<i>imiquimod</i>	178	<i>insulin syringe (disp) u-100</i>		IXIARO.....	263
Immune Suppressants.....	250	<i>1ml</i>	295,296		
IMMUNOLOGICAL		Insulins.....	131	J	
AGENTS.....	250	INTELENCE.....	111	JADENU.....	183
Immunological Agents.....	257	INTRALIPID.....	194	JAIMIESS.....	230
Immunomodulators.....	260	INTRAROSA.....	230	JAKAFI.....	90
IMOVAX RABIES		INTRON A.....	118	<i>jantoven</i>	137
VACCINE.....	262	INTROVALE.....	230	JANUMET.....	129
IMVEXXY.....	224	INVEGA SUSTENNA.....	105	JANUMET XR.....	129
INCASSIA.....	242	INVEGA TRINZA.....	106	JANUVIA.....	126
INCRELEX.....	220	INVIRASE.....	116	JARDIANCE.....	129
INCRUSE ELLIPTA.....	282	INVOKAMET.....	129	JASMIEL.....	231
<i>indapamide</i>	159	INVOKAMET XR.....	129	JINTELI.....	231
<i>indomethacin</i>	21	INVOKANA.....	126	JULEBER.....	231
INFANRIX DTAP.....	263	IOPIDINE.....	276	JULUCA.....	114
INFED.....	183	IPOL.....	263	JUNEL.....	231
INFLAMMATORY BOWEL		<i>ipratropium bromide</i>	282,291	JUNEL FE.....	231
DISEASE AGENTS.....	266	<i>ipratropium-albuterol</i>	291	JUNEL FE 24.....	231
INFLECTRA.....	259	<i>irbesartan</i>	143	JUXTAPID.....	161
INGREZZA.....	167	<i>irbesartan-</i>		JYNARQUE.....	194
INGREZZA INITIATION		<i>hydrochlorothiazide</i>	154		
PACK.....	168	IRESSA.....	90	K	
<i>inhaler, assist devices</i>	295	<i>irinotecan hcl</i>	81	K-TAB ER.....	186

KADIAN.....	22	lamotrigine (green).....	52	levomefolate dha.....	195
KAITLIB FE.....	231	lamotrigine (orange).....	52	LEVONEST.....	232
KALETRA.....	116	lancets.....	296,297	levonorg-eth estrad eth	
KALYDECO.....	284	lansoprazol-amoxicil-		estrad.....	232
KANJINTI.....	81	clarithro.....	203	levonorgestrel 1.5 mg	
KARIVA.....	231	lanthanum carbonate.....	215	tablet.....	224
KELNOR 1-35.....	231	LANTUS.....	133	levonorgestrel-eth estradiol	233
KELNOR 1-50.....	232	LANTUS SOLOSTAR.....	133	LEVORA-28.....	233
ketoconazole.....	68	lapatinib.....	90	levorphanol tartrate.....	22
ketorolac tromethamine.....	274	LARIN.....	232	levothyroxine sodium.....	244
ketotifen fumarate 0.025 %		LARIN FE.....	232	LEVOXYL.....	244
drops.....	273	LARISSIA.....	232	LEXIVA.....	116
KEVEYIS.....	154	LASTACFT.....	270	lidocaine.....	25
KEVZARA.....	253	latanoprost.....	277	lidocaine hcl.....	25
KINERET.....	253	LATUDA.....	106	lidocaine hcl viscous.....	25
KINRIX.....	259,263	Laxatives.....	206	lidocaine-prilocaine.....	26
KIONEX.....	183	LAYOLIS FE.....	232	linezolid.....	34
KISQALI.....	81	ledipasvir-sofosbuvir.....	119	linezolid-d5w.....	32
KISQALI FEMARA CO-		LEENA.....	232	LINZESS.....	201,205
PACK.....	85,86	leflunomide.....	261	liothyronine sodium.....	245
KLOR-CON 10.....	186	LENVIMA.....	91	lisinopril.....	144
KLOR-CON 8.....	186	LESSINA.....	232	lisinopril-	
KLOR-CON M10.....	195	letrozole.....	87	hydrochlorothiazide.....	154
KLOR-CON M15.....	186	leucovorin calcium.....	86	lithium.....	124
KORLYM.....	247	LEUKERAN.....	76	lithium carbonate.....	124
KOSELUGO.....	90	LEUKINE.....	139	lithium carbonate er.....	124
KRINTAFEL.....	96	leuprolide acetate.....	248	LITHOSTAT.....	202
KRISTALOSE.....	207	levalbuterol concentrate....	291	LO LOESTRIN FE.....	233
KURVELO.....	232	levalbuterol hcl.....	283	Local Anesthetics.....	25
KUVAN.....	210	levalbuterol tartrate hfa....	291	LOESTRIN.....	233
		LEVEMIR.....	133	LOESTRIN FE.....	233
		LEVEMIR FLEXTOUCH.....	133	LOJAIMIESS.....	233
		levetiracetam.....	46	LONSURF.....	86
		levetiracetam er.....	46	loperamide.....	204
		LEVO-T.....	244	lopinavir-ritonavir.....	121
		levobunolol hcl.....	276	LOPREEZA.....	233
		levocarnitine.....	195	loratadine 10 mg tablet....	281
		levocetirizine		loratadine 5 mg/5 ml	
		dihydrochloride.....	281	solution.....	281
		levofloxacin.....	43	lorazepam.....	123,124
		levofloxacin-d5w.....	43	LORBRENA.....	81

LORYNA.....	233	magnesium hydroxide 400	Metabolic Bone Disease
losartan potassium.....	143	mg/5ml oral susp.....	207 Agents.....
losartan-		magnesium oxide 400 mg	metaproterenol sulfate.....
hydrochlorothiazide.....	154	tablet.....	187,195 metformin hcl.....
LOSEASONIQUE.....	233	magnesium sulfate.....	187,195 metformin hcl er.....
LOTEMAX.....	274,275	malathion.....	98 methadone hcl.....
LOTEMAX SM.....	275	maprotiline hcl.....	60 methazolamide.....
loteprednol etabonate.....	275	MARLISSA.....	234 methimazole.....
lovastatin.....	160	MARPLAN.....	58 methocarbamol.....
LOW-OGESTREL.....	234	Mast Cell Stabilizers.....	285 methotrexate.....
loxapine.....	103	MATULANE.....	76 methotrexate sodium.....
LUCEMYRA.....	27	MAVENCLAD.....	170 methoxsalen.....
LUMIGAN.....	277	MAVYRET.....	119 methyl dopa.....
LUPRON DEPOT.....	248	MAYZENT.....	170,171 methyl dopa-
LUPRON DEPOT		meclizine hcl.....	64 hydrochlorothiazide.....
(LUPANETA).....	248	medroxyprogesterone	methylphenidate er.....
LUPRON DEPOT-PED.....	248	acetate.....	242 methylphenidate er (la).....
LUTERA.....	234	mefloquine hcl.....	97 methylphenidate hcl.....
LYNPARZA.....	91	megestrol acetate.....	242 methylphenidate hcl cd.....
LYRICA CR.....	168	MEKINIST.....	91 methylphenidate hcl er (cd).....
LYSODREN.....	247	MEKTOVI.....	82 methylphenidate la.....
LYUMJEV.....	133	MELODETTA 24 FE.....	234 methylphenidate sr.....
LYUMJEV KWIKPEN U-100133		meloxicam.....	21 methylprednisolone.....
LYUMJEV KWIKPEN U-200133		memantine hcl.....	56 methylprednisolone sodium
LYZA.....	242	memantine hcl er.....	56 succ.....
		MENACTRA.....	263 methyltestosterone.....
		MENEST.....	224 metoclopramide hcl.....
M-M-R II VACCINE.....	263	MENOSTAR.....	224 metolazone.....
Macrolides.....	42	MENQUADFI.....	263 metoprolol succinate.....
mag hydrox/aluminum		MENVEO A-C-Y-W-135-	metoprolol tartrate.....
hyd/simeth 200-200-20 oral		DIP.....	263 metoprolol-
susp.....	186	meperidine hcl.....	24 hydrochlorothiazide.....
mag hydrox/aluminum		meprobamate.....	123 metronidazole.....
hyd/simeth 200-200-25 tab		mercaptapurine.....	79 metyrosine.....
chew.....	202	meropenem.....	38 mexiletine hcl.....
mag hydrox/aluminum		mesalamine.....	266 MIBELAS 24 FE.....
hyd/simeth 400-400-40 oral		mesalamine dr.....	266 micafungin.....
susp.....	202	MESNEX.....	95 miconazole 3.....
magnesium chloride 70 mg		METABOLIC BONE DISEASE	miconazole nitrate 2 % cream
tablet dr.....	187	AGENTS.....	267 (g).....

<i>miconazole nitrate 2 % cream/appl.</i>	178	MVASI.....	82	<i>neomycin-polymyxin-dexameth.</i>	271
<i>miconazole nitrate 200 mg-2 % kit.</i>	178	MYALEPT.....	204	<i>neomycin-polymyxin-gramicidin.</i>	270
MICROGESTIN.....	234	MYCAMINE.....	69	<i>neomycin-polymyxin-hc.</i>	271,278
MICROGESTIN 24 FE.....	234	<i>mycophenolate mofetil.</i>	254	<i>neomycin-polymyxin-hydrocort.</i>	278
MICROGESTIN FE.....	234	<i>mycophenolic acid.</i>	254	<i>neomycin/bacitracin/polymyxin b 3.5-400-5k oint. (g).</i>	179
<i>midodrine hcl.</i>	142	MYFORTIC.....	254	NEORAL.....	254
MIGERGOT.....	71	MYORISAN.....	178	NERLYNX.....	82
<i>miglustat.</i>	210	MYRBETRIQ.....	212	NESTABS ONE.....	195
MILI.....	234	MYTESI.....	202	NEULASTA.....	139
MIMVEY.....	234	N			
MINASTRIN 24 FE.....	235	N-methyl-D-aspartate (NMDA) Receptor Antagonist.....	56	NEULASTA ONPRO.....	139
<i>mineral oil/petrolatum,white 42.5-57.3% ophthalmic oint.</i>	270	<i>nabumetone.</i>	21	NEUPOGEN.....	139
<i>minocycline hcl.</i>	45	<i>nadolol.</i>	148	NEUPRO.....	100
<i>minoxidil.</i>	163	<i>nafticillin sodium.</i>	40	NEVANAC.....	275
<i>mirtazapine.</i>	57	<i>naftifine hcl.</i>	69	<i>nevirapine.</i>	112
<i>misoprostol.</i>	208	<i>naloxone hcl.</i>	27	<i>nevirapine er.</i>	112
<i>modafinil.</i>	294	<i>naltrexone hcl.</i>	26	NEXAVAR.....	91
<i>moexipril hcl.</i>	144	<i>naltrexone/bupropion 8-90 mg tablet.</i>	168	NEXLETOL.....	161
Molecular Target Inhibitors.....	87	NAMENDA XR.....	56	NEXLIZET.....	162
<i>molindone hcl.</i>	103	<i>naproxen.</i>	21	<i>niacin 100 mg tablet.</i>	195
<i>mometasone furoate.</i>	178	<i>naratriptan.</i>	72	<i>niacin 250 mg tablet er.</i>	195
Monoamine Oxidase B (MAO-B) Inhibitors.....	101	<i>naratriptan hcl.</i>	72	<i>niacin 50 mg tablet.</i>	196
Monoamine Oxidase Inhibitors.....	58	NARCAN.....	27	<i>niacin er.</i>	162
Monoclonal Antibody/Antibody-Drug Conjugate.....	94	NATACYN.....	69	<i>nicardipine hcl.</i>	150
<i>montelukast sodium.</i>	281	NATAZIA.....	235	<i>nicotine 14mg/24hr patch td24.</i>	28
MONUROL.....	34	<i>nateglinide.</i>	127	<i>nicotine 21 mg/24hr patch td24.</i>	28
Mood Stabilizers.....	124	NATELLE ONE.....	195	<i>nicotine 21-14-7mg patch dysq.</i>	28
<i>morphine sulfate.</i>	22,24	NATPARA.....	216	<i>nicotine 7mg/24hr patch td24.</i>	28
<i>morphine sulfate er.</i>	22	NAYZILAM.....	50	<i>nicotine polacrilex 2 mg gum.</i>	28
MOVANTIK.....	204	NEBUPENT.....	97	<i>nicotine polacrilex 2 mg lozenge.</i>	28
MOVIPREP.....	207	NECON.....	235	<i>nicotine polacrilex 4 mg gum.</i>	28
<i>moxifloxacin.</i>	44	<i>needles, insulin disp., safety.</i>	296		
MULTAQ.....	146	NEEVODHA.....	195		
Multiple Sclerosis Agents.....	169	<i>nefazodone hcl.</i>	60		
<i>mupirocin.</i>	34	<i>neomycin sulfate.</i>	29		
		<i>neomycin-bacitracin-poly-hc.</i>	270		
		<i>neomycin-bacitracin-polymyxin.</i>	270		

ORSYTHIA.....	236	PAZEO.....	273	<i>phentermine hcl 30 mg capsule.....</i>	168
<i>oseltamivir phosphate.....</i>	121	PEDIARIX.....	260	PHENYTEK.....	54
OSMOPREP.....	187	Pediculicides/Scabicides.....	98	<i>phenytoin.....</i>	54
OTEZLA.....	261	PEDVAXHIB.....	263	<i>phenytoin sodium extended.....</i>	54
OTIC AGENTS.....	278	<i>peg 3350-electrolyte.....</i>	202	Phosphate Binders.....	214
Otic Agents.....	278	<i>peg-3350 and electrolytes.....</i>	202	Phosphodiesterase Inhibitors,	
<i>oxacillin.....</i>	40	<i>peg3350-sod sul-nacl-kcl-asb- c.....</i>	207	Airways Disease.....	285
<i>oxacillin sodium.....</i>	41	PEGANONE.....	54	PHOSPHOLINE IODIDE.....	276
<i>oxandrolone.....</i>	236	PEGASYS.....	119	<i>phytonadione (vit k1) 5 mg tablet.....</i>	196
<i>oxazepam.....</i>	124	PEGASYS PROCLICK.....	119	PIFELTRO.....	112
OXBRYTA.....	140	PEMAZYRE.....	82	<i>pilocarpine hcl.....</i>	172,276
<i>oxcarbazepine.....</i>	54	<i>penicillamine.....</i>	214	<i>pimecrolimus.....</i>	179
OXERVATE.....	272	<i>penicillin g potassium.....</i>	41	<i>pimozide.....</i>	103
<i>oxiconazole nitrate.....</i>	70	<i>penicillin g procaine.....</i>	41	PIMTREA.....	236
OXISTAT.....	70	<i>penicillin g sodium.....</i>	41	<i>pindolol.....</i>	148
<i>oxybutynin chloride.....</i>	212	<i>penicillin gk-iso-osm dextrose.....</i>	41	<i>pioglitazone hcl.....</i>	127
<i>oxybutynin chloride er.....</i>	212	<i>penicillin v potassium.....</i>	41	<i>piperacillin-tazobactam.....</i>	32,41
<i>oxycodone hcl.....</i>	24	PENNSAID.....	21	<i>piperonyl butoxide/pyrethrins 4%-0.33% shampoo.....</i>	179
<i>oxycodone hcl er.....</i>	23	PENTACEL DTAP-IPV COMPONENT.....	264	PIQRAY.....	91
<i>oxycodone hcl-aspirin.....</i>	19	PENTAM 300.....	97	PIRMELLA.....	236
<i>oxycodone-acetaminophen.....</i>	19	<i>pentamidine isethionate.....</i>	97	<i>piroxicam.....</i>	21
OXYCONTIN.....	23	PENTASA.....	266	PLASMA-LYTE 148.....	187
<i>oxymorphone hcl.....</i>	25	<i>pentoxifylline.....</i>	157	PLASMA-LYTE A PH 7.4.....	187
<i>oxymorphone hcl er.....</i>	23	<i>perindopril erbumine.....</i>	145	Platelet Modifying Agents.....	141
OXYTROL.....	212	PERIOGARD.....	172	PLEGRIDY.....	171
P		<i>permethrin.....</i>	98	PLEGRIDY PEN.....	171
PADCEV.....	82	<i>permethrin 1 % liquid.....</i>	98	PLENAMINE.....	210
<i>paliperidone er.....</i>	106	<i>perphenazine.....</i>	103	<i>pmdd fluoxetine 10mg tablet.....</i>	61
<i>palonosetron hcl.....</i>	66	<i>perphenazine-amitriptyline.....</i>	57	<i>pmdd fluoxetine 20mg tablet.....</i>	61
PALYNZIQ.....	210	PERTZYE.....	202,210	PNV-DHA.....	196
PANCREAZE.....	210	PFIZERPEN.....	41	PNV-OMEGA.....	196
PANRETIN.....	95	PHENADOZ.....	64	PNV-VP-U.....	196
<i>pantoprazole sodium.....</i>	208	<i>phenelzine sulfate.....</i>	58	<i>podofilox.....</i>	179
PANZYGA.....	259	<i>phenobarbital.....</i>	50,297	<i>polymyxin b sul-trimethoprim.....</i>	271
Parasympathomimetics.....	74	<i>phenoxybenzamine hcl.....</i>	143	<i>polymyxin b sulfate.....</i>	35
<i>paricalcitol.....</i>	268	<i>phentermine hcl 15 mg capsule.....</i>	168	<i>polyvinyl alcohol 1.4 % ophthalmic drops.....</i>	271
<i>paromomycin sulfate.....</i>	29				
<i>paroxetine hcl.....</i>	60				
PASER.....	74				
PAXIL.....	61				

POMALYST.....	77	PRENATE AM.....	197	<i>propranolol hcl</i>	148
PORTIA.....	237	PRENATE CHEWABLE....	197	<i>propranolol hcl er</i>	148
<i>posaconazole</i>	70	PRENATE DHA.....	197	<i>propranolol-</i>	
<i>potassium</i>		PRENATE ESSENTIAL....	197	<i>hydrochlorothiazid</i>	155
<i>chloride</i>	187,196,197,297	PREVIFEM.....	237	<i>propylene glycol/peg 400 0.3</i>	
<i>potassium chloride in d5lr</i> ...	194	PREVYMIS.....	117	<i>%-0.4% eye drops</i>	271
<i>potassium chloride proamp</i> ...	188	PREZCOBIX.....	116	<i>propylthiouracil</i>	250
<i>potassium chloride-0.9%</i>		PREZISTA.....	117	PROQUAD.....	264
<i>nacl</i>	188	PRIFTIN.....	75	PROSOL.....	197
<i>potassium chloride-nacl</i>	188	<i>primaquine</i>	97	Protectants.....	208
<i>potassium chloride-water</i> ...	196	<i>primidone</i>	50	Proton Pump Inhibitors....	208
<i>potassium citrate er</i>	188	PRIVIGEN.....	260	<i>protriptyline hcl</i>	63
PRADAXA.....	138	PROAIR RESPICLICK.....	283	<i>pseudoephedrine hcl 30 mg</i>	
PRALUENT PEN.....	162	<i>probenecid</i>	71	<i>tablet</i>	292
<i>pramipexole</i>		<i>probenecid-colchicine</i>	71	<i>pseudoephedrine hcl 30 mg/5</i>	
<i>dihydrochloride</i>	100	PROCALAMINE.....	197	<i>ml liquid</i>	292
<i>prasugrel hcl</i>	142	<i>prochlorperazine</i>	64	<i>pseudoephedrine hcl 60 mg</i>	
<i>pravastatin sodium</i>	160	<i>prochlorperazine maleate</i> ...	64	<i>tablet</i>	292
<i>praziquantel</i>	96	PROCRIT.....	140	<i>psyllium husk/aspartame</i>	
<i>prazosin hcl</i>	143	PROCTO-MED HC.....	179	<i>3.4g/5.8g powder</i>	202
PRED MILD.....	275	PROCTOSOL-HC.....	179	PULMICORT FLEXHALER.....	280
PRED-G.....	271	PROCTOZONE-HC.....	179	Pulmonary	
<i>prednicarbate</i>	179	<i>progesterone</i>	243	Antihypertensives.....	286
<i>prednisolone</i>	218	Progestins.....	241	Pulmonary Fibrosis Agents.....	288
<i>prednisolone acetate</i>	275	PROGLYCEM.....	131	PULMOZYME.....	292
<i>prednisolone sodium phos</i>		PROGRAF.....	255	PUREFE OB PLUS.....	198
<i>odt</i>	218	PROLASTIN C 1,000 MG		PURIXAN.....	79
<i>prednisolone sodium</i>		VIAL.....	211	<i>pyrantel pamoate 50 mg/ml</i>	
<i>phosphate</i>	218,275	PROLIA.....	268	<i>oral susp</i>	96
<i>prednisone</i>	218	PROMACTA.....	140	<i>pyrazinamide</i>	75
PREDNISONONE INTENSOL.....	218	<i>promethazine hcl</i>	64	<i>pyridostigmine bromide</i>	74
PREFEST.....	237	<i>promethazine hcl/codeine 6.25-</i>		<i>pyridostigmine bromide er</i> ...	74
<i>pregabalin</i>	47,48	<i>10/5 syrup</i>	289	<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 100</i>	
PREMARIN.....	224,225	<i>promethazine/dextromethorpha</i>		<i>mg tablet</i>	198
PREMASOL.....	197	<i>n 6.25-15/5 syrup</i>	290	<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 25</i>	
PREMPHASE.....	237	<i>promethazine/phenyleph/codei</i>		<i>mg tablet</i>	198
PREMPRO.....	237	<i>ne 6.25-5-10 syrup</i>	290	<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 50</i>	
<i>prenatal tablet</i>	197	PROMETHEGAN.....	64	<i>mg tablet</i>	198
<i>prenatal vitamin with minerals</i>		<i>propafenone hcl</i>	146	<i>pyrimethamine</i>	97
<i>and folic acid greater than 0.8</i>		<i>propafenone hcl er</i>	146		
<i>mg oral tablet</i>	197	Prophylactic.....	72		

Q	REPATHA SURECLICK.....	162	RUKOBIA.....	114		
	REPATHA SYRINGE.....	162	RUXIENCE.....	94		
	QBREXZA.....	179	Respiratory Tract Agents,	RYBELSUS.....	127	
	QINLOCK.....	92	Other.....	288	RYDAPT.....	92
QUADRACEL DTAP-IPV.....	264,297	RESPIRATORY TRACT/PULMONARY AGENTS.....	279	S	SABRIL.....	50
QUARTETTE.....	237	Respiratory Tract/Pulmonary Agents.....	290		SAFYRAL.....	237
quetiapine fumarate.....	107	RESTASIS.....	272		SAIZEN.....	220
quetiapine fumarate er.....	107	RESTASIS MULTIDOSE.....	272		SAIZEN-SAIZENPREP.....	220
quinapril hcl.....	145	RETACRIT.....	140	SANDIMMUNE.....	255	
quinapril-hydrochlorothiazide.....	155	RETEVMO.....	92	SANTYL.....	180	
quinidine gluconate.....	146	Retinoids.....	95	SAPHRIS.....	108	
quinidine sulfate.....	146	REVLIMID.....	77	sapropterin dihydrochloride.....	211	
quinine sulfate.....	97	REXULTI.....	107	SARCLISA.....	83	
Quinolones.....	42	REYATAZ.....	117	SAVELLA.....	168	
QVAR REDIHALER.....	280	ribavirin.....	119	scopolamine.....	65	
R	riboflavin (vitamin b2) 50 mg tablet.....	198	SEASONIQUE.....	238		
	RABAVERT.....	264	SECUADO.....	108		
	rabeprazole sodium.....	208	Selective Estrogen Receptor Modifying Agents.....	243		
	raloxifene hcl.....	243	selegiline hcl.....	99,101		
ramelteon.....	294	rifabutin.....	74	selenium sulfide.....	180	
ramipril.....	145	rifampin.....	75	selenium sulfide 1 % shampoo.....	180	
ranolazine er.....	157	riluzole.....	168	SELZENTRY.....	115	
RAPAMUNE.....	255	rimantadine hcl.....	120	SEMGLEE.....	135	
rasagiline mesylate.....	101	RISPERDAL CONSTA.....	107	SEMGLEE PEN.....	135	
RAVICTI.....	211	risperidone.....	107	sennosides 8.6 mg tablet.....	208	
RAYALDEE.....	269	risperidone odt.....	108	SEREVENT DISKUS.....	283	
REBIF.....	171	ritonavir.....	117	SEROSTIM.....	204	
REBIF REBIDOSE.....	171	RITUXAN.....	82	Serotonin (5-HT) 1b/1d Receptor Agonists.....	72	
RECLIPSEN.....	237	rivastigmine.....	55,56	sertraline hcl.....	61	
RECOMBIVAX HB.....	260,264	RIVELSA.....	237	SETLAKIN.....	238	
RECTIV.....	164	rizatriptan.....	73	sevelamer carbonate.....	215	
REGRANEX.....	179	ropinirole hcl.....	100	sevelamer hcl.....	215	
RELENZA.....	120	ROSADAN.....	35	SHAROBEL.....	243	
RELISTOR.....	204	rosuvastatin calcium.....	160	SHINGRIX.....	264	
REMICADE.....	255	ROTARIX.....	264	SIGNIFOR.....	249	
RENFLEXIS.....	260	ROTATEQ.....	264	sildenafil.....	287	
repaglinide.....	127	ROZLYTREK.....	82,83			
REPATHA PUSHTRONEX.....	162	RUBRACA.....	83			
		rufinamide.....	54			

<i>sildenafil citrate</i>	287	<i>sodium,potassium phosphates</i>	<i>sulfamethoxazole-</i>
SILIQ.....	255	<i>280-250 mg oral powder</i>	<i>trimethoprim</i>
SILVADENE.....	44	<i>packets</i>	183
<i>silver sulfadiazine</i>	44	<i>sofosbuvir-velpatasvir</i>	119
<i>simethicone 80 mg tab</i>		<i>solifenacin succinate</i>	212
<i>chew</i>	202	SOLQUA 100-33.....	129
SIMLIYA.....	238	SOLOSEC.....	35
SIMPONI.....	255,256	SOLTAMOX.....	78
<i>simvastatin</i>	160,161	SOMATULINE DEPOT.....	249
<i>sirolimus</i>	256	SOMAVERT.....	249
SIRTURO.....	75	<i>sotalol</i>	146
SIVEXTRO.....	35	SOTALOL AF.....	147
SKELETAL MUSCLE		SOVALDI.....	119
RELAXANTS.....	293	SPIRIVA HANDIHALER.....	282
Skeletal Muscle Relaxants.....	293	SPIRIVA RESPIMAT.....	282
SKYRIZI.....	256	<i>spironolactone</i>	158
SKYRIZI (2 SYRINGES)		<i>spironolactone-hctz</i>	155
KIT.....	256	SPORANOX.....	70
SLEEP DISORDER		SPRINTEC.....	238
AGENTS.....	293	SPRITAM.....	47
Sleep Disorders, Other.....	294	SPRYCEL.....	92
SLYND.....	238	SPS.....	184
Smoking Cessation Agents.....	27	SRONYX.....	238
<i>sod borate/boric ac/water/nacl</i>		SSD.....	44
<i>irrig soln</i>	271	SSRI/SNRI (Selective	
<i>sodium bicarbonate 325 mg</i>		Serotonin Reuptake	
<i>tablet</i>	203	Inhibitor/Serotonin and	
<i>sodium bicarbonate 650 mg</i>		Norepinephrine Reuptake	
<i>tablet</i>	203	Inhibitor).....	58
Sodium Channel Agents.....	53	<i>stavudine</i>	113
<i>sodium chloride</i>	188,198	STELARA.....	180
<i>sodium chloride 0.65 %</i>		STIOLTO RESPIMAT.....	292
<i>spray</i>	290	STIVARGA.....	92
<i>sodium chloride 5 % drops</i>	271	<i>streptomycin sulfate</i>	29
<i>sodium chloride-water</i>	188	STRIBILD.....	111
<i>sodium fluoride 2.2 mg (fluoride</i>		STRIVERDI RESPIMAT.....	284
<i>ion 1 mg) oral tablet</i>	198	<i>sucralfate</i>	208
<i>sodium phenylbutyrate</i>	211	<i>sulfacetamide sodium</i>	44
<i>sodium polystyrene</i>		<i>sulfacetamide-prednisolone</i>	271
<i>sulfonate</i>	183	<i>sulfadiazine</i>	44
<i>sodium sulfacetamide</i>	44		

T

TABLOID.....	79
TABRECTA.....	86
<i>tacrolimus</i>	180,256
<i>tadalafil</i>	287
<i>tadalafil 20mg tablet (adcirca</i>	
<i>generic)</i>	287
TAFINLAR.....	92
TAGRISSO.....	93
TAKHZYRO.....	250
TALTZ AUTOINJECTOR.....	180

TALTZ AUTOINJECTOR (2 PACK).....	180	<i>tetracycline hcl</i>	45	TOVIAZ.....	213
TALTZ AUTOINJECTOR (3 PACK).....	180	Tetracyclines.....	45	TPN ELECTROLYTES.....	199
TALTZ SYRINGE.....	180	THALOMID.....	78	TPN ELECTROLYTES II...	199
TALTZ SYRINGE (2 PACK).....	180	<i>theophylline</i>	285	TRACLEER.....	287
TALTZ SYRINGE (3 PACK).....	181	<i>theophylline anhydrous</i>	286	TRADJENTA.....	128
TALZENNA.....	83	<i>theophylline er</i>	286	<i>tramadol hcl</i>	25
<i>tamoxifen citrate</i>	78	<i>thiamine hcl 50 mg tablet</i> ...	198	<i>trandolapril</i>	145
<i>tamsulosin hcl</i>	213	THIOLA.....	214	<i>tranexamic acid</i>	141
TAPERDEX.....	238	THIOLA EC.....	214	<i>tranylcypromine sulfate</i>	58
TARGRETIN.....	95	<i>thioridazine hcl</i>	103	TRAVASOL.....	199
TARINA 24 FE.....	238	<i>thiotepa</i>	83	TRAVATAN Z.....	277
TARINA FE.....	239	<i>thiothixene</i>	103	<i>travoprost</i>	277
TARINA FE 1-20 EQ.....	238	TIADYL T ER.....	151	TRAZIMERA.....	84
TARON-C DHA.....	198	<i>tiagabine hcl</i>	50	<i>trazodone hcl</i>	61
TASIGNA.....	93	TIBSOVO.....	83	Treatment Adjuncts.....	95
TAVALISSE.....	256	<i>tigecycline</i>	35	Treatment-Resistant.....	109
<i>tazarotene</i>	181	TIGLUTIK.....	169	TRECATOR.....	75
TAZORAC.....	181	<i>timolol maleate</i>	148,277	TRELEGY ELLIPTA.....	290
TAZTIA XT.....	150	<i>tinidazole</i>	35	TRELSTAR.....	249
TAZVERIK.....	83	TIROSINT.....	245	TREMFYA.....	256
<i>tdvax</i>	264	TIROSINT-SOL.....	246	TRESIBA.....	135
TECFIDERA.....	171	TIVICAY.....	111	TRESIBA FLEXTOUCH U-	
TEFLARO.....	38	TIVICAY PD.....	111	100.....	135
TEGSEDI.....	168	<i>tizanidine hcl</i>	110	TRESIBA FLEXTOUCH U-	
<i>telmisartan</i>	143	TOBI PODHALER.....	285	200.....	135
<i>temazepam</i>	294	TOBRADEX.....	29	<i>tretinoin</i>	95,181
TEMIXYS.....	115	TOBRADEX ST.....	271	TRI-ESTARYLLA.....	239
TENIVAC.....	265	<i>tobramycin</i>	30,285	TRI-LEGEST FE.....	239
<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>	118	<i>tobramycin sulfate</i>	30	TRI-LO-ESTARYLLA.....	239
<i>terazosin hcl</i>	143	<i>tobramycin-dexamethasone</i>	272	TRI-LO-SPRINTEC.....	239
<i>terbinafine hcl</i>	70	TOBREX.....	30	TRI-MILI.....	239
<i>terconazole</i>	70	<i>tolcapone</i>	99	TRI-PREVIFEM.....	239
<i>testosterone</i>	221	<i>tolnaftate 1% cream</i>	181	TRI-SPRINTEC.....	239
<i>testosterone 10 mg gel pump</i>	222	<i>tolterodine tartrate</i>	213	TRI-VYLIBRA.....	239
<i>testosterone cypionate</i>	222	<i>tolterodine tartrate er</i>	213	TRI-VYLIBRA LO.....	239
<i>testosterone enanthate</i>	222	<i>tolvaptan</i>	198	<i>triamcinolone acetonide</i>	172,181
<i>tetrabenazine</i>	169	<i>topiramate</i>	52	<i>triamcinolone acetonide</i>	55
		<i>toremifene citrate</i>	78	<i>mcg spray</i>	280
		<i>torseamide</i>	158	<i>triamterene-hydrochlorothiazid</i>	155
		TOUJEO MAX SOLOSTAR.....	135		
		TOUJEO SOLOSTAR.....	135		

triazolam.....	294	TYSABRI.....	171	VENOFER.....	184
Tricyclics.....	62			VENTAVIS.....	287
TRIDERM.....	181	U		<i>verapamil er</i>	151
<i>trientine hcl</i>	184	UDENYCA.....	140	<i>verapamil er pm</i>	151
<i>trifluoperazine hcl</i>	103	ULTIMATECARE ONE.....	199	<i>verapamil hcl</i>	151
<i>trifluridine</i>	121	UNCATEGORIZED.....	296	<i>verapamil sr</i>	151
<i>trihexyphenidyl hcl</i>	98	Unclassified.....	296	VERSACLOZ.....	109
TRIJARDY XR.....	130	UNITHROID.....	246	VERZENIO.....	84
TRIKAFTA.....	285	UPTRAVI.....	287	VIBERZI.....	206
TRILYTE WITH FLAVOR		<i>urine glucose-acet test strip</i>	296	VIBRAMYCIN.....	45
PACKETS.....	203	<i>ursodiol</i>	204	VIEKIRA PAK.....	119
<i>trimethobenzamide hcl</i>	65			VIENVA.....	240
<i>trimethoprim</i>	35	V		<i>vigabatrin</i>	51
<i>trimipramine maleate</i>	63	VABOMERE.....	39	VIGADRONE.....	51
TRINTELLIX.....	61	Vaccines.....	261	VIIBRYD.....	62
<i>triprolidine/pseudoephedrine</i>		<i>valacyclovir</i>	121	VIMPAT.....	54
<i>2.5mg-60mg tablet</i>	281	VALCHLOR.....	76	VINATE CARE.....	199
TRIUMEQ.....	122	<i>valganciclovir hcl</i>	117,122	<i>vinblastine sulfate</i>	84
TRIVORA-28.....	240	<i>valproic acid</i>	51	VIOKACE.....	203
TROPHAMINE.....	199	<i>valsartan</i>	144	VIRACEPT.....	117
<i>tropium chloride</i>	213	<i>valsartan-</i>		VIRAMUNE.....	112
<i>tropium chloride er</i>	213	<i>hydrochlorothiazide</i>	155	VIREAD.....	118
TRULANCE.....	206	VALTOCO.....	51	VIRT-C DHA.....	199
TRULICITY.....	128	<i>vancomycin hcl</i>	32,35,36	VIRT-PN DHA.....	199
TRUMENBA.....	265	VAQTA.....	265	VIRT-PN PLUS.....	199
TRUVADA.....	113	VARIVAX VACCINE.....	265	<i>vitamin a 10,000 unit</i>	
TRUXIMA.....	94	VARIZIG.....	265	<i>capsule</i>	199
TUDORZA PRESSAIR 400		VASCEPA.....	162	<i>vitamin e (dl,tocopheryl acet)</i>	
MCG INH (30		Vasodilators, Direct-acting		<i>200 unit capsule</i>	200
ACTUATIONS).....	282	Arterial.....	162	VITRAKVI.....	84
TUDORZA PRESSAIR 400		Vasodilators, Direct-acting		VIVITROL.....	27
MCG INH (60		Arterial/Venous.....	163	VIZIMPRO.....	84
ACTUATIONS).....	282	VELIVET.....	240	VOL-PLUS.....	200
TUKYSA.....	93	VEMLIDY.....	122	VOLNEA.....	240
TURALIO.....	84	VENCLEXTA.....	93	<i>voriconazole</i>	70
TWINRIX.....	265	VENCLEXTA 10 MG		VOSEVI.....	120
TYBOST.....	115	TABLET.....	93	VOTRIENT.....	94
TYDEMY.....	240	VENCLEXTA STARTING		VP-GGR-B6.....	200
TYKERB.....	93	PACK.....	93	VRAYLAR.....	108
TYMLOS.....	269	<i>venlafaxine hcl</i>	61	VYFEMLA.....	240
TYPHIM VI.....	265	<i>venlafaxine hcl er</i>	62	VYLIBRA.....	240

VYNDAMAX.....	157	ZATEAN-PN DHA.....	200
VYNDAREL.....	157	ZATEAN-PN PLUS.....	200

W

<i>warfarin sodium</i>	138	ZEJULA.....	94
WELCHOL.....	128	ZELAPAR.....	101
WIXELA INHUB.....	290	ZELBORAF.....	94
WYMZYA FE.....	240	ZELNORM.....	206

X

XALKORI.....	94	ZERBAXA.....	38
XARELTO.....	138	<i>zidovudine</i>	113
XATMEP.....	256	ZIEXTENZO.....	141
XCOPRI.....	47	ZINGIBER.....	200
XELJANZ.....	257	<i>ziprasidone hcl</i>	108
XELJANZ XR.....	257	<i>ziprasidone mesylate</i>	108
XEMBIFY.....	260	ZIRABEV.....	85
XERMELO.....	204	ZIRGAN.....	117
XGEVA.....	269	<i>zoledronic acid</i>	269
XIFAXAN.....	36	ZOLINZA.....	86
XIIDRA.....	272	<i>zolmitriptan</i>	73
XOFLUZA.....	292	<i>zolmitriptan odt</i>	73
XOLAIR.....	292	<i>zolpidem tartrate</i>	294
XOSPATA.....	94	ZOMACTON.....	220
XPOVIO.....	84,85	<i>zonisamide</i>	48
XTANDI.....	77	ZONTIVITY.....	138
XULANE.....	240	ZORBTIVE.....	205
XYREM.....	294	ZORTRESS.....	257

Y

YASMIN 28.....	241	ZOVIA 1-35E.....	241
YAZ.....	241	ZOVIA 1-50E.....	241
YF-VAX.....	265	ZYDELIG.....	94
YONSA.....	77	ZYKADIA.....	94
YUVAFEM.....	241	ZYPREXA RELPREVV.....	108
		ZYTIGA.....	77

Z

<i>zafirlukast</i>	282
<i>zaleplon</i>	294
ZARAH.....	241
ZARXIO.....	141

Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect

Cách Thức	Văn Phòng Dịch Vụ – Thông Tin Liên Lạc
ĐIỆN THOẠI	1-855-705-8823 Các cuộc gọi đến số điện thoại này miễn phí. Quý vị có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Văn Phòng Dịch Vụ cũng có dịch vụ thông dịch miễn phí cho các thành viên không nói tiếng Anh.
MÁY TTY	1-800-735-2929 Các cuộc gọi đến số điện thoại này miễn phí. Quý vị có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.
FAX	1-714-246-8711
GỬI THƯ	OneCare Connect Attention: Customer Service 505 City Parkway West Orange, CA 92868
EMAIL	OneCareConnectCS@caloptima.org
TRANG MẠNG	www.caloptima.org/onecareconnect